

# Hướng dẫn Sử dụng Điện thoại Nokia N80

# CE 0434 ⓘ

## TUYÊN BỐ VỀ SỰ PHÙ HỢP

Bằng văn bản này, NOKIA CORPORATION tuyên bố rằng sản phẩm RM-92 này tuân thủ các yêu cầu thiết yếu và các quy định có liên quan khác của Chỉ Thị 1999/5/EC. Quý khách có thể tìm thấy bản sao bản Tuyên bố về sự phù hợp tại [http://www.nokia.com/phones/declaration\\_of\\_conformity/](http://www.nokia.com/phones/declaration_of_conformity/).

© 2006 Nokia. Mọi quyền được bảo lưu.

Nokia, Nokia Connecting People, Nseries, N80, Pop-Port và Visual Radio là các nhãn hiệu hàng hóa hoặc nhãn hiệu hàng hóa đã đăng ký của Nokia Corporation. Nokia tune là nhãn hiệu âm thanh của Nokia Corporation. Các tên công ty và tên sản phẩm khác được đề cập ở đây có thể là các nhãn hiệu hàng hóa hoặc tên thương mại của các chủ sở hữu tương ứng.

Nokia tune là nhãn hiệu âm thanh của Nokia Corporation.

## symbian

Sản phẩm này có các phần mềm được Symbian Software Ltd © 1998-2006 cấp bản quyền. Symbian và Symbian OS là các nhãn hiệu của Symbian Ltd.



Java™ và tất cả các nhãn hiệu dựa trên nền Java là các nhãn hiệu hàng hóa hoặc nhãn hiệu hàng hóa đã được đăng ký của Sun Microsystems, Inc.

Stac®, LZS®, ©1996, Stac, Inc., ©1994-1996 Microsoft Corporation.

Bao gồm một hoặc nhiều Bằng sáng chế của Mỹ: Số 4701745, 5016009, 5126739, 5146221 và 5414425. Các sáng chế đang chờ cấp bằng khác.

Hi/fn®, LZS® ©1988-98, Hi/fn. Bao gồm một hoặc nhiều Bằng sáng chế của Mỹ: Số 4701745, 5016009, 5126739, 5146221 và 5414425.

Các sáng chế đang chờ cấp bằng khác.

Các phần trong phần mềm của sản phẩm này là © Copyright ANT Ltd. 1998. Mọi quyền được bảo lưu.

Bằng sáng chế của Mỹ số 5818437 và các bằng sáng chế khác đang chờ cấp. Bản quyền phần mềm nhập văn bản T9 © 1997-2006. Tegic Communications, Inc. Mọi quyền được bảo lưu.

Sản phẩm này được lrixâng theo Lixâng MPEG-4 Visual Patent Portfolio để (i) sử dụng cá nhân và phi thương mại bởi người tiêu dùng trong hoạt động cá nhân và phi thương mại liên quan đến những thông tin đã được mã hóa tuân theo Chuẩn MPEG-4 Visual Standard và (ii) sử dụng liên quan đến các video MPEG-4 do nhà cung cấp video đã được lrixâng cung cấp. Không cấp lrixâng hoặc ngụ ý cấp lrixâng cho bất cứ sự sử dụng nào khác. Có thể thu thập các thông tin bổ sung, kể cả các thông tin có liên quan đến việc sử dụng trong nội bộ, sử dụng cho thương mại và khuyến mãi từ MPEG LA, LLC. Xem thông tin trên trang web <<http://www.mpeglal.com>>.

Nokia thực hiện chính sách phát triển không ngừng. Nokia bảo lưu quyền thực hiện các thay đổi và cải tiến đối với bất kỳ các sản phẩm nào được mô tả trong tài liệu này mà không cần thông báo trước.

Nokia sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp về việc mất dữ liệu hay thu thập hoặc những thiệt hại khác có tính chất đặc biệt, ngẫu nhiên, tát yếu, hay gián tiếp.

Nội dung của tài liệu này được cung cấp 'theo tình trạng hiện tại'. Ngoài trừ do yêu cầu của luật áp dụng liên quan, sẽ không có bất kỳ sự bảo đảm nào được thể hiện rõ ràng hay ngụ ý, bao gồm nhưng không giới hạn các bảo hành thương mại được bao hàm và sử dụng sản phẩm phù hợp với mục đích cụ thể, liên quan đến tính chính xác, độ tin cậy hoặc nội dung của tài liệu này. Nokia có quyền sửa đổi hoặc thu hồi tài liệu này tại bất kỳ thời điểm nào mà không cần thông báo trước.

Tính khả dụng của các sản phẩm riêng biệt có thể khác nhau tùy theo từng khu vực. Xin liên hệ với đại lý Nokia gần nhất.

Điện thoại này có chứa các thành phần, công nghệ hoặc phần mềm tuân thủ theo luật lệ và quy tắc xuất khẩu của Mỹ và các quốc gia khác.

Những việc trái với luật pháp bị cấm.

Số phát hành lần 2

# Nội dung

<b>An toàn cho người sử dụng .....</b>	<b>v</b>		
<b>Điện thoại Nokia N80 của bạn .....</b>	<b>1</b>		
Cập nhật phần mềm .....	1	Chỉnh sửa hình ảnh .....	20
Cài đặt .....	1	Quay phim .....	20
Thông tin liên hệ và hỗ trợ của Nokia .....	1	Biên tập các đoạn phim .....	23
Chuyển nội dung từ điện thoại khác .....	2		
Các chí báo cần biết .....	3		
Khóa bàn phím (bảo vệ phím) .....	4	<b>Gallery (Bộ sưu tập).....</b>	<b>26</b>
Điều chỉnh loa và âm lượng .....	4	Xem hình ảnh và video clip .....	27
Đồng hồ .....	4	Trình chiếu .....	28
Tai Nghe .....	5	Diễn thuyết .....	28
Dây đeo cổ tay .....	6	Album .....	28
Mạng LAN không dây .....	6	Các tập tin dự phòng .....	29
Mạng gia đình .....	7	Home netw .....	29
Thẻ nhớ .....	9	Online sharing (Chia sẻ trực tuyến) .....	32
Trình quản lý tập tin .....	10		
Các phím tắt hữu dụng .....	12		
Trợ giúp .....	13	<b>Các ứng dụng media .....</b>	<b>36</b>
Tutorial .....	13	Máy nghe nhạc .....	36
<b>Camera .....</b>	<b>14</b>	In ảnh .....	38
Chụp hình .....	14	RealPlayer .....	39
		Movie director .....	41
		Flash Player .....	43
		<b>Nhắn tin .....</b>	<b>45</b>
		Viết văn bản .....	46
		Soạn và gửi tin nhắn .....	48

Hộp thư đến—nhận tin nhắn .....	50	mục .....	77
Hộp thư .....	52	Ngưng kết nối .....	78
Xem tin nhắn trên thẻ SIM .....	54	Cài đặt .....	78
Cài đặt nhắn tin .....	54	Web .....	79
<b>Danh bạ (Danh bạ điện thoại).....</b>	<b>60</b>	<b>Lịch .....</b>	<b>84</b>
Lưu tên và số điện thoại.....	60	Tạo các mục nhập lịch .....	84
Sao chép số liên lạc .....	61	Xem lịch .....	85
Gán nhạc chuông cho các số liên lạc .....	62	Quản lý các mục nhập lịch .....	85
Tạo các nhóm liên lạc .....	63	Cài đặt lịch .....	85
<b>Gọi điện .....</b>	<b>64</b>	<b>My own .....</b>	<b>86</b>
Cuộc gọi thoại .....	64	Visual Radio .....	86
Cuộc gọi video .....	66	Go to—thêm phím tắt .....	88
Chia sẻ video .....	67	IM—nhắn tin trò chuyện .....	88
Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi .....	70	Trò chơi .....	91
Log .....	72	<b>Kết nối .....</b>	<b>92</b>
<b>Trình duyệt Web .....</b>	<b>75</b>	Kết nối Bluetooth .....	92
Services .....	75	Kết nối hồng ngoại .....	96
Điểm truy cập .....	75	Data cable .....	96
Giao diện chỉ mục .....	76	Kết nối với máy PC .....	97
Kết nối bảo mật .....	76	Quản lý kết nối .....	98
Trình duyệt .....	76	Đồng bộ hóa .....	98
Các chương trình tải xuống từ mạng và mua các		Trình quản lý thiết bị .....	99

<b>Các ứng dụng văn phòng.....</b>	<b>102</b>	<b>Giải quyết sự cố: Hỏi &amp; Đáp.....</b>	<b>124</b>
Máy tính .....	102		
Bộ chuyển đổi.....	102		
Ghi chú .....	102		
Máy ghi âm .....	103		
<b>Cài đặt riêng điện thoại.....</b>	<b>104</b>	<b>Thông tin về pin.....</b>	<b>128</b>
Profiles—cài âm .....	104	Sạc và xả pin .....	128
Thay đổi giao diện điện thoại.....	106	Hướng dẫn xác thực pin Nokia .....	129
Chế độ Active standby.....	106		
<b>Tools .....</b>	<b>107</b>	<b>Phụ kiện chính hãng Nokia.....</b>	<b>131</b>
Phím đa phương tiện.....	107	Pin.....	132
Settings.....	107	Bộ Tai Nghe Không Dây Nokia HS-26W .....	133
Lệnh thoại .....	119	Bộ Tai Nghe Không Dây Nokia HS-36W .....	133
Quản lý ứng dụng .....	120	Tai Nghe Nokia trên xe Plug-in Không dây HF-6W.....	134
Mã khóa kích hoạt cho các tập tin được bảo hộ bởi bản quyền tác giả .....	122	Bàn Phím Không Dây Nokia SU-8W.....	134
<b>Giữ gìn và Bảo trì.....</b>	<b>136</b>		
<b>Thông tin bổ sung về sự an toàn</b>	<b>137</b>		
<b>Từ mục .....</b>	<b>141</b>		

# An toàn cho người sử dụng

Hãy đọc những hướng dẫn đơn giản này. Việc không tuân theo các hướng dẫn này có thể là phạm pháp hoặc gây nguy hiểm. Đọc sách hướng dẫn sử dụng đầy đủ để biết thêm thông tin.



**BẤT MÁY AN TOÀN** Không bật thiết bị này khi bị cấm sử dụng điện thoại vô tuyến hoặc khi thiết bị này có thể gây nhiễu sóng hoặc gây ra nguy hiểm.



**AN TOÀN GIAO THÔNG LÀ TRÊN HẾT** Tuân thủ tất cả các quy định trong nước. Luôn giữ tay được rảnh để điều khiển xe trong lúc lái xe. Điều quý khách quan tâm đầu tiên trong khi lái xe là an toàn giao thông.



**NHIỄU SÓNG** Tất cả các thiết bị vô tuyến đều có thể dễ bị nhiễm nhiễu, làm ảnh hưởng đến hoạt động của máy.



**TẮT ĐIỆN THOẠI KHI TRONG BỆNH VIỆN** Tuân theo bất kỳ các hạn chế nào. Tắt thiết bị này khi ở gần các thiết bị y tế.



## TẮT ĐIỆN THOẠI KHI TRÊN MÁY BAY

Tuân theo bất kỳ các hạn chế nào. Các thiết bị vô tuyến có thể gây nhiễu trên máy bay.



## TẮT ĐIỆN THOẠI KHI ĐANG TIẾP

**NHIÊN LIỆU** Không sử dụng thiết bị này tại trạm tiếp nhiên liệu. Không sử dụng thiết bị này ở gần nơi có nhiên liệu hoặc hóa chất.



**TẮT ĐIỆN THOẠI KHI Ở GẦN NƠI CÓ PHÁT NỔ** Tuân theo bất kỳ các hạn chế nào. Không sử dụng thiết bị này ở nơi đang tiến hành cho phát nổ.



**SỬ DỤNG THIẾT BỊ NÀY MỘT CÁCH CÓ SUY NGHĨ** Chỉ sử dụng thiết bị này ở vị trí thông thường theo như được hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng sản phẩm. Không chạm vào ăng-ten khi không cần thiết.



### SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÓ CHẤT LƯỢNG

Chỉ những nhân viên hội đủ tiêu chuẩn chuyên môn mới được lắp đặt hoặc sửa chữa sản phẩm này.



**PHỤ KIỆN VÀ PIN** Chỉ sử dụng các phụ kiện nâng cấp và pin đã được phê duyệt. Không kết nối thiết bị này với những sản phẩm không tương thích.



**CHỐNG VÔ NƯỚC** Thiết bị này không chống vô nước. Giữ điện thoại thật khô.



**DỰ PHÒNG** Luôn nhớ lưu dự-phòng hoặc giữ lại bản viết tay tất cả thông tin quan trọng được lưu trong điện thoại.



### KẾT NỐI VỚI NHỮNG THIẾT BỊ KHÁC

Khi kết nối với bất kỳ thiết bị nào khác, hãy đọc kỹ hướng dẫn sử dụng của thiết bị đó để biết những hướng dẫn chi tiết về an toàn. Không kết nối thiết bị này với những sản phẩm không tương thích.



### CÁC CUỘC GỌI KHẨN CẤP

Bảo đảm chức năng điện thoại của thiết bị đã được bật và đang trong trạng thái hoạt động. Bấm phím kết thúc một số lần theo yêu cầu để xóa màn hình hiển thị và trở về chế độ chờ. Nhập số điện thoại khẩn cấp, rồi bấm phím gọi. Cho biết vị trí của quý khách. Không nên cúp điện thoại trừ khi được yêu cầu.

## Giới thiệu về thiết bị của quý khách

Điện thoại vô tuyến mô tả trong sách hướng dẫn sử dụng này được phép sử dụng trên mạng EGSM 850/900/1800/1900 và UMTS 2100. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin về mạng.

Khi sử dụng các chức năng của thiết bị này, tuân thủ pháp luật, và tôn trọng tập quán địa phương, sự riêng tư và những quyền hợp pháp của người khác, kể cả quyền tác giả.

Việc bảo vệ quyền tác giả có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa, chuyển giao hay chuyển đi một số các hình ảnh, nhạc (bao gồm kiểu chuông), hay nội dung khác.

Thiết bị của quý khách hỗ trợ kết nối internet và các phương thức kết nối khác. Giống như máy tính, thiết bị của quý khách có thể bị nhiễm virút, hoặc là mục tiêu của các tin nhắn, ứng dụng có ác ý, và những nội dung có hại khác. Hãy thận trọng và mở tin nhắn, chấp nhận các yêu cầu kết nối, tải về nội dung và chỉ chấp nhận các cài đặt từ các nguồn đáng tin cậy. Để tăng cường sự an toàn cho thiết bị của mình, quý khách nên xem xét việc cài đặt phần mềm chống virút được cập nhật thường xuyên và sử dụng ứng dụng bức tường lửa.



**Cảnh báo:** Bạn phải bật điện thoại để sử dụng các chức năng của nó, ngoại trừ chức năng báo thức. Không bật thiết bị này khi việc sử dụng thiết bị vô tuyến có thể gây nhiễu sóng hoặc gây ra nguy hiểm.

Các ứng dụng **Quickoffice** hỗ trợ các chức năng phổ biến của Microsoft Word, PowerPoint, và Excel (Microsoft Office 2000, XP, và 2003). Không phải tất cả các định dạng tập tin đều có thể xem hoặc chỉnh sửa được.

Trong quá trình thao tác kéo dài, chẳng hạn như một cuộc gọi video hoạt động, điện thoại có thể trở nên ấm hơn. Trong hầu hết các trường hợp, điều kiện này là bình thường. Nếu bạn nghi ngờ điện thoại hoạt động không bình thường, hãy đem điện thoại đến cơ sở dịch vụ ủy quyền gần nhất.

Thiết bị của bạn có thể có các chỉ mục và liên kết được cài đặt sẵn cho các trang internet của bên thứ ba. Bạn cũng có thể truy cập vào các trang web của các bên thứ ba khác từ thiết bị của bạn. Các trang web của bên thứ ba không có mối liên kết với bên thứ ba, và Nokia không chấp thuận hay nhận lanh bát cứ trách nhiệm nào đối với các trang web này. Nếu bạn chọn truy cập vào các trang web này, bạn cần cẩn thận lưu ý về tính bảo mật hoặc nội dung.

## Các dịch vụ mạng

Để sử dụng điện thoại, quý khách phải có dịch vụ do nhà cung cấp dịch vụ vô tuyến cung cấp. Nhiều chức năng yêu cầu phải có các chức năng mạng đặc biệt. Không phải tất cả các mạng đều có các chức năng nêu trên; các mạng khác có thể yêu cầu quý khách thực hiện các thỏa thuận cụ thể với nhà cung cấp dịch vụ trước khi quý khách có thể sử dụng các dịch vụ mạng. Nhà cung cấp dịch vụ của quý khách có thể cung cấp cho quý khách các hướng

dẫn và giải thích về những khoản tiền phí sẽ được áp dụng. Một số mạng có thể có các hạn chế làm ảnh hưởng đến cách thức mà quý khách có thể sử dụng các dịch vụ mạng. Ví dụ một số mạng có thể không hỗ trợ tất cả ký tự và dịch vụ tùy thuộc ngôn ngữ.

Nhà cung cấp dịch vụ có thể đã có yêu cầu quý khách tắt hoặc không kích hoạt một số chức năng trong thiết bị của quý khách. Nếu vậy, các chức năng này sẽ không hiển thị trên menu của điện thoại. Thiết bị của quý khách cũng có thể có một cấu hình đặc biệt chẳng hạn như các thay đổi trong các tên menu, thứ tự menu, và các biểu tượng. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của quý khách để biết thêm thông tin.

Thiết bị này hỗ trợ giao thức WAP 2.0 (HTTP và SSL) chạy trên nền giao thức TCP/IP. Một số tính năng của thiết bị này, ví dụ như MMS, trình duyệt, e-mail, và tải nội dung qua trình duyệt hoặc qua MMS, yêu cầu mạng phải hỗ trợ các công nghệ này.

## Phụ kiện, pin và bộ sạc

Luôn tắt thiết bị này và ngắt kết nối với bộ sạc trước khi tháo pin ra.

Kiểm tra số hiệu của bộ sạc trước khi sử dụng với thiết bị này. Điện thoại này được thiết kế để sử dụng nguồn điện từ bộ sạc DC-4, AC-3, hoặc AC-4 và bộ sạc AC-1, ACP-8, ACP-12, LCH-8, LCH-9 hoặc LCH-12 khi sử dụng cùng với thiết bị nối tiếp bộ sạc CA 44.

Pin được sử dụng cùng với điện thoại này là BL-5B.

 **Cảnh báo:** Chỉ sử dụng pin, bộ sạc và các phụ kiện nâng cấp đã được Nokia phê chuẩn để sử dụng cho riêng kiểu thiết bị này. Việc sử dụng bất kỳ các loại nào khác có thể làm vô hiệu bất cứ sự chấp thuận hoặc bảo hành nào, và có thể gây nguy hiểm.

Liên hệ với đại lý của quý khách để biết về các phụ kiện nâng cấp đã được phê chuẩn hiện có. Khi quý khách rút dây dẫn điện của bất kỳ phụ kiện nâng cấp nào ra, cầm vào phích cắm và kéo ra, không nắm dây kéo ra.

# Điện thoại Nokia N80 của bạn

Số hiệu: Nokia N80-1

Dưới đây được gọi là Nokia N80.

## Cập nhật phần mềm

Nokia có thể sản xuất các phần mềm cập nhật có thể có những tính năng mới, chức năng nâng cao, hoặc hiệu năng hoạt động được cải tiến. Bạn có thể yêu cầu những phần mềm cập nhật này qua ứng dụng Nokia Software Updater trên máy PC. Để cập nhật phần mềm của thiết bị, bạn cần có ứng dụng Nokia Software Updater và một máy PC tương thích chạy hệ điều hành Microsoft Windows 2000 hoặc XP, truy cập internet băng thông rộng, và một cáp dữ liệu tương thích để kết nối thiết bị với máy PC.

Để biết thêm thông tin và để tải xuống ứng dụng Nokia Software Updater, hãy truy cập vào trang [www.nokia-asia.com/softwareupdate](http://www.nokia-asia.com/softwareupdate) hoặc trang web của Nokia tại địa phương.

Nếu các cập nhật phần mềm qua mạng được hỗ trợ bởi mạng của bạn, bạn cũng có thể yêu cầu cập nhật từ thiết bị. Xem phần "[Cập nhật phần mềm](#)", trên trang [100](#).

## Cài đặt

Điện thoại Nokia N80 thông thường đã được tự động cấu hình các thông số cài đặt MMS, GPRS, trực tuyến, và internet di động, dựa trên thông tin của nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng. Bạn có thể nhận các thông số cài đặt từ nhà cung cấp dịch vụ đã được cài đặt trên điện thoại, hoặc bạn có thể nhận hoặc yêu cầu các thông số cài đặt từ nhà cung cấp dịch vụ dưới dạng tin nhắn đặc biệt.

## Thông tin liên hệ và hỗ trợ của Nokia

Tìm xem trang [www.nokia-asia.com/N80/support](http://www.nokia-asia.com/N80/support) hoặc trang web Nokia tại địa phương bạn để có phiên bản mới nhất của hướng dẫn này, thông tin bổ sung, các nội dung tải về và các dịch vụ liên quan đến sản phẩm Nokia của bạn.

Trên trang web, bạn có thể lấy thông tin về sử dụng các sản phẩm và dịch vụ của Nokia. Nếu bạn cần liên hệ với dịch vụ khách hàng, kiểm tra danh sách các trung tâm liên hệ của Nokia tại [www.nokia.com/customerservice](http://www.nokia.com/customerservice).

Nếu bạn muốn biết về các dịch vụ bảo trì, kiểm tra trung tâm dịch vụ Nokia gần với bạn nhất tại [www.nokia-asia.com/repair](http://www.nokia-asia.com/repair).



## Chuyển nội dung từ điện thoại khác

Bạn có thể chuyển nội dung, ví dụ như các số liên lạc, từ một điện thoại Nokia tương thích sang Nokia N80 của bạn sử dụng kết nối Bluetooth hoặc cổng hồng ngoại. Loại nội dung có thể được chuyển tùy thuộc vào kiểu điện thoại. Nếu điện thoại kia hỗ trợ đồng bộ, bạn cũng có thể đồng bộ dữ liệu giữa điện thoại kia và Nokia N80 của bạn.

Bạn có thể lắp thẻ SIM của bạn vào một thiết bị khác. Khi Nokia N80 được bật mà không có thẻ SIM, cấu hình không trực tuyến sẽ tự động được kích hoạt.

### Chuyển nội dung

- Để sử dụng ứng dụng này lần đầu tiên, bấm và chọn **Tools > Transfer**. Nếu bạn đã từng sử dụng ứng dụng này và muốn bắt đầu phiên chuyển dữ liệu mới, chọn **Transfer data**. Trong giao diện thông tin, chọn **Continue**.
- Chọn sử dụng kết nối Bluetooth hoặc cổng hồng ngoại để chuyển dữ liệu. Cả hai thiết bị phải hỗ trợ loại kết nối đã chọn.

3 Nếu bạn chọn kết nối Bluetooth:

Để Nokia N80 tìm kiếm các thiết bị có kết nối Bluetooth, chọn **Continue**. Chọn một thiết bị trong danh sách. Bạn sẽ được yêu cầu nhập mã vào Nokia N80 của bạn. Nhập một mã (1-16 chữ số) vào và chọn **OK**. Nhập cùng mã này vào điện thoại kia và chọn **OK**. Bây giờ các thiết bị đã được ghép nối. Xem phần “**Ghép nối thiết bị**”, trên trang 95. Với một số kiểu điện thoại, ứng dụng **Transfer** được gửi đến điện thoại khác dưới dạng tin nhắn. Để cài đặt ứng dụng **Transfer** trên điện thoại khác, mở tin nhắn, và theo các hướng dẫn trên màn hình. Nếu bạn chọn cổng hồng ngoại, kết nối hai điện thoại. Xem phần “**Kết nối hồng ngoại**”, trên trang 96.

4 Trong điện thoại Nokia N80, chọn nội dung bạn muốn sao chép từ điện thoại khác.

Nội dung được sao chép từ bộ nhớ của điện thoại kia sang vị trí tương ứng trong Nokia N80 của bạn. Thời gian sao chép tùy thuộc vào dung lượng bộ nhớ được chuyển. Bạn có thể hủy lệnh sao chép và tiếp tục lại sau.

Nếu điện thoại kia hỗ trợ đồng bộ, bạn có thể cập nhật dữ liệu trên cả hai điện thoại. Để khởi động đồng bộ với một điện thoại Nokia tương thích, chọn **Phones**, di chuyển đến điện thoại này, và

chọn **Options > Synchronise**. Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình.

Để xem nhật ký của phiên truyền dữ liệu trước đó, chọn **Transfer log**.

## Các chỉ báo cần biết

Điện thoại đang được sử dụng trong mạng GSM.

Điện thoại đang được sử dụng trong mạng UMTS (dịch vụ mạng).

Bạn nhận được một hoặc nhiều tin nhắn chưa đọc trong thư mục **Inbox** trong menu **Message**.

Bạn nhận được e-mail mới trong hộp thư từ xa.

Có các tin nhắn đang chờ để gửi trong thư mục **Outbox**.

Bạn có cuộc gọi bị nhỡ.

Sẽ hiển thị nếu **Ringing type** được cài là **Silent**.

Bàn phím điện thoại bị khóa.

Chức năng báo thức được kích hoạt.

Số máy điện thoại thứ hai đang được sử dụng (dịch vụ mạng).

Tất cả cuộc gọi đến điện thoại sẽ được chuyển hướng đến một số khác. Nếu bạn có hai số

máy để gọi đi (dịch vụ mạng), chỉ báo cho số máy đầu tiên là và số thứ hai là .

Một tai nghe tương thích được nối với điện thoại.

Mất kết nối với bộ tai nghe Bluetooth tương thích.

Một bộ trợ thính tương thích được nối với điện thoại.

Một **Text phone** tương thích được kết nối với điện thoại.

Cuộc gọi dữ liệu được kích hoạt.

Hiện có kết nối dữ liệu gói GPRS hoặc EDGE.

Kết nối dữ liệu gói GPRS hoặc EDGE đang hoạt động.

Kết nối dữ liệu gói GPRS hoặc EDGE đang ở trạng thái chờ.

Hiện có kết nối dữ liệu gói UMTS.

Kết nối dữ liệu gói UMTS đang hoạt động.

Kết nối dữ liệu gói UMTS đang được giữ.

Bạn đã cài điện thoại dò tìm mạng LAN không dây, và có một mạng LAN không dây. Xem phần “**Wireless LAN**”, trên trang 113.

Một kết nối mạng LAN không dây đang hoạt động trong mạng có mã hóa.

- ☒ Một kết nối mạng LAN không dây đang hoạt động trong mạng không có mã hóa.
- ☒ Kết nối Bluetooth đang bật.
- (✉) Dữ liệu đang được truyền qua kết nối Bluetooth.
- ⬇ Kết nối USB được kích hoạt.
- Một kết nối hồng ngoại đang được kích hoạt. Nếu chỉ báo này nhấp nháy, điện thoại đang tìm cách kết nối với thiết bị khác hoặc kết nối đã bị mất.

## Khóa bàn phím (bảo vệ phím)

Để khóa bàn phím, đóng bàn phím trượt, và chọn **Yes** khi hiển thị thông báo **Lock keypad?**. Để khóa bàn phím khi vỏ trượt đã đóng, bấm phím nguồn, và chọn **Lock keypad**.

Để mở khóa, mở bàn phím trượt, hoặc bấm  (**Unlock**), và chọn **OK** khi hiển thị thông báo **Unlock keypad?**.

Khi bàn phím ở chế độ khóa, vẫn có thể thực hiện các cuộc gọi đến số điện thoại khẩn cấp chính thức đã được lập trình trong thiết bị của quý khách.

## Điều chỉnh loa và âm lượng

Để tăng hoặc giảm mức âm lượng, khi bạn đang đàm thoại hoặc đang nghe nhạc, bấm  hoặc .



Loa tích hợp cho phép bạn đàm thoại và nghe ở một khoảng cách ngắn mà không cần cầm điện thoại gần tai.

 **Cảnh báo:** Không để điện thoại gần tai của quý khách khi đang sử dụng loa vì âm lượng có thể rất lớn.

Để sử dụng loa trong khi gọi, chọn **Options > Activate loudsp..**

Để tắt loa, chọn **Options > Activate handset.**



## Đồng hồ

Bấm , và chọn **Options > Clock**. Để cài âm báo mới, chọn **Options > Set alarm**. Khi báo thức được kích hoạt,  sẽ hiển thị.

Để tắt báo thức, chọn **Stop**, hoặc để tạm ngừng báo thức trong 5 phút, chọn **Snooze**.

Nếu đến giờ báo thức trong khi thiết bị đang ở chế độ tắt, thiết bị sẽ tự bật lên và phát âm báo. Nếu quý khách chọn **Stop**, thiết bị sẽ hỏi quý khách có muốn kích hoạt thiết bị cho các cuộc gọi hay không. Chọn **No** để tắt thiết bị hoặc **Yes** để thực hiện và nhận các cuộc gọi. Không được chọn **Yes** khi điện thoại có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.

Để hủy báo thức, chọn **Clock > Options > Remove alarm**.

## Cài đặt đồng hồ

Để thay đổi cài đặt đồng hồ, chọn **Clock > Options > Settings**.

Để thay đổi thời gian và ngày tháng, chọn **Time** hoặc **Date**.

Để thay đổi dạng hiển thị đồng hồ ở chế độ chờ, chọn **Clock type > Analogue** hoặc **Digital**.

Để cho phép mạng điện thoại di động cập nhật thông tin về thời gian, ngày tháng, và múi giờ cho điện thoại của bạn (dịch vụ mạng), chọn **Network operator time > Auto-update**.

Để thay đổi âm báo, chọn **Clock alarm tone**.

## Đồng hồ thế giới

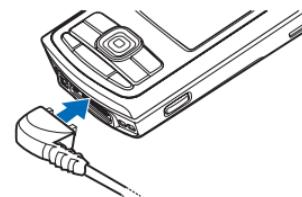
Để mở giao diện đồng hồ thế giới, mở **Clock**, và bấm . Trên màn hình đồng hồ thế giới, bạn có thể xem giờ ở những thành phố khác nhau.

Để thêm thành phố vào danh sách, chọn **Options > Add city**. Bạn có thể thêm tối đa 15 thành phố vào danh sách.

Để cài thành phố hiện bạn đang ở, di chuyển đến một thành phố và chọn **Options > My current city**. Thành phố sẽ được hiển thị trong cửa sổ đồng hồ chính và thời gian trong điện thoại của bạn sẽ thay đổi tương ứng với thành phố được chọn. Kiểm tra xem thời gian có chính xác và khớp với múi giờ của bạn hay không.

## Tai Nghe

Nối bộ tai nghe tương thích vào cổng kết nối Pop-Port™ của điện thoại.

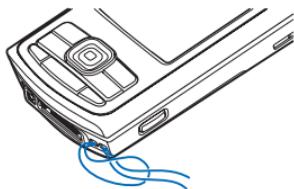




**Cảnh báo:** Khi sử dụng tai nghe, khả năng nghe âm thanh bên ngoài của bạn có thể bị ảnh hưởng. Không sử dụng tai nghe tại nơi tai nghe có thể gây nguy hiểm cho sự an toàn của quý khách.

## Dây đeo cổ tay

Xỏ dây đeo cổ tay như được thể hiện trên hình vẽ, và thắt chặt lại.



## Mạng LAN không dây

Điện thoại của bạn hỗ trợ mạng nội bộ không dây (mạng LAN không dây). Với mạng LAN không dây, bạn có thể kết nối điện thoại của bạn vào internet và các thiết bị tương thích có mạng LAN không dây. Để có thêm thông tin về sử dụng điện thoại trong một mạng gia đình, xem phần "[Mạng gia đình](#)", trên trang [7](#).

Một số nơi, như ở Pháp, có những hạn chế về việc sử dụng mạng LAN không dây. Kiểm tra với nhà chức trách địa phương để biết thêm thông tin.

Các tính năng sử dụng mạng LAN không dây, hoặc cho phép các tính năng như vậy hoạt động ẩn trong khi đang sử dụng các tính năng khác, sẽ làm hao pin và giảm thời gian hoạt động của pin.

Điện thoại của bạn hỗ trợ các tính năng mạng LAN không dây sau:

- Chuẩn IEEE 802.11b/g
- Hoạt động ở tần số 2,4 GHz
- Tính bảo mật tương đương với các biện pháp mã hóa của mạng hữu tuyến (WEP) với các mã khóa tối đa 128 bit, truy cập Wi-Fi được bảo vệ (WPA), và 802.1x. Các chức năng này chỉ có thể được sử dụng nếu được mạng hỗ trợ.

Bạn có thể tạo một điểm truy cập internet (IAP) trong mạng LAN không dây, và sử dụng điểm truy cập này cho các ứng dụng cần kết nối vào Internet.

### Tạo một điểm truy cập Internet

- 1 Bấm , và chọn **Connect. > Conn. mgr.. > Availab. WLAN**.
- 2 Điện thoại sẽ tìm kiếm các mạng LAN không dây trong phạm vi. Di chuyển đến mạng bạn muốn tạo điểm truy cập internet, và chọn **Options > Define access point**.

3 Điện thoại sẽ tạo một điểm truy cập internet với cài đặt mặc định. Để xem hoặc thay đổi các cài đặt này, xem phần "[Access points](#)", trên trang [110](#).

Khi một ứng dụng yêu cầu bạn chọn một điểm truy cập, chọn điểm truy cập đã tạo, hoặc để tìm kiếm các mạng LAN không dây trong phạm vi, chọn **Search for WLAN**.

Một kết nối mạng LAN không dây sẽ được thiết lập khi bạn tạo một kết nối dữ liệu sử dụng một điểm truy cập internet của mạng LAN không dây. Kết nối mạng LAN không dây hiện hành sẽ kết thúc khi bạn ngừng kết nối dữ liệu này. Để ngừng kết nối, xem phần "[Quản lý kết nối](#)", trên trang [98](#).

Bạn có thể sử dụng mạng LAN không dây trong khi có một cuộc gọi thoại hoặc khi có kết nối dữ liệu gói hoạt động. Một lần bạn chỉ có thể kết nối vào một thiết bị điểm truy cập của mạng LAN không dây, nhưng nhiều ứng dụng có thể sử dụng cùng một kết nối mạng LAN không dây.

Khi bạn kích hoạt cấu hình **Offline**, bạn vẫn có thể sử dụng mạng LAN không dây (nếu có). Hãy nhớ tuân theo các yêu cầu an toàn có thể áp dụng khi thiết lập và sử dụng kết nối mạng LAN không dây.

Có hai chế độ hoạt động trong mạng LAN không dây: cơ sở hạ tầng và ad hoc.

Ở chế độ hoạt động cơ sở hạ tầng, điện thoại được kết nối với một thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây. Qua thiết bị điểm truy cập này, bạn có thể truy cập vào các thiết bị tương thích khác hoặc vào một mạng LAN thông thường.

Trong chế độ hoạt động ad hoc, các thiết bị tương thích có thể gửi và nhận dữ liệu trực tiếp với nhau. Để tạo một điểm truy cập Internet cho mạng ad hoc, xem phần "[Access points](#)", trên trang [110](#).

 **Mẹo!** Để kiểm tra địa chỉ Điều Khiển Truy Cập Media (MAC) dùng để nhận dạng điện thoại của bạn, nhập \*#\*#62209526# ở chế độ chờ.

## Mạng gia đình

Điện thoại của bạn tương thích với cấu trúc Universal Plug and Play (UPnP). Bằng cách sử dụng một thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây hoặc một bộ định tuyến mạng LAN không dây, bạn có thể tạo một mạng gia đình và kết nối các thiết bị tương thích với UPnP có hỗ trợ mạng LAN không dây vào mạng, chẳng hạn như Nokia N80, một máy PC tương thích, một máy in tương thích, một dàn âm thanh tương thích, một tivi tương thích, hoặc một dàn âm thanh hoặc một tivi được trang bị một bộ nhận đa phương tiện không dây tương thích.

Sau khi cấu hình mạng gia đình, bạn có thể sao chép, xem hoặc phát các tập tin media tương thích hoặc in hình ảnh trong **Gallery** trên các thiết bị tương thích được kết nối khác, ví dụ xem hình ảnh được lưu trong Nokia N80 trên một tivi tương thích. Xem phần “[Home netw.](#)” trên trang 29 và phần “[In ảnh](#)” trên trang 38.

Để thiết lập mạng gia đình trong mạng LAN không dây của bạn, trước tiên tạo và cài cấu hình điểm truy cập internet trong nhà của mạng LAN không dây, sau đó cài cấu hình cho các thiết bị. Trên Nokia N80, cấu hình các cài đặt trong ứng dụng **Home netw.**. Xem phần “[Home netw.](#)”, trên trang 29.

Để kết nối một máy PC tương thích với mạng gia đình, trên máy PC, bạn phải cài đặt phần mềm Home Media Server trong CD-ROM được cung cấp cùng với Nokia N80 của bạn.

Sau khi bạn đã hoàn tất các cấu hình cần thiết trong tất cả các thiết bị được kết nối vào mạng, bạn có thể bắt đầu sử dụng mạng gia đình. Xem phần “[Xem các tập tin media](#)”, trên trang 31.

Mạng gia đình sử dụng cài đặt bảo mật của kết nối mạng LAN không dây. Sử dụng tính năng mạng gia đình trong một mạng cơ sở hạng tầng của một mạng LAN không dây với một thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây hoặc một bộ định tuyến và bật mã hóa.



**Lưu ý quan trọng:** Luôn bật một trong những phương thức mã hóa hiện có để tăng độ an toàn khi quý khách kết nối với mạng LAN không dây. Việc sử dụng mã hóa sẽ làm giảm nguy cơ bị truy cập trái phép vào dữ liệu của quý khách.

Để xem hoặc thay đổi các cài đặt của điểm truy cập internet mạng LAN không dây trong Nokia N80 của bạn, xem phần “[Access points](#)”, trên trang 110.

## Thông tin bảo mật quan trọng

Khi bạn cấu hình mạng gia đình LAN không dây, bật một biện pháp bảo mật, trước tiên trên thiết bị điểm truy cập hoặc bộ định tuyến của bạn, sau đó trên các thiết bị tương thích khác bạn định kết nối vào mạng gia đình. Tham khảo tài liệu của các thiết bị này. Giữ bí mật tất cả các mã khóa và lưu chúng ở một nơi an toàn tách biệt với các thiết bị này.

Để xem hoặc thay đổi các cài đặt của điểm truy cập Internet mạng LAN không dây trong Nokia N80 của bạn, xem phần “[Access points](#)”, trên trang 110.

Nếu bạn sử dụng chế độ hoạt động ad hoc để tạo một mạng gia đình với một thiết bị tương thích, bật một trong các biện pháp mã hóa trong **WLAN security mode** khi cấu hình điểm truy cập Internet.

Bước này sẽ giảm nguy cơ bị một bên không mong muốn tham gia vào mạng ad hoc.

Điện thoại sẽ thông báo cho bạn biết nếu có một thiết bị khác tìm cách kết nối với điện thoại của bạn và mạng gia đình. Không chấp nhận các yêu cầu kết nối từ những thiết bị không rõ nguồn gốc.

Nếu bạn sử dụng mạng LAN không dây trong một mạng không có mã hóa, tắt chức năng chia sẻ các tập tin của Nokia N80 với các thiết bị khác, hoặc không chia sẻ bất kỳ tập tin media cá nhân nào. Để biết cách thay đổi cài đặt chia sẻ, xem phần "Home netw.", trên trang [29](#).

## Thẻ nhớ

Bạn có thể sử dụng một thẻ nhớ miniSD tương thích làm bộ nhớ bổ sung và để dành bộ nhớ trên máy của bạn cho các tính năng khác.

Bạn cũng có thể sao lưu thông tin từ điện thoại của bạn vào thẻ nhớ này.

Chỉ sử dụng thẻ miniSD tương thích được Nokia phê chuẩn cho riêng kiểu điện thoại này. Nokia sử dụng các tiêu chuẩn công nghiệp đã được phê chuẩn cho thẻ nhớ, nhưng có một số loại thẻ nhớ có thể không hoàn toàn tương thích với thiết bị này. Những thẻ



không tương thích có thể làm hỏng thẻ và thiết bị và làm hư dữ liệu đã lưu trữ trên thẻ.

Giữ tất cả thẻ nhớ ngoài tầm tay trẻ em.

### Lắp thẻ nhớ

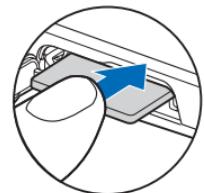
**1** Để lắp thẻ nhớ, đặt ngón tay vào phần lõm ở phía trên cùng của cửa ngăn chứa thẻ nhớ, và mở cửa ra.



**2** Lắp thẻ nhớ vào khe. Bảo đảm vùng tiếp xúc trên thẻ hướng xuống và góc vát hướng về phía dưới điện thoại.



**3** Nhấn thẻ vào. Bạn sẽ nghe thấy một tiếng tách khi thẻ khớp vào vị trí.



**4** Đóng nắp lại. Bạn không thể sử dụng thẻ nhớ khi nắp còn mở.

### Đẩy thẻ nhớ ra

**1** Trước khi đẩy thẻ ra, bấm phím nguồn, và chọn **Remove mem. card**. Tất cả các ứng dụng được đóng.

- 2 Khi thông báo **Remove memory card and press 'OK'** hiển thị, hãy mở cửa khe chứa thẻ nhớ.
- 3 Nhấn vào thẻ để đẩy thẻ ra khỏi khe chứa.
- 4 Tháo thẻ nhớ ra. Nếu điện thoại đang bật, chọn **OK**.



**Lưu ý quan trọng:** Không tháo thẻ nhớ trong khi đang truy cập vào thẻ. Việc tháo thẻ trong khi đang sử dụng có thể làm hư thẻ nhớ cũng như thiết bị, và dữ liệu đã lưu trữ trong thẻ có thể bị hỏng.



## Công cụ dùng cho thẻ nhớ

Bấm , và chọn **Tools > Memory**. Bạn có thể sử dụng một thẻ miniSD tương thích làm bộ nhớ bổ sung và sử dụng cho việc sao lưu thông tin trên bộ nhớ của máy.

Để lưu dự phòng các thông tin trên bộ nhớ điện thoại sang thẻ nhớ tương thích, chọn **Options > Backup phone mem..**

Để khôi phục thông tin trong thẻ nhớ tương thích vào bộ nhớ điện thoại, chọn **Options > Restore from card**.

## Định dạng thẻ nhớ

Khi định dạng lại thẻ nhớ, tất cả dữ liệu có trên thẻ sẽ bị mất.

Một số thẻ nhớ được định dạng sẵn khi bán ra nhưng một số thẻ nhớ khác yêu cầu phải định dạng. Tham khảo ý kiến người bán lẻ để xác định xem bạn có phải định dạng thẻ nhớ trước khi sử dụng hay không.

Để định dạng thẻ nhớ, chọn **Options > Format mem. card**. Chọn **Yes** để xác nhận.



## Trình quản lý tập tin

Nhiều chức năng của điện thoại, như là danh bạ, tin nhắn, hình ảnh, video, nhạc chuông, ghi chú lịch, tài liệu, và các ứng dụng được tải về, sử dụng bộ nhớ để lưu dữ liệu. Dung lượng bộ nhớ trống tùy thuộc vào lượng dữ liệu đã được lưu trong bộ nhớ điện thoại.

Bạn có thể sử dụng một thẻ nhớ tương thích làm vùng lưu trữ thêm. Các thẻ nhớ đều có thể ghi lại nhiều lần, vì vậy bạn có thể xóa thông tin cũ và lưu dữ liệu mới trên thẻ nhớ.

Để trình duyệt các tập tin và thư mục lưu trong bộ nhớ điện thoại hoặc trên thẻ nhớ (nếu có), bấm .

và chọn **Tools > File mgr..** Giao diện bộ nhớ điện thoại ( ) sẽ mở ra. Bấm để mở giao diện thẻ nhớ ( ), nếu có.

Để di chuyển hoặc sao chép các tập tin vào thư mục, bấm và cùng lúc để đánh dấu tập tin, và chọn **Options > Move to folder** hoặc **Copy to folder**.

Để tìm một tập tin, chọn **Options > Find** và bộ nhớ mà bạn sẽ dùng cho việc tìm kiếm, và nhập tên tập tin tương ứng cần tìm.

## Xem mức sử dụng bộ nhớ

Để xem trong điện thoại có những loại dữ liệu nào và dung lượng bộ nhớ mà mỗi loại dữ liệu khác nhau sử dụng, chọn **Options > Memory details**. Dung lượng bộ nhớ còn trống sẽ được hiển thị trong **Free memory**.

## Không đủ bộ nhớ—làm trống bộ nhớ

Điện thoại sẽ thông báo khi bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ gần hết.

Để làm trống bộ nhớ điện thoại, chuyển dữ liệu sang một thẻ nhớ tương thích, nếu có. Đánh dấu các tập

tin sẽ được chuyển, và chọn **Move to folder > Memory card**, và chọn thư mục sẽ chuyển đến.

Bạn cũng có thể chuyển các tập tin media vào một máy PC tương thích, ví dụ sử dụng tùy chọn chuyển trong **Gallery**. Xem phần “[Các tập tin dự phòng](#)”, trên trang 29.

 **Mẹo!** Bạn có thể sử dụng Nokia Phone Browser có trong Nokia PC Suite để xem các bộ nhớ khác nhau trong điện thoại và chuyển dữ liệu.

Để làm trống bộ nhớ bằng cách xóa dữ liệu, sử dụng **File mgr.** hoặc vào ứng dụng tương ứng. Ví dụ bạn có thể xóa các dữ liệu sau:

- Tin nhắn trong các thư mục **Inbox**, **Drafts**, và **Sent** và trong menu **Message**.
- Các tin nhắn e-mail đã tải về từ bộ nhớ điện thoại
- Các trang web đã lưu
- Các tập tin âm thanh, phim và hình ảnh đã lưu
- Thông tin về số liên lạc
- Ghi chú lịch
- Các ứng dụng được tải về. Xem thêm phần “[Quản lý ứng dụng](#)”, trên trang 120
- Tất cả các dữ liệu bạn không còn cần dùng đến nữa

Sau khi cài đặt các ứng dụng vào thẻ nhớ tương thích, các tập tin cài đặt (.sis) vẫn còn lại trong bộ

nhớ của thiết bị. Các tập tin đó có thể sử dụng một khối lượng lớn bộ nhớ và ngăn không cho quý khách lưu trữ các tập tin khác. Để có đủ bộ nhớ, hãy sử dụng Nokia PC Suite để sao lưu các tập tin cài đặt vào một máy PC tương thích, sau đó sử dụng trình quản lý tập tin để xóa các tập tin cài đặt ra khỏi bộ nhớ của thiết bị. Xem phần “[Trình quản lý tập tin](#)”, trên trang 10. Nếu tập tin .sis là tập tin đính kèm của một tin nhắn, hãy xóa tin nhắn khỏi hộp thư đến.

## Các phím tắt hữu dụng

Sử dụng phím tắt để truy cập nhanh các ứng dụng thường sử dụng trong điện thoại. Tham khảo các phần có liên quan trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này để biết thêm chi tiết về các chức năng.

### Chế độ chờ

- Để chuyển đổi giữa các ứng dụng đang mở, bấm và giữ , và chọn một ứng dụng. Nếu bộ nhớ được sử dụng hết, điện thoại có thể đóng lại một số ứng dụng. Điện thoại sẽ lưu lại tất cả dữ liệu trước khi đóng ứng dụng.  
Để các ứng dụng chạy ẩn sẽ tiêu thụ pin nhiều hơn và làm giảm tuổi thọ pin.
- Để khởi động camera, bấm và giữ phím chụp ảnh khoảng hơn 1 giây.

- Để gọi tới hộp thư thoại (dịch vụ mạng), bấm và giữ 1 .
- Để mở các ứng dụng đa phương tiện, bấm hoặc bấm và giữ . Xem phần “[Phím đa phương tiện](#)”, trên trang 107.
- Để thay đổi cấu hình, bấm (I) , và chọn một cấu hình.
- Để chuyển giữa cấu hình **General** và **Silent**, bấm và giữ # . Nếu bạn có hai số máy điện thoại (dịch vụ mạng), thao tác này cũng sẽ chuyển qua lại giữa hai số máy.
- Để mở danh sách các số đã gọi gần đây nhất, bấm .
- Để sử dụng lệnh thoại, bấm và giữ .
- Để kết nối **Services** (dịch vụ mạng), bấm và giữ 0 . Xem phần “[Trình duyệt Web](#)”, trên trang 75.

Để biết thêm thông tin về các phím tắt hiện có ở chế độ chờ, xem phần “[Chế độ Active standby](#)”, trên trang 106.

### Chỉnh sửa văn bản và các danh sách

- Để đánh dấu một mục trong danh sách, di chuyển đến mục đó và bấm và cùng lúc.

- Để đánh dấu chọn nhiều mục trong danh sách, bấm và giữ trong khi bạn bấm hoặc . Để ngưng chọn, thả phím , sau đó thả phím ra.
- Để sao chép và dán văn bản: Để chọn các chữ và từ, bấm và giữ . Cùng một lúc, bấm hoặc để chọn văn bản. Để sao chép văn bản vào clipboard, khi đang giữ , chọn **Copy**. Để chèn văn bản vào tài liệu, bấm và giữ , và chọn **Paste**.



## Trợ giúp

Điện thoại của bạn có các văn bản trợ giúp theo ngữ cảnh. Khi một ứng dụng đang mở, chọn **Options > Help** để truy cập phần trợ giúp trong giao diện hiện tại.

Khi bạn đọc hướng dẫn, để chuyển giữa chức năng trợ giúp và ứng dụng đang chạy ẩn, bấm và giữ .

Để mở phần trợ giúp trong menu chính, chọn **Tools > Help**. Chọn ứng dụng theo ý muốn để xem các chủ đề trợ giúp.



## Tutorial

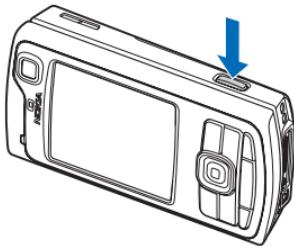
Trình hướng dẫn cung cấp cho bạn thông tin về các chức năng của điện thoại. Để truy cập trình hướng dẫn trong menu, bấm , và chọn **My own > Tutorial** và chọn phần mà bạn muốn xem.

# Camera

Điện thoại Nokia N80 có hai camera, một camera với độ phân giải cao nằm ở mặt sau của điện thoại (camera chính) và camera với độ phân giải thấp hơn nằm ở mặt trước của điện thoại (camera phụ). Cả hai camera đều có chức năng chụp ảnh và quay phim. Camera phụ ở mặt trước được sử dụng ở chế độ chụp chân dung, và camera ở mặt sau ở chế độ chụp phong cảnh.

Điện thoại hỗ trợ khả năng chụp ảnh với độ phân giải 2048 x 1536 pixel. Độ phân giải hình ảnh trong hướng dẫn này có thể hiển thị khác đi.

Để khởi động camera, bấm  , và chọn **Imaging > Camera**, hoặc bấm và giữ phím chụp ảnh. Trong kích ngắm, bạn có thể thấy khung giao diện chụp hình. Để chuyển giữa các camera, chọn **Options > Use secondary camera** hoặc **Use main camera**.



Ảnh và các video clip tự động được lưu trong thư mục **Img. & video** trong **Gallery**. Ảnh chụp từ các camera có dạng .jpeg. Các video clip được ghi theo định dạng tập tin 3GPP với tên mở rộng của tập tin .3gp (các chế độ chất lượng video Bình Thường và Chia Sẻ) hoặc theo định dạng .mp4 (chế độ chất lượng video Cao). Xem phần "**Cài đặt phim**", trên trang [22](#).

Bạn có thể gửi hình ảnh hoặc video clip dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, dạng đính kèm e-mail hoặc sử dụng kết nối Bluetooth.

## Chụp hình

Nếu các camera đang ở **Video mode**, mở chế độ hình ảnh bằng cách chọn **Options > Image mode**.

Để chọn camera phụ, ví dụ để tự chụp, chọn **Options > Use secondary camera**.

Để xóa các bản sao của các tập tin đã được chuyển đi, hoặc xóa bộ nhớ cho các hình ảnh mới, chọn **Options > Go to free memory** (chỉ camera chính).

Để chụp ảnh, ở chế độ camera chính, bấm phím chụp ảnh. Khi sử dụng camera phụ, bấm phím di chuyển. Giữ nguyên điện thoại cho tới khi ảnh được lưu.

Để hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc trước khi chụp ảnh, chọn **Options > Image setup**. Xem phần “**Thiết lập cài đặt—Hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc**”, trên trang 17.

Việc lưu lại ảnh chụp có thể mất nhiều thời gian hơn nếu bạn thay đổi các cài đặt của tính năng chỉnh tỉ lệ, ánh sáng hoặc màu sắc.

Để chọn một chế độ chụp ảnh, chọn **Options > Image setup > Shooting mode**. Xem phần “**Các chế độ chụp ảnh**”, trên trang 18.

Các chỉ báo camera cho biết các thông tin sau:

- Chỉ báo bộ nhớ điện thoại (❑) và thẻ nhớ (❑) (1) cho biết nơi lưu trữ các hình ảnh.
- Chỉ báo hình ảnh (2) ước lượng số lượng hình ảnh, tùy vào chất lượng hình ảnh đã chọn, có thể lưu vừa đủ trong bộ nhớ còn trống của điện thoại hoặc thẻ nhớ (nếu đã lắp).
- Chỉ báo chế độ chụp ảnh (3) sẽ hiển thị chế độ chụp ảnh được kích hoạt.

- Chỉ báo đèn flash (4) cho biết chế độ đèn flash là

**Automatic** (❑), **Red eye redu.**

(❑), **On** (❑), hoặc **Off** (❑).

- Chỉ báo độ phân giải của ảnh (5) cho biết chất lượng ảnh.

- Chỉ báo chế độ chụp liên tiếp (6) cho biết chế độ chụp liên tiếp đã được kích hoạt. Xem phần “**Chụp hình liên tiếp**”, trên trang 16.

- Chỉ báo chụp tự động (7) cho biết chế độ chụp tự động được kích hoạt. Xem phần “**Chụp hình cho chính bạn—chụp tự động**”, trên trang 16.



Các phím tắt bao gồm:

- Di chuyển lên và xuống để phóng to và thu nhỏ. Chỉ báo zoom, hiển thị trên khung bên cạnh, cho biết mức zoom.
- Di chuyển sang trái để nhập cài đặt **Image setup**. Xem phần “**Thiết lập cài đặt—Hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc**”, trên trang 17.

Khi chụp hình, bạn nên lưu ý những vấn đề sau:

- Sử dụng cả hai tay để giữ cố định camera.

- Để chụp hình hoặc quay phim trong các điều kiện khác nhau, sử dụng chế độ chụp thích hợp cho từng điều kiện.
- Chất lượng của hình được điều chỉnh tỷ lệ sẽ thấp hơn chất lượng của hình không được điều chỉnh tỷ lệ.
- Camera sẽ chuyển sang chế độ tiết kiệm pin nếu không có phím nào được bấm trong một khoảng thời gian xác định. Để tiếp tục chụp hình, bấm .

#### Sau khi chụp ảnh:

- Nếu bạn không muốn lưu hình, bấm  , hoặc chọn Options > Delete.
- Để gửi hình Via multimedia, Via e-mail, Via Bluetooth, hoặc Via infrared, bấm  , hoặc chọn Options > Send. Để biết thêm thông tin, xem phần "Nhắn tin" trên trang 45 và phần "Kết nối Bluetooth" trên trang 92. Tùy chọn này sẽ không khả dụng trong khi cuộc gọi đang diễn ra.
- Để gửi hình cho một thành viên khác trong khi cuộc gọi đang diễn ra, chọn Options > Send to caller.
- Để chỉnh sửa hình ảnh, chọn Options > Edit. Xem phần "Chỉnh sửa hình ảnh", trên trang 20.
- Để in hình, chọn Options > Print. Xem phần "In ảnh", trên trang 38.

## Chụp hình liên tiếp

Advanced sequence chỉ có trong camera chính.

Để cài camera chụp nhiều ảnh liên tục, chọn Options > Advanced sequence, và cài tần suất chụp. Số lượng ảnh có thể chụp phụ thuộc vào bộ nhớ khả dụng.

Để chụp ảnh, bấm phím chụp.

Sau khi chụp ảnh, ảnh chụp sẽ được hiển thị ở dạng khung lưới trên màn hình. Để xem ảnh, bấm  để mở ảnh.

Bạn cũng có thể sử dụng chế độ chụp liên tục với chế độ chụp tự động.

Để trở về kính ngắm của chế độ chụp liên tục, bấm phím chụp.

## Chụp hình cho chính bạn—chụp tự động

Chế độ chụp tự động chỉ có trong camera chính.

Sử dụng chế độ chụp tự động để làm chậm quá trình chụp ảnh và do đó bạn có thể tự chụp mình. Để cài thời gian chờ chụp tự động, chọn Options > Self timer > 2 seconds, 10 seconds, hoặc 20 seconds. Để khởi động chức năng chụp tự động, chọn Activate. Chỉ báo chụp tự động () sẽ nhấp

nháy và điện thoại phát những tín hiệu bip trong khoảng thời gian chờ chụp. Camera sẽ chụp hình sau khi hết thời gian đã định.

Bạn cũng có thể sử dụng chế độ chụp tự động trong chế độ chụp liên tục.

 **Mẹo!** Chọn **Options > Self timer > 2 seconds** để giữ chắc tay khi chụp ảnh.

## Đèn flash

Đèn flash chỉ khả dụng với camera chính.

Giữ một khoảng cách an toàn khi sử dụng đèn chớp. Không sử dụng đèn chớp khi chụp người hoặc động vật ở cự ly gần. Không che đèn chớp khi đang chụp hình.

Camera được trang bị đèn flash để chụp hình trong điều kiện ánh sáng yếu. Các chế độ đèn flash gồm:

**Automatic** (⚡), **Red eye redu.** (👁), **On** (💡), và **Off** (✖).

Để sử dụng đèn flash, chọn **Options > Image setup > Flash > On**.

Nếu đèn flash được cài ở chế độ **Off** hoặc **Automatic** trong điều kiện dù ánh sáng, đèn flash vẫn phát ra luồng sáng cường độ thấp khi chụp ảnh. Dấu hiệu này nhằm cho người được chụp biết là ảnh

đã được chụp. Không có hiệu ứng flash nào trên ảnh sau khi chụp.

Nếu đèn flash được cài là **Red eye redu.**, đèn sẽ giảm hiện tượng mắt đỏ trong ảnh chụp.

## Thiết lập cài đặt—Hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc

Để cho phép camera tái hiện màu sắc và ánh sáng trung thực hơn, hoặc để thêm các hiệu ứng vào hình ảnh hoặc phim, chọn **Options > Image setup** hoặc **Video setup**, và chọn một trong những tùy chọn sau:

**Shooting mode**—Chọn một chế độ chụp thích hợp với điều kiện chụp ảnh. Mỗi chế độ chụp sử dụng thông số cài đặt độ sáng riêng đã được điều chỉnh theo loại môi trường nhất định.

**Flash** (chỉ với hình)—Cài đèn flash theo điều kiện ánh sáng. Xem phần “Đèn flash”, trên trang 17.

**White balance**—Chọn điều kiện ánh sáng hiện tại trong danh sách. Điều này cho phép camera tái hiện màu sắc trung thực hơn.

**Exposure value** (chỉ dành cho hình ảnh)—Hiệu chỉnh độ phơi sáng của camera.

**Colour tone**—Chọn hiệu ứng màu từ danh sách.

**Image sharpness** (chỉ dành cho hình ảnh)—Hiệu chỉnh độ sắc nét của hình.

**Brightness**—Chọn độ sáng bạn muốn.

**Contrast**—Chọn độ tương phản bạn muốn.

**Colour saturation**—Hiệu chỉnh độ sâu của màu sắc trong ảnh chụp.

Mọi thay đổi đều được thể hiện ngay trên màn hình, giúp bạn thấy được tác động của sự thay đổi đối với hình ảnh hoặc phim.

Các cài đặt khả dụng tùy thuộc vào camera được chọn.

Mỗi camera có các cài đặt riêng; nếu bạn thay đổi cài đặt cho camera phụ, cài đặt cho camera chính không thay đổi. Tuy nhiên, cài đặt có chuyển giữa chế độ hình ảnh và video.

Cài đặt này sẽ trở về cài đặt mặc định khi bạn đóng camera. Nếu bạn chọn một chế độ chụp mới, cài đặt sẽ được thay thế bằng cài đặt của chế độ chụp được chọn. Xem phần “[Các chế độ chụp ảnh](#)”, trên trang 18. Nếu bạn cần thay đổi cài đặt, bạn có thể thay đổi chúng sau khi chọn một chế độ chụp ảnh.

## Các chế độ chụp ảnh

Một chế độ chụp sẽ giúp bạn tìm thông số cài đặt ánh sáng và màu sắc thích hợp với điều kiện hiện tai. Chọn một chế độ chụp thích hợp từ danh sách chế độ chụp để chụp hình hoặc quay phim. Cài đặt của mỗi chế độ chụp được đã được đặt theo một kiểu hoặc môi trường nhất định.

Điện thoại của bạn có một nút chụp cận cảnh nằm ở dưới ống kính của camera chính. Với nút chụp cận cảnh, bạn có thể chụp các hình cận cảnh hoặc chụp văn bản. Để sử dụng chế độ chụp cận cảnh làm chế độ mặc định, bật nút này sang chế độ chụp cận cảnh (). Để chuyển giữa hai chế độ chụp **Close-up mode** và **Document text**, chọn **Options > Image setup > Shooting mode**.

Để chọn một chế độ chụp khác, chuyển nút này trở lại vị trí bình thường () , chọn **Options > Image setup** hoặc **Video setup > Shooting mode**, và chọn chế độ chụp thích hợp.

### Các chế độ quay video

**Automatic** () (mặc định) và **Night** ().

### Các chế độ chụp hình ảnh

**Automatic** () (mặc định), **User** () , **Portrait** () , **Landscape** () , **Sports** () (khi bạn sử dụng chế độ chụp **Sports**, độ phân giải của hình

ảnh được giám xuống còn 1280x960. Xem phần **Image quality** trong “Cài đặt camera hình tĩnh”, trên trang 19), **Night landscape** (▲), **Night portrait** (■), và **Candlelight** (■).

Khi bạn chụp ảnh, chế độ chụp mặc định là **Automatic**. Bạn có thể chọn chế độ **User** làm chế độ chụp mặc định.

Để cài chế độ chụp riêng của bạn phù hợp với một môi trường cụ thể, di chuyển đến **User**, và chọn **Options > Change**. Trong chế độ chụp do người dùng tạo, bạn có thể hiệu chỉnh các cài đặt độ sáng và màu sắc khác nhau. Để sao chép cài đặt từ một chế độ khác, chọn **Based on shooting mode** và chọn chế độ bạn muốn.

Các chế độ chụp khả dụng tùy thuộc vào camera được chọn.

## Cài đặt camera hình tĩnh

Có hai kiểu cài đặt dành cho camera hình tĩnh: **Image setup** và cài đặt chính. Để hiệu chỉnh **Image setup**, xem phần “**Thiết lập cài đặt—Hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc**”, trên trang 17. Các thông số cài đặt sẽ trở về cài đặt mặc định sau khi bạn đóng camera, nhưng các thông số cài đặt chính sẽ vẫn giữ nguyên cho đến khi bạn thay đổi chúng lần nữa. Để

thay đổi cài đặt chính, chọn **Options > Settings** và chọn các tùy chọn sau:

**Image quality—Print 3M - Large** (độ phân giải 2048 x 1536), **Print 2M - Med.** (độ phân giải 1600 x 1200), **Print 1.3M - Small** (độ phân giải 1280 x 960), **E-mail 0.5M** (độ phân giải 800 x 600), hoặc **MMS 0.3M** (độ phân giải 640 x 480). Chất lượng hình ảnh càng cao, càng cần nhiều dung lượng bộ nhớ. Nếu bạn muốn in ảnh, chọn **Print 3M - Large**, **Print 2M - Med.**, hoặc **Print 1.3M - Small**. Nếu bạn muốn gửi ảnh qua e-mail, chọn **E-mail 0.5M**. Để gửi ảnh qua MMS, chọn **MMS 0.3M**.

**Add to album**—Chọn lưu hoặc không lưu hình ảnh vào một album trong **Gallery**. Nếu bạn chọn **Yes**, danh sách các album hiện có sẽ mở ra.

**Show captured image**—Chọn **Yes** nếu bạn muốn xem hình đã chụp sau khi chụp, hoặc chọn **No** nếu bạn muốn tiếp tục chụp hình ngay.

**Extended zoom** (chỉ camera chính)—Chọn **On** nếu bạn muốn đạt được mức chỉnh tỷ lệ tối đa khi chụp ảnh. Chất lượng của hình được điều chỉnh tỷ lệ sẽ thấp hơn chất lượng của hình không được điều chỉnh tỷ lệ. Nếu bạn muốn giới hạn chỉnh tỷ lệ ở mức chất lượng hình đã chọn được duy trì, chọn **Off**.

**Default image name**—Xác định tên mặc định cho các hình.

**Shutter tone**—Chọn âm bạn muốn nghe khi chụp ảnh.

**Memory in use**—Chọn nơi lưu hình ảnh của bạn.

## Chỉnh sửa hình ảnh

Để chỉnh sửa hình ảnh sau khi chụp, hoặc hình ảnh đã lưu trong **Gallery**, chọn **Options > Edit**.

Chọn **Apply effect**, ví dụ để cắt và xoay hình; điều chỉnh độ sáng, màu sắc, độ tương phản, và độ phân giải; và thêm hiệu ứng, văn bản, hình nghệ thuật, hoặc khung cho hình chụp.

Để cắt ảnh, chọn **Options > Apply effect > Crop**.

Để cắt kích thước hình theo cách thủ công, chọn **Manual**, hoặc chọn một tỷ lệ co từ danh sách. Nếu bạn chọn **Manual**, dấu thập sẽ xuất hiện ở góc trái phía trên của hình. Di chuyển phím di chuyển đến vùng để cắt, và chọn **Set**. Một dấu thập khác sẽ xuất hiện ở góc dưới bên phải. Chọn lại vùng sẽ được cắt. Để hiệu chỉnh vùng được chọn lúc đầu, chọn **Back**. Các vùng được chọn sẽ tạo thành hình chữ nhật, là dạng hình sẽ được cắt.

Nếu bạn chọn một tỷ lệ co định sẵn, chọn góc trái phía trên của vùng sẽ được cắt. Để chỉnh lại kích thước của vùng đã chọn, sử dụng phím di chuyển. Để cố định vùng đã chọn, bấm . Để di chuyển

vùng này trong hình, sử dụng phím di chuyển. Để chọn vùng sẽ được cắt, bấm .

Để giảm hiện tượng mắt đỏ trong một hình, chọn **Options > Apply effect > Red eye reduction**.

Di chuyển dấu thập vào mắt, và bấm . Một vòng tròn sẽ xuất hiện trên màn hình. Để chỉnh lại kích thước của vòng tròn cho vừa khít với mắt, di chuyển phím di chuyển. Để giảm hiện tượng mắt đỏ, bấm .

Các phím tắt trong chế độ chỉnh sửa hình ảnh:

- Để xem ảnh ở chế độ vừa màn hình, bấm \* . Để trở lại xem bình thường, nhấn \* lần nữa.
- Để xoay hình theo chiều kim đồng hồ hoặc ngược chiều kim đồng hồ, bấm 3 hoặc 1 .
- Để phóng to hoặc thu nhỏ hình, bấm 5 hoặc 0 .
- Để di chuyển hình đã được phóng to hoặc thu nhỏ, di chuyển lên, xuống, sang trái, hoặc phải.

## Quay phim

Nếu camera ở **Image mode**, chọn chế độ video bằng cách chọn **Options > Video mode**.

Để chọn camera phụ, ví dụ để tự chụp, chọn **Options > Use secondary camera**.

Để xóa các bản sao của các tập tin đã được chuyển đi, hoặc xóa bộ nhớ cho các video clip mới, chọn **Options > Go to free memory** (chỉ camera chính).

- 1 Trong camera chính, bấm phím chụp ảnh, hoặc trong camera phụ, bấm  để bắt đầu ghi hình. Biểu tượng quay video  sẽ hiển thị. Đèn LED sẽ sáng, và một âm thanh sẽ phát ra cho biết đối tượng đang được quay. Không có hiệu ứng flash nào trên ảnh sau khi quay.
- 2 Để tạm ngưng quay phim bất kỳ lúc nào, chọn **Pause**. Biểu tượng tạm ngưng () nhấp nháy trên màn hình. Quá trình quay video sẽ tự động ngừng nếu quá trình quay được cài sang trạng thái tạm ngưng và bạn không bấm phím nào trong khoảng một phút.
- 3 Chọn **Continue** để tiếp tục quay phim.
- 4 Chọn **Stop** để ngừng quay phim. Đoạn phim sẽ được tự động lưu vào thư mục **Img. & video** của **Gallery**. Xem phần “**Gallery (Bộ sưu tập)**”, trên trang 26.

Để hiệu chỉnh ánh sáng hoặc màu sắc trước khi quay video, chọn **Options > Video setup**. Xem phần “**Thiết lập cài đặt—Hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc**”, trên trang 17.

Để chọn một chế độ chụp, chọn **Options > Video setup > Shooting mode**. Xem phần “**Các chế độ chụp ảnh**”, trên trang 18.

Các chỉ báo máy quay phim cho biết các thông tin sau:

- Chỉ báo bộ nhớ điện thoại () và thẻ nhớ () cho biết nơi lưu trữ đoạn phim.
- Chỉ báo chiều dài đoạn phim hiện thời (2) hiển thị thời gian đã dùng và thời gian còn lại.
- Chỉ báo chế độ chụp ảnh (3) sẽ hiển thị chế độ chụp ảnh được kích hoạt.
- Chỉ báo bộ cân bằng hình (4) cho biết bộ cân bằng hình được bật, và giám tác động của những di chuyển nhỏ đổi với độ sắc nét của hình (chỉ camera chính).
- Chỉ báo micro (5) cho biết micro đã được tắt tiếng.
- Chỉ báo định dạng tập tin (6) cho biết định dạng của video clip.
- Chỉ báo chất lượng video (7) cho biết chất lượng video là **High**, **Normal** hoặc **Sharing**.



Các phím tắt bao gồm:

- Di chuyển lên hoặc xuống để phóng to hoặc thu nhỏ. Chỉ báo chính tỷ lệ, hiển thị trên khung bên cạnh, cho biết mức chỉnh tỷ lệ.
- Di chuyển sang trái để nhập cài đặt **Video setup**. Xem phần “**Thiết lập cài đặt—Hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc**”, trên trang 17.

**Sau khi quay xong một đoạn phim:**

- Để phát lại ngay đoạn phim mà bạn vừa quay, chọn **Options > Play**.
- Nếu bạn không muốn lưu video, bấm  , hoặc chọn **Options > Delete**.
- Để gửi video **Via multimedia**, **Via e-mail**, **Via Bluetooth**, hoặc **Via infrared**, bấm  , hoặc chọn **Options > Send**. Để biết thêm thông tin, xem phần “**Nhắn tin**” trên trang 45 và phần “**Kết nối Bluetooth**” trên trang 92. Tùy chọn này sẽ không khả dụng trong khi cuộc gọi đang diễn ra. Bạn không thể gửi các video clip được lưu ở dạng .mp4 trong tin nhắn đa phương tiện.
- Để gửi một video clip cho một thành viên khác trong khi cuộc gọi đang diễn ra, chọn **Options > Send to caller**.
- Để chỉnh sửa video, chọn **Options > Edit**. Xem phần “**Biên tập các đoạn phim**”, trên trang 23.

## Cài đặt phim

Có hai kiểu cài đặt dành cho máy quay video: Cài đặt **Video setup** và cài đặt chính. Để hiệu chỉnh **Video setup**, xem phần “**Thiết lập cài đặt—Hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc**”, trên trang 17.

Các thông số cài đặt sẽ trở về cài đặt mặc định sau khi bạn đóng camera, nhưng các thông số cài đặt chính sẽ vẫn giữ nguyên cho đến khi bạn thay đổi chúng lần nữa. Để thay đổi cài đặt chính, chọn **Options > Settings** và chọn các tùy chọn sau:

**Audio recording**—Chọn **On** nếu bạn muốn ghi lại cả tiếng và hình.

**Video quality**—Cài chất lượng video clip là **High**, **Normal**, hoặc **Sharing**. Chất lượng được chỉ báo bằng một trong các biểu tượng sau:  (Cao),  (Bình thường), hoặc  (Chia sẻ). Nếu bạn chọn **High** hoặc **Normal**, thời gian quay sẽ bị giới hạn bởi bộ nhớ còn trống trên thẻ nhớ (nếu được lắp), và tối đa 1 tiếng cho mỗi video clip. Nếu bạn muốn xem video trên tivi hoặc một máy PC tương thích, chọn chất lượng video là **High**, với độ phân giải CIF (352x288) và định dạng .mp4. Bạn không thể gửi các video clip được lưu ở dạng .mp4 trong tin nhắn đa phương tiện. Nếu bạn muốn xem các đoạn phim trên điện thoại di động, chọn **Normal**, với độ phân giải QCIF (176x144) và định dạng .3gpp. Để gửi

video clip qua MMS, chọn **Sharing** (với độ phân giải QCIF, định dạng .3gp). Video clip được giới hạn trong khoảng 300 KB (thời lượng khoảng 20 giây), vì vậy rất thuận tiện khi bạn muốn gửi đến một thiết bị tương thích dưới dạng tin nhắn đa phương tiện. Tuy nhiên, một số mạng chỉ hỗ trợ gửi các tin nhắn đa phương tiện với kích thước tối đa 100 KB. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng để biết thêm thông tin.

**Add to album**—Chọn lưu hoặc không lưu video clip đã ghi vào một album trong **Gallery**. Chọn **Yes** để mở danh sách các album hiện có.

**Show captured video**—Chọn hiển thị hoặc không hiển thị ảnh đầu tiên của video clip được ghi trên màn hình sau khi ngừng ghi. Chọn **Options > Play** để xem video clip.

**Default video name**—Đặt tên mặc định cho các video clip.

**Memory in use**—Chọn bộ nhớ mặc định: bộ nhớ trên máy hoặc thẻ nhớ (nếu được lắp).

## Biên tập các đoạn phim

Để chỉnh sửa các video clip trong **Gallery** và tạo các video clip tùy chỉnh, di chuyển đến một video clip, và chọn **Options > Edit**. Xem phần “**Gallery (Bộ sưu tập)**”, trên trang 26. Bạn có thể tạo các đoạn video clip tùy chỉnh bằng cách kết hợp và cắt cảnh các đoạn video clip và thêm vào hình ảnh, các đoạn âm thanh, các đoạn chuyển cảnh và các hiệu ứng. Chuyển cảnh là các hiệu ứng hình ảnh mà bạn có thể thêm vào khi bắt đầu và kết thúc đoạn phim hoặc giữa các đoạn phim.

Trong chế độ biên tập phim, bạn có thể thấy hai thanh thời gian: một dành cho đoạn phim và một dành cho đoạn âm thanh. Có thể thêm hình ảnh, văn bản, và các đoạn chuyển cảnh vào một video clip đang được hiển thị trên thanh thời gian của video clip. Để chuyển giữa các thanh thời gian, di chuyển lên hoặc xuống.

## Biên tập phim, âm thanh, hình ảnh, văn bản, và đoạn chuyển cảnh

Để tạo các video clip tùy chỉnh, đánh dấu và chọn một hoặc nhiều video clip, và chọn **Options > Edit**.

Để chỉnh sửa phim, chọn một trong các tùy chọn sau:

### Edit video clip:

**Cut**—Cắt video clip trong giao diện Cắt video clip.

**Add colour effect**—Chèn hiệu ứng màu cho video clip.

**Use slow motion**—Giảm tốc độ chiếu của video clip.

**Mute sound/Unmute sound**—Tắt tiếng hoặc bật tiếng của video clip gốc.

**Move**—Di chuyển video clip đến vị trí đã chọn.

**Remove**—Xóa video clip khỏi video.

**Duplicate**—Để tạo bản sao của đoạn video clip được chọn.

**Edit text** (chỉ hiển thị khi bạn đã thêm văn bản vào)—Để chuyển, xóa hoặc nhân đôi văn bản; thay đổi màu và kiểu văn bản; xác định thời

gian văn bản hiển thị trên màn hình; và thêm một số hiệu ứng cho văn bản.

**Edit image** (chỉ hiển thị khi bạn đã thêm hình ảnh vào)—Để chuyển, xóa hoặc nhân đôi hình; xác định thời gian hình sẽ hiển thị trên màn hình; và cài nền hoặc hiệu ứng màu cho hình ảnh.

**Edit sound clip** (chỉ hiển thị nếu bạn đã thêm một đoạn âm thanh)—Để cắt hoặc chuyển một đoạn âm thanh, để hiệu chỉnh độ dài, hoặc để chuyển hoặc nhân đôi đoạn âm thanh.

**Edit transition**—Có ba kiểu chuyển cảnh: ở đầu, cuối video, và các đoạn chuyển cảnh giữa các video clip. Đoạn chuyển cảnh ở đầu video clip có thể được chọn khi phần chuyển cảnh đầu tiên của video clip đang được bật.

**Insert**—**Video clip, Image, Text, Sound clip**, hoặc **New sound clip**.

**Movie**—Xem trước movie ở chế độ vừa màn hình hoặc dưới dạng hình thu nhỏ, lưu lại hoặc gửi movie, hoặc cắt movie với kích thước hợp lý để gửi dưới dạng tin nhắn đa phương tiện.

Để chụp hình các cảnh trong một video clip, ở giao diện Cắt video, chọn **Options > Take snapshot**, hoặc trong giao diện Xem trước hình nhỏ, bấm , và chọn **Take snapshot**.

Để lưu video của bạn, chọn **Options > Movie > Save**. Để xác định **Memory in use**, chọn **Options > Settings**. Mặc định là bộ nhớ máy.

Trong giao diện **Settings**, bạn cũng có thể chọn **Default video name**, **Default sc. shot name**, **Resolution**, và **Memory in use**.

Chọn **Send > Via multimedia**, **Via e-mail**, **Via Bluetooth**, hoặc **Via infrared**, nếu bạn muốn gửi video. Liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ của bạn để biết dung lượng tối đa của tin nhắn đa phương tiện có thể gửi đi được. Nếu video của bạn quá lớn không thể gửi đi dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, biểu tượng  sẽ xuất hiện.

 **Mẹo!** Nếu muốn gửi video với dung lượng lớn hơn dung lượng tối đa của tin nhắn đa phương tiện được nhà cung cấp dịch vụ quy định, bạn có thể gửi qua công nghệ không dây Bluetooth. Xem phần “[Gửi dữ liệu sử dụng kết nối Bluetooth](#)”, trên trang 94. Bạn cũng có thể truyền video của bạn vào một máy PC tương thích sử dụng kết nối Bluetooth, hoặc bằng cách sử dụng đầu đọc thẻ nhớ SD tương thích (phụ kiện).



# Gallery (Bộ sưu tập)

Để lưu và sắp xếp các hình ảnh, video clip, đoạn âm thanh, danh sách nhạc, và các liên kết trực tuyến, hoặc chia sẻ các tập tin của bạn với những thiết bị tương thích bằng tính năng Universal Plug and Play (UPnP) khác qua mạng LAN không dây, bấm , và chọn **Gallery**. Để mở bộ sưu tập trong ứng dụng **Camera**, chọn **Options > Go to Gallery**. Ở chế độ **Camera**, chỉ có thư mục **Img. & video** khả dụng.

**Mẹo!** Để chuyển từ **Gallery** sang camera, trong thư mục **Img. & video**, chọn **Options > Go to Camera**.

Chọn **Img. & video** , **Tracks** , **Sound clips** , **Streaming links** , **Presentations** , **All files** , hoặc **Home network** , và bấm để mở nó.

Các tùy chọn liên quan tới **Home netw.** sẽ không khả dụng trong **Gallery** trước khi cấu hình cài đặt **Home netw..**



Bạn có thể trình duyệt và mở các thư mục, đánh dấu chọn, sao chép, và chuyển các mục vào thư mục. Bạn cũng có thể tạo album; và đánh dấu, sao chép và thêm các mục vào album. Xem phần "[Album](#)", trên trang 28.

Để mở một tập tin, bấm . Xem phần "[Xem hình ảnh và video clip](#)", trên trang 27. Các video clip, tập tin .ram, và các liên kết trực tuyến sẽ được mở và phát trong ứng dụng RealPlayer, các đoạn âm thanh trong ứng dụng máy nghe nhạc. Xem phần "[RealPlayer](#)", trên trang 39, và phần "[Máy nghe nhạc](#)", trên trang 36.

Để sao chép hoặc di chuyển các tập tin vào một thẻ nhớ tương thích (nếu có) hoặc vào bộ nhớ trên máy, chọn một tập tin và chọn **Options > Organise > Copy to memory card/Move to memory card** hoặc **Copy to phone mem./Move to phone mem..**

Các tập tin lưu trữ trong thẻ nhớ (nếu có) được chỉ báo bằng .

Để giảm kích thước các tập tin bạn đã sao chép sang các vị trí khác, chẳng hạn như một máy PC tương thích, chọn **Options > Shrink**. Chọn **Shrink** sẽ giảm độ phân giải của hình xuống còn 640x480.

Để tăng chỗ trống trong bộ nhớ, chọn một tập tin và chọn **Options > Free memory**. Xem phần “[Các tập tin dự phòng](#)”, trên trang 29.

Để tải tập tin về **Gallery** trong một trong các thư mục chính bằng trình duyệt, chọn **Graphic downl.**, hoặc **Video downl.**, **Track downl.**, hoặc **Sound downl.**. Trình duyệt sẽ mở ra, và bạn có thể chọn một chỉ mục của trang sẽ tải về.

## Xem hình ảnh và video clip

Hình chụp và các video clip được quay bằng camera sẽ được lưu trong thư mục **Img. & video** trong **Gallery**. Chất lượng và kích cỡ của video clip được chỉ báo bằng một trong các biểu tượng sau:

- có thể chia sẻ hoặc gửi video clip qua MMS,
- có thể chia sẻ video clip, và
- video clip quá lớn để gửi hoặc chia sẻ.

Bạn cũng có thể nhận được hình ảnh và video clip dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, dạng đính kèm e-mail, qua kết nối Bluetooth, hoặc qua cổng hồng ngoại. Để có thể xem một hình hoặc video clip nhận được trong bộ sưu tập hoặc trong media player, bạn phải lưu chúng vào bộ nhớ trên máy hoặc trên một thẻ nhớ tương thích (nếu có).

Mở thư mục **Img. & video** trong **Gallery**. Hình ảnh và video clip sẽ ở trong một vòng tròn và được sắp xếp theo ngày tháng. Số tập tin có thể được nhìn thấy trên màn hình. Để trình duyệt tập tin, di chuyển lên hoặc xuống. Để trình duyệt các tập tin trong vòng liên tục, bấm và giữ phím di chuyển lên hoặc xuống.

Để trình duyệt tập tin theo nhóm, di chuyển sang trái hoặc phải. Để mở một tập tin, bấm phím di chuyển.

Để chỉnh sửa hình hoặc video clip, chọn **Options > Edit**. Chương trình chỉnh sửa hình ảnh hoặc video sẽ mở ra.

Để thêm một hình ảnh hoặc video clip vào album trong **Gallery**, chọn **Options > Albums > Add to album**. Xem phần “[Album](#)”, trên trang 28.

Để tạo các video clip tùy chỉnh, chọn một video clip, hoặc một vài đoạn trong **Gallery**, và chọn **Options > Edit**. Xem phần “[Biên tập các đoạn phim](#)”, trên trang 23.

Để in hình ảnh trên một máy in tương thích được nối với điện thoại, hoặc để lưu hình vào thẻ nhớ (nếu có) để in, chọn **Options > Print**. Xem phần “[In ảnh](#)”, trên trang 38.

Để chỉnh tỉ lệ hình, chọn **Options > Zoom in** hoặc **Zoom out**. Tỉ lệ phóng to/thu nhỏ sẽ hiển thị ở phía trên màn hình. Tỉ lệ sẽ không được lưu cố định.

Để sử dụng hình ảnh làm hình nền, chọn hình ảnh bạn muốn, và chọn **Options > Assign > Set as wallpaper**.

Để xóa hình hoặc video clip, bấm **C**.

## Trình chiếu

Chọn **Options > Slide show > Start** để xem các hình ảnh và video clip ở chế độ vừa màn hình.

Trình chiếu sẽ bắt đầu từ tập tin cũ nhất. Chọn một trong số các tùy chọn sau:

- **Play**—để mở ứng dụng RealPlayer, và phát một video clip
- **Pause**—để tạm ngưng trình chiếu
- **Continue**—để tiếp tục trình chiếu
- **End**—để đóng trình chiếu

Để kích hoạt **Pause**, **Continue** và **End**, bấm phím chọn. Để trình duyệt hình ảnh, bấm **(** (hình trước) hoặc **)** (hình kế tiếp).

Để điều chỉnh tốc độ trình chiếu, trước khi bắt đầu trình chiếu, chọn **Options > Slide show > Settings > Delay between slides**.

Để thêm âm thanh vào trình chiếu, chọn **Options > Slide show > Settings** và chọn các tùy chọn sau:

- **Music**—Chọn **On** hoặc **Off**.
- **Track**—Chọn một tập tin nhạc trong danh sách.

Để giảm hoặc tăng âm lượng, bấm **(** hoặc **)**.

## Diễn thuyết

Với các diễn thuyết, bạn có thể xem các tập tin SVG (đồ họa vector có thể thay đổi tỷ lệ), chẳng hạn như truyện tranh và bản đồ. Các hình ảnh SVG giữ nguyên hình dạng khi in và xem với các kích thước và độ phân giải màn hình khác nhau. Để xem các tập tin SVG, chọn thư mục **Presentations**, di chuyển đến một hình ảnh, và chọn **Options > Play**.

Để phóng to, bấm **5**. Để thu nhỏ, bấm **0**.

Để chuyển giữa chế độ xem vừa màn hình và chế độ xem bình thường, bấm **\***.

## Album

Với album, bạn có thể quản lý hình ảnh và các video clip một cách thuận tiện. Để xem danh sách album, trong thư mục **Img. & video**, chọn **Options > Albums > View albums**.

Để tạo một album mới, chọn **Options > New album**. Đặt tên cho album và chọn **OK**.

Để thêm hình hoặc một video clip vào một album trong **Gallery**, di chuyển đến một hình hoặc video clip, và chọn **Options > Albums > Add to album**. Một danh sách các album sẽ mở ra. Chọn album bạn muốn thêm hình hoặc video clip vào và bấm **OK**. Để xóa một tập tin trong album, bấm **C**. Tập tin đó sẽ vẫn còn trong thư mục **Img. & video** trong **Gallery**.

## Các tập tin dự phòng

Để chuyển và sao lưu các tập tin media từ điện thoại của bạn sang một máy PC tương thích qua mạng LAN Không Dây, chọn **Options > Transfer > Start**. Xem phần “[Mạng LAN không dây](#)”, trên trang 6.

Điện thoại sẽ bắt đầu dò tìm thiết bị. Chọn một thiết bị, và thư mục bạn muốn chuyển các tập tin media. Bấm **OK**.

Để thay đổi cài đặt **Storage device** hoặc **Storage folder**, chọn **Options > Transfer > Settings**.



## Home netw.

Điện thoại của bạn tương thích với cấu trúc Universal Plug and Play (UPnP). Bằng cách sử dụng một thiết bị điểm truy cập LAN không dây hoặc một bộ định tuyến mạng LAN không dây, bạn có thể tạo một mạng gia đình và kết nối các thiết bị tương thích với UPnP có hỗ trợ mạng LAN không dây vào mạng, chẳng hạn như Nokia N80, một máy PC tương thích, một máy in tương thích, và một dàn âm thanh hoặc tivi tương thích được trang bị một bộ nhận đa phương tiện không dây tương thích.

Xin lưu ý rằng việc sử dụng tính năng mạng LAN không dây của Nokia N80 trong một mạng gia đình đòi hỏi phải có cài đặt kết nối mạng LAN không dây gia đình và các thiết bị mục tiêu sử dụng trong nhà khác phải tương thích với UPnP và phải được kết nối vào cùng một mạng gia đình.

Bạn có thể chia sẻ các tập tin media đã lưu trong **Gallery** với các thiết bị tương thích với UPnP khác sử dụng mạng gia đình. Để quản lý cài đặt **Home netw.**, bấm **≡**, và chọn **Connect. > Home netw.**. Bạn cũng có thể sử dụng mạng gia đình để xem, phát, sao chép, hoặc in các tập tin media tương thích trong **Gallery**. Xem phần “[Xem các tập tin media](#)”, trên trang 31.



**Lưu ý quan trọng:** Luôn bật một trong những phương thức mã hóa hiện có để tăng độ an toàn khi quý khách kết nối với mạng LAN không dây. Việc sử dụng mã hóa sẽ làm giảm nguy cơ bị truy cập trái phép vào dữ liệu của quý khách.

## Cài đặt mạng gia đình

Để chia sẻ các tập tin media được lưu trong **Gallery** với các thiết bị tương thích với UPnP qua mạng LAN không dây, trước tiên bạn phải tạo và đặt cấu hình điểm truy cập Internet của mạng LAN không dây gia đình, sau đó đặt cấu hình ứng dụng **Home netw.** application. Xem phần “[Mạng LAN không dây](#)”, trên trang 6, và cài đặt mạng LAN không dây trong phần “[Access points](#)”, trên trang 110 và phần “[Wireless LAN](#)”, trên trang 113.

Các tùy chọn liên quan tới **Home netw.** sẽ không khả dụng trong **Gallery** trước khi cấu hình cài đặt **Home netw..**

### Đặt cấu hình Cài Đặt

Để đặt cấu hình ứng dụng **Home netw.**, chọn **Connect. > Home netw. > Settings**, và chọn một trong các tùy chọn sau:

**Content sharing**—Cho phép hoặc từ chối chia sẻ các tập tin media với các thiết bị tương thích. Không bật **Content sharing** trước khi bạn đặt cấu hình tất cả các cài đặt khác. Nếu bạn bật **Content sharing**, các thiết bị tương thích với UPnP khác trong mạng gia đình có thể xem và sao chép các tập tin của bạn.

**Home access point**—Chọn điểm truy cập internet gia đình của bạn. Nếu mạng gia đình không bật cài đặt bảo mật cho mạng LAN không dây, bạn sẽ nhận được một cảnh báo bảo mật. Bạn có thể tiếp tục, và bật tính năng bảo mật cho mạng LAN không dây sau, hoặc hủy việc xác định điểm truy cập, và bật tính năng bảo mật cho mạng LAN không dây trước. Xem mục [Mạng LAN Không Dây](#) trong phần “[Access points](#)”, trên trang 110.

**My device name**—Nhập tên cho điện thoại của bạn, tên này sẽ được hiển thị cho các thiết bị tương thích khác trong mạng gia đình.

### Đặt nội dung sẽ được chia sẻ

Khi bạn bật **Content sharing**, các thiết bị tương thích với UPnP khác trong mạng gia đình có thể xem và sao chép các tập tin mà bạn muốn chia sẻ với họ.

Để chọn các tập tin media để chia sẻ với các thiết bị khác, hoặc để xem tinh trang chia sẻ của các album **Images & video** hoặc **Music**, chọn **Share content**.

## Xem các tập tin media

Để kết nối một máy PC tương thích với mạng gia đình, bạn phải cài đặt phần mềm liên quan trong CD-ROM được cung cấp cùng với điện thoại Nokia N80.

Nếu điện thoại được bật **Content sharing**, các thiết bị tương thích với UPnP khác trong mạng gia đình có thể xem và sao chép các tập tin media bạn đã chọn để chia sẻ trong **Share content**. Nếu không muốn các thiết bị khác truy cập vào các tập tin của bạn, tắt **Content sharing**. Ngay cả khi điện thoại của bạn được tắt **Content sharing**, bạn vẫn có thể xem và sao chép các tập tin media được lưu trong thiết bị khác của mạng gia đình, nếu thiết bị này cho phép.

## Hiển thị các tập tin media được lưu trong điện thoại của bạn

Để chọn hình ảnh, video, và đoạn nhạc trong điện thoại của bạn, và hiển thị chúng trong một thiết bị mạng gia đình khác, chẳng hạn như một tivi tương thích, theo các bước sau:

- Trong **Gallery**, chọn một hình ảnh, một video, hoặc một đoạn nhạc.
- Chọn **Options > Show via home net.** (hình ảnh và video), hoặc **Play via home network** (nhạc).
- Chọn một thiết bị tương thích trong đó có tập tin media sẽ được hiển thị. Các hình ảnh sẽ được

hiển thị trên cả thiết bị mạng gia đình khác và điện thoại của bạn, còn các video clip và các đoạn âm thanh sẽ chỉ được phát trên thiết bị khác.

## Hiển thị các tập tin media được lưu trong thiết bị khác

Để chọn các tập tin media được lưu trong một thiết bị mạng gia đình khác, và hiển thị chúng trên thiết bị khác, chẳng hạn như trên một tivi tương thích, hãy thực hiện theo các bước sau:

- Trong **Gallery**, chọn **Home network**. Điện thoại sẽ bắt đầu tìm kiếm các thiết bị tương thích khác. Tên các thiết bị sẽ bắt đầu xuất hiện trên màn hình.
- Chọn một thiết bị trong danh sách.
- Chọn loại media bạn muốn xem từ thiết bị khác. Các loại tập tin khả dụng trên các chức năng của thiết bị khác.
- Chọn hình ảnh, video clip, hoặc đoạn nhạc bạn muốn xem, và chọn **Options > Show via home net.** (hình ảnh và video) hoặc chọn **Play via home network** (nhạc).
- Chọn thiết bị sẽ hiển thị tập tin này.

Để ngừng chia sẻ tập tin media này, chọn **Options > Stop showing**.

Để in những hình ảnh được lưu trong **Gallery** qua **Home network**, bằng một máy in tương thích với UPnP, chọn tùy chọn in trong **Gallery**. Xem phần “**In ảnh**”, trên trang 38. Không cần phải bật **Content sharing**.

Để tìm kiếm các tập tin thỏa mãn các tiêu chí khác nhau, chọn **Options > Find**. Để sắp xếp các tập tin đã tìm thấy, chọn **Options > Sort by**.

### Sao chép các tập tin media

Để sao chép các tập tin media từ điện thoại sang một thiết bị tương thích khác, chẳng hạn như một máy PC tương thích với UPnP, chọn một tập tin trong **Gallery**, và **Options > Organise > Copy to home network** hoặc **Move to home network**.

Không cần phải bật **Content sharing**.

Để sao chép hoặc chuyển các tập tin từ điện thoại kia sang điện thoại của bạn, chọn một tập tin trong điện thoại kia, và chọn **Options > Copy to phone** hoặc **Copy to memory card**. Không cần phải bật **Content sharing**.

### Online sharing (Chia sẻ trực tuyến)

 **Lưu ý:** Tính khả dụng của dịch vụ này có thể khác nhau tùy theo quốc gia hoặc khu vực bán hàng, và dịch vụ này có thể chỉ được địa phương hóa theo một số ngôn ngữ.

Với chức năng **Online sharing**, bạn có thể chia sẻ hình ảnh và video trên các album trực tuyến, nhật ký web, hoặc các dịch vụ chia sẻ trực tuyến tương thích khác trên web. Bạn có thể tải lên nội dung, lưu những bài viết chưa hoàn tất dưới dạng nháp và tiếp tục sau, và xem nội dung của các album. Những kiểu nội dung được hỗ trợ có thể khác nhau tùy thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ.

### Bắt đầu sử dụng

Để sử dụng **Online sharing**, bạn phải đăng ký dịch vụ với một nhà cung cấp dịch vụ chia sẻ hình ảnh trực tuyến. Thông thường, bạn có thể đăng ký dịch vụ trên trang Web của nhà cung cấp dịch vụ này. Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết chi tiết về việc đăng ký dịch vụ. Để biết thêm thông tin về các nhà cung cấp dịch vụ tương thích, hãy xem trên trang web [www.nokia-asia.com/N80/support](http://www.nokia-asia.com/N80/support).

Lần đầu tiên mở dịch vụ trong chức năng **Online sharing**, bạn sẽ được nhắc tạo một tài khoản mới và xác nhận tên thuê bao và mật mã. Bạn có thể truy cập vào các cài đặt tài khoản này sau từ **Options > Settings** trong chức năng **Online sharing**. Xem phần “**Cài đặt chia sẻ trực tuyến**”, trên trang 34.

## Tải lên các tập tin

Bấm , và chọn **Gallery > Images & video**, chọn những tập tin bạn muốn tải lên, và chọn **Options > Send > Web upload**.

Giao diện **Select service** sẽ mở ra. Để tạo một tài khoản với một dịch vụ, **Options > Add new account** hoặc biểu tượng dịch vụ cùng với dòng chữ **Create account** trong danh sách dịch vụ. Nếu bạn đã tạo một tài khoản mới ở trạng thái không trực tuyến, hoặc chỉnh sửa một tài khoản hoặc cài đặt dịch vụ bằng trình duyệt Web trên một máy PC tương thích, để cập nhật danh sách dịch vụ trên điện thoại, chọn **Options > Retrieve services**. Để chọn một dịch vụ, bấm phím di chuyển.

Khi chọn dịch vụ này, những hình ảnh và video được chọn sẽ hiển thị ở trạng thái chỉnh sửa. Bạn có thể mở và xem các tập tin, sắp xếp lại chúng, và thêm văn bản cho chúng, hoặc thêm các tập tin mới.

Để hủy quá trình tải lên Web, và lưu bài viết mới tạo dưới dạng nháp, chọn **Back > Save as draft**. Nếu quá trình tải lên đã bắt đầu, chọn **Cancel > Save as draft**.

Để kết nối với dịch vụ và tải các tập tin lên Web, chọn **Options > Upload**, hoặc bấm .

## Mở dịch vụ trực tuyến

Để xem hình ảnh và video đã được tải lên trong dịch vụ trực tuyến, và các mục nhập nháp và các mục nhập đã gửi, trong thư mục **Images & video**, chọn **Options > Open online service**. Nếu bạn đã tạo một tài khoản mới ở trạng thái không trực tuyến, hoặc chỉnh sửa một tài khoản hoặc cài đặt dịch vụ bằng trình duyệt Web trên một máy PC tương thích, để cập nhật danh sách dịch vụ trên điện thoại, chọn **Options > Retrieve services**. Chọn một dịch vụ trong danh sách.

Sau khi đã mở một dịch vụ, chọn một trong số các tùy chọn sau:

- **Open in web browser**—để kết nối với dịch vụ đã chọn và xem các album đã tải lên và album nháp trong trình duyệt Web. Giao diện này có thể khác nhau tùy thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ.

- **Drafts**—để xem và chỉnh sửa các mục nhập nháp, và tải chúng lên Web.
- **Sent**—để xem 20 mục nhập mới nhất được tạo bằng điện thoại.
- **New post**—để tạo mục nhập mới.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau tùy thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ.

## Cài đặt chia sẻ trực tuyến

Để chỉnh sửa cài đặt **Online sharing**, trong chức năng **Online sharing**, chọn **Options > Settings**.

### My accounts

Trong **My accounts**, bạn có thể tạo các tài khoản mới hoặc chỉnh sửa các tài khoản đã có. Để tạo một tài khoản mới, chọn **Options > Add new account**. Để chỉnh sửa một tài khoản đã có, chọn một tài khoản và chọn **Options > Edit**. Chọn một trong số các tùy chọn sau:

**Account name**—để nhập tên bạn muốn cho tài khoản.

**Service provider**—để chọn nhà cung cấp dịch vụ bạn muốn sử dụng. Bạn không thể thay đổi nhà cung cấp dịch vụ cho một tài khoản hiện có, bạn phải tạo một tài khoản mới cho nhà cung cấp dịch vụ mới. Nếu xóa một tài khoản trong **My accounts**,

các dịch vụ liên quan đến tài khoản này cũng sẽ bị xóa khỏi điện thoại, bao gồm cả các mục đã gửi cho dịch vụ này.

**User name** và **Password**—nhập tên thuê bao và mật mã đã tạo cho tài khoản của bạn khi đăng ký với dịch vụ trực tuyến.

**Upload image size**—để chọn kích cỡ cho hình ảnh sẽ được tải lên dịch vụ này.

Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo Hướng Dẫn dành cho Nseries có trong gói sản phẩm.

### Application settings

**Display image size**—để chọn kích cỡ cho hình ảnh sẽ được hiển thị trên màn hình điện thoại. Cài đặt này sẽ không ảnh hưởng tới kích cỡ hình tải lên.

**Display text size**—để chọn cỡ chữ sử dụng để hiển thị văn bản trong các mục nhập nháp và mục nhập đã gửi, hoặc khi bạn thêm hoặc chỉnh sửa văn bản cho mục nhập mới.

## Advanced

**Service providers**—để xem hoặc chỉnh sửa cài đặt nhà cung cấp dịch vụ, thêm nhà cung cấp dịch vụ mới, hoặc xem chi tiết về một nhà cung cấp dịch vụ. Nếu bạn thay đổi nhà cung cấp dịch vụ, tất cả thông tin **My accounts** cho nhà cung cấp dịch vụ trước đó sẽ bị mất. Bạn không thể thay đổi cài đặt cho các nhà cung cấp dịch vụ đã được định trước.

**Default access point**—để thay đổi điểm truy cập sử dụng để kết nối với dịch vụ trực tuyến, chọn điểm truy cập bạn muốn.

# Các ứng dụng media



## Máy nghe nhạc

Bấm , và chọn **Music player**. Với máy nghe nhạc, bạn có thể nghe các tập tin nhạc, tạo và nghe các danh sách nhạc.

**Cảnh báo:** Nghe nhạc với mức âm lượng vừa phải. Việc nghe liên tục ở mức âm lượng lớn có thể gây hại cho thính giác của quý khách. Không để điện thoại gần tai của quý khách khi đang sử dụng loa vì âm lượng có thể rất lớn.

### Thêm nhạc

Khi bạn mở máy nghe nhạc lần đầu tiên, máy nghe nhạc sẽ tìm kiếm các tập tin nhạc trong bộ nhớ trên máy để tạo một thư viện nhạc.

Sau khi thêm hoặc xóa các tập tin nhạc trong điện thoại, hãy cập nhật thư viện nhạc của bạn. Chọn **Options > Music library > Options > Update Music library**.



**Mẹo!** Bạn có thể truyền tải các tập tin nhạc từ điện thoại vào thẻ nhớ tương thích (nếu có) bằng ứng dụng Nokia Audio Manager trong bộ Nokia PC Suite.

Bạn có thể chuyển nhạc từ một máy PC tương thích hoặc các thiết bị tương thích khác sử dụng cáp USB hoặc kết nối Bluetooth. Để có chi tiết về cách kết nối điện thoại, xem phần “[Kết nối](#)”, trên trang [92](#). Để thay đổi chế độ kết nối USB mặc định, bấm , chọn **Connect > Data cbl.** và một trong những tùy chọn trong **Data cable mode**.

### Phát nhạc

Khi mở máy nghe nhạc, bài nhạc hoặc danh sách nhạc được phát trước đó sẽ được hiển thị. Để xem thư viện nhạc, chọn hoặc **Options > Music library** và chọn danh sách bài hát bạn muốn. Để bắt đầu phát các bài hát trong giao diện, chọn **Options > Play**.



Khi một bài hát đang được phát, để thay đổi giữa phát và tạm dừng, bấm hoặc .

Để dừng bài hát, bấm . Để tiến nhanh về trước hoặc tua lại, bấm và giữ hoặc . Để phát bài hát kế tiếp hoặc bài hát trước đó, bấm hoặc .

Để xem danh sách bài hát đang được phát, chọn hoặc **Options > Open 'Now playing'**. Để lưu danh sách bài hát làm danh sách nhạc, chọn **Options > Add to track list**, và tạo một danh sách nhạc mới, hoặc chọn một danh sách đã lưu.

Để điều chỉnh âm lượng, bấm hoặc .

Để thay đổi giữa chế độ phát ngẫu nhiên và phát bình thường, chọn **Options > Random play**. Để chọn ngừng phát ở cuối danh sách nhạc hoặc bắt đầu lại từ đầu danh sách nhạc, chọn **Options > Loop**.

**Mẹo!** Để thoát khỏi một ứng dụng đang mở và máy nghe nhạc đang chạy ẩn, bấm hai lần để trở về chế độ chờ. Để trở về ứng dụng, bấm , và chọn **Music player**.

Để mở các chỉ mục Web để tải nhạc xuống, chọn **Options > Track downloads**.

Để trở về chế độ chờ và vẫn giữ máy nghe nhạc chạy ẩn, chọn **Options > Play in background**.

## Thư viện nhạc

Để xem thư viện nhạc, chọn **Options > Music library**. **All tracks** liệt kê tất cả các bài nhạc. Để xem các bài hát theo thứ tự, chọn **Albums, Artists, Genres**, hoặc **Composers**. Thông tin về album, nghệ sĩ, thể loại và nhạc sĩ này được thu thập từ các tag ID3 hoặc M4A của các tập tin bài hát, nếu có.

Để thêm bài hát, album, nghệ sĩ, thể loại hoặc nhạc sĩ vào danh sách nhạc, chọn các mục và chọn **Options > Add to track list**. Bạn có thể tạo danh sách bài hát mới hoặc thêm vào một danh sách hiện có.

Để xem các danh sách nhạc, chọn **Track lists**.

Để tạo một danh sách nhạc mới, chọn **Options > New track list**. Khi đang xem một danh sách nhạc do bạn tự tạo, để thêm bài hát, chọn **Options > Add tracks**.

Để xóa danh sách nhạc, bấm . Việc xóa danh sách bài hát chỉ có thể xóa danh sách bài hát, không xóa được các tập tin nhạc trong đó.

## In ảnh

Để in hình bằng **Image print**, chọn hình bạn muốn in, và chọn tùy chọn in trong bộ sưu tập, camera, trình chỉnh sửa hình ảnh, hoặc giao diện hình ảnh.

Sử dụng **Image print** để in hình ảnh sử dụng một cáp dữ liệu USB tương thích, mạng LAN không dây (nếu có), kết nối Bluetooth, hoặc một thẻ nhớ tương thích (nếu có).

Bạn chỉ có thể in hình ảnh ở dạng .jpeg. Hình ảnh được chụp bằng camera sẽ tự động được lưu ở dạng .jpeg.



**Lưu ý:** Để in bằng một máy in tương thích với PictBridge, kết nối cáp dữ liệu trước khi chọn tùy chọn in.

## Chọn máy in

Khi bạn sử dụng chức năng **Image print** lần đầu tiên, danh sách các máy in hiện có sẽ hiển thị sau khi bạn chọn hình ảnh. Chọn một máy in. Máy in sẽ được cài làm máy in mặc định.

Nếu bạn đã kết nối một máy in tương thích với PictBridge sử dụng cáp USB tương thích, máy in sẽ tự động hiển thị.

Nếu máy in mặc định không có, danh sách các thiết bị in hiện có sẽ được hiển thị.

Để thay đổi máy in mặc định, chọn **Options > Settings > Default printer**.

## Xem trước bản in

Giao diện xem trước khi in chỉ mở ra khi bạn in một hình ảnh trong bộ sưu tập.

Hình ảnh đã chọn sẽ được hiển thị theo bố cục đã định trước. Để thay đổi bố cục này, di chuyển sang trái và phải để duyệt qua các bố cục có sẵn ứng với máy in đã chọn. Nếu hình ảnh không đủ để trinh bày trên một trang đơn, di chuyển lên hoặc xuống để xem tiếp các trang khác.

## Cài đặt in

Các tùy chọn được hiển thị sẽ khác nhau tùy vào tính năng của thiết bị in mà bạn chọn.

Để cài máy in mặc định, chọn **Options > Default printer**.

Để chọn khổ giấy, chọn **Paper size**, chọn khổ giấy trong danh sách và bấm **OK**. Chọn **Cancel** để quay về màn hình trước đó.



## RealPlayer

Bấm , và chọn **Imaging > RealPlayer**. Với trình **RealPlayer**, bạn có thể xem lại các video clip, hoặc thường thức các tập tin media trực tuyến. Bạn có thể kích hoạt liên kết trực tuyến khi trình duyệt các trang Web, hoặc lưu liên kết này vào bộ nhớ điện thoại hoặc một thẻ nhớ tương thích (nếu có).

**Mẹo!** Bạn cũng có thể xem các video clip hoặc các liên kết trực tuyến bằng các thiết bị khác tương thích với UPnP, chẳng hạn như một tivi hoặc một máy PC, qua mạng LAN không dây. Xem phần “[Xem các tập tin media](#)”, trên trang 31.

**RealPlayer** hỗ trợ các tập tin có đuôi dạng .3gp, .mp4 hoặc .rm. Tuy nhiên, **RealPlayer** không nhất thiết hỗ trợ tất cả các định dạng hay biến thể của các dạng tập tin này.

Ví dụ, **RealPlayer** có thể phát các tập tin .mp4, nhưng một số tập tin .mp4 có thể chứa nội dung không tương thích với các chuẩn 3GPP, và vì vậy sẽ không được điện thoại hỗ trợ.

## Phát video clip

1 Để phát tập tin media được lưu trong bộ nhớ điện thoại, hoặc thẻ nhớ (nếu có), chọn **Options > Open** và chọn một trong các tùy chọn sau:  
**Most recent clips**—Để phát một trong sáu tập tin mới nhất được phát bằng **RealPlayer**.

**Saved clip**—Để phát lại tập tin được lưu trong **Gallery**.

Xem phần “[Gallery \(Bộ sưu tập\)](#)”, trên trang 26.

2 Di chuyển đến một tập tin và bấm để phát tập tin đó.

**Mẹo!** Để xem một video clip ở chế độ vừa màn hình, bấm . Để đổi trở lại chế độ màn hình bình thường, bấm phím bất kỳ.

Các phím tắt trong khi chạy chương trình:

- Để tiến nhanh về trước, bấm và giữ .
- Để trở về điểm đầu của tập tin media, bấm và giữ .
- Để tắt âm, bấm và giữ cho đến khi chỉ báo hiển thị. Để bật âm, bấm và giữ cho đến khi bạn nhìn thấy chỉ báo .

## Xem nội dung trực tuyến

Nhiều nhà cung cấp dịch vụ yêu cầu bạn sử dụng điểm truy cập Internet (IAP) làm điểm truy cập mặc định. Các nhà cung cấp dịch vụ khác cho phép bạn sử dụng điểm truy cập WAP.

Bạn có thể cài đặt các điểm truy cập khi bạn khởi động điện thoại lần đầu tiên.

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của quý khách để biết thêm thông tin.



**Lưu ý:** Trong ứng dụng **RealPlayer**, bạn chỉ có thể truy cập một địa chỉ URL rtsp://.

Tuy nhiên, **RealPlayer** có khả năng nhận dạng liên kết http với tập tin .ram.

Để xem các nội dung trực tuyến, chọn một đường dẫn đến nội dung trực tuyến trong **Gallery**, trên trang Web, hoặc nhận đường dẫn trong tin nhắn văn bản hoặc tin nhắn đa phương tiện. Trước khi nội dung được phát trực tuyến, điện thoại của bạn sẽ kết nối với trang này và bắt đầu tải nội dung. Nội dung sẽ không được lưu vào điện thoại.

## Nhận các thông số cài đặt RealPlayer

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt **RealPlayer** trong tin nhắn văn bản đặc biệt được gửi từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Xem phần “[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)”, trên trang 51. Để biết thêm thông tin, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

### Thay đổi các cài đặt của RealPlayer

Chọn **Options > Settings** và các tùy chọn sau:

**Video**—Để **RealPlayer** tự động phát lại các video clip đã phát xong.

**Connection**—Để chọn sử dụng một server proxy, thay đổi điểm truy cập mặc định, và cài khoảng trị số cổng được dùng khi kết nối. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để nhận được các cài đặt phù hợp.

#### Proxy sett.:

**Use proxy**—Để sử dụng server proxy, chọn **Yes**.

**Proxy serv. address**—Nhập địa chỉ IP của server proxy.

**Proxy port number**—Nhập số cổng của máy chủ proxy.

 **Chú giải:** Các server proxy là các server trung gian giữa các server cung cấp nội dung media và người sử dụng chúng. Một số nhà cung cấp dịch vụ sử dụng chúng để cung cấp các tính năng bảo mật bổ sung hoặc tăng tốc độ truy cập các trang web chứa các đoạn âm thanh hoặc các video clip.

#### Netw. sett.:

**Default access point**—Di chuyển đến điểm truy cập bạn muốn dùng để kết nối vào Internet và bấm .

**Online time**—Cài thời lượng để **RealPlayer** ngắt khỏi mạng khi bạn ngưng phát đoạn media qua liên kết mạng. Chọn **User defined**, và bấm  . Nhập khoảng thời gian, và chọn **OK**.

**Lowest UDP port**—Nhập trị số cổng thấp nhất trong khoảng trị số các cổng của server. Giá trị cực tiểu là 1024.

**Highest UDP port**—Nhập trị số cổng cao nhất trong khoảng trị số các cổng của server. Giá trị cực đại là 65535.

Chọn **Options > Advanced settings** để hiệu chỉnh các giá trị bằng thông cho các mạng khác nhau.



## Movie director

Để tạo muvee, bấm  , và chọn **Imaging > Movie**. Muvee là các video clip ngắn, được chỉnh sửa có chứa video, hình ảnh, nhạc, và văn bản. **Quick muvee** đã được tự động tạo bằng **Movie** sau khi bạn đã chọn kiểu muvee. **Movie** sử dụng văn bản và âm nhạc mặc định kết hợp với kiểu đã chọn. Trong **Custom muvee** bạn có thể chọn các video clip và các đoạn nhạc riêng, hình ảnh và kiểu thể hiện, đồng thời thêm phần thông điệp mở đầu và kết thúc. Bạn có thể gửi muvee qua MMS.

Mở **Movie**, và bấm  hoặc  để chuyển qua lại giữa hai giao diện  và  . Bạn cũng có thể trở về giao diện chính từ giao diện  bằng cách chọn **Done**.

Giao diện  có chứa một danh sách các video clip mà bạn có thể **Play**, **Send**, **Rename** và **Delete**.

## Tạo quick muvee

- Trong giao diện chính của **Movie** chọn **Quick muvee**.
- Chọn một kiểu muvee trong danh sách. Muvee đã tạo sẽ được lưu trong danh sách

muvee của **Movie**. Muvee sẽ tự động phát sau khi lưu lại.

## Tạo muvee tùy chỉnh

- Trong giao diện chính của **Movie**, chọn **Custom muvee**.
- Chọn đoạn bạn muốn thêm vào muvee của bạn trong **Video, Image, Style**, hoặc **Music**. Sau khi bạn đã chọn các video clip và hình ảnh, để xác định thứ tự mà các tập tin sẽ được phát trong muvee, chọn **Options > Advanced options**. Để chọn tập tin bạn muốn chuyển, bấm  . Sau đó, di chuyển đến tập tin mà sau đó bạn muốn thay thế bằng tập tin được đánh dấu, và bấm  . Để cắt các video clip, chọn **Options > Select contents**. Xem phần “[Chọn nội dung](#)”, trên trang [42](#). Trong **Message** bạn có thể thêm đoạn văn bản mở đầu và kết thúc cho muvee.
- Chọn **Create muvee** và chọn một trong các tùy chọn sau:
  - Multimedia message**—Để tối ưu độ dài của muvee khi gửi MMS
  - Auto-select**—Để bao gồm tất cả các hình ảnh và các video clip được chọn trong muvee

**Same as music**—Để cài thời lượng muvee giống như đoạn nhạc đã chọn

**User defined**—Để xác định độ dài muvee

### 4 Chọn **Options > Save**.

Để xem trước muvee tùy chỉnh trước khi gửi, trong giao diện **Preview**, chọn **Options > Play**.

Để tạo một muvee tùy chỉnh mới bằng cách sử dụng cài đặt cùng loại, chọn **Options > Recreate**.

### Chọn nội dung

Để chỉnh sửa các video clip đã chọn, chọn **Options > Advanced options > Options > Select contents**. Bạn có thể chọn những phần của video clip nào sẽ được thêm vào hoặc loại ra trong muvee. Trong thanh trượt, màu xanh lá cây là phần được thêm vào, màu đỏ là phần được loại ra và màu xám là các phần trung lập.

Để thêm một phần của video clip vào muvee, di chuyển đến phần đó, và chọn **Options > Include**.

Để loại bỏ một đoạn, chọn **Options > Exclude**.

Để loại bỏ một cảnh, chọn **Options > Exclude shot**.

Để ứng dụng **Movie** thêm vào hoặc loại trừ ngẫu nhiên một phần của video clip, di chuyển đến phần đó, và chọn **Options > Mark as neutral**.

Để ứng dụng **Movie** thêm vào hoặc loại trừ ngẫu nhiên các phần của video clip, chọn **Options > Mark all as neutral**.

## Cài đặt

Chọn **Settings** để chỉnh sửa các tùy chọn sau:

**Memory in use**—Chọn nơi lưu các muvee của bạn.

**Resolution**—Chọn độ phân giải cho các đoạn muvee của bạn.

**Default muvee name**—Đặt tên mặc định cho các muvee.

## Flash Player

Với Flash Player, bạn có thể xem, phát, và tương tác với các tập tin flash tương thích được tạo cho các thiết bị di động.

Để có thể tương tác với các tập tin flash, hãy mở một tin nhắn có chứa tập tin flash hoặc chuyển một tập tin flash vào thư mục Khác trong điện thoại của bạn.

## Sắp xếp các tập tin flash

Bấm  , và chọn **Imaging > Flash Player**.

Di chuyển sang phải.

Để mở một thư mục hoặc phát một tập tin flash, di chuyển đến tập tin này, và bấm phím di chuyển.

Để gửi tập tin flash tới một thiết bị tương thích, di chuyển đến tập tin này, và chọn **Options > Send**.

Để sao chép một tập tin flash vào một thư mục khác, chọn **Options > Organise > Copy to folder**.

Để dời một tập tin flash vào một thư mục khác, chọn **Options > Organise > Move to folder**.

Để tạo một thư mục để sắp xếp các tập tin flash, chọn **Options > Organise > New folder**.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.

Để xóa một tập tin flash, di chuyển đến tập tin đó và bấm .

## Phát các tập tin flash

Bấm  , và chọn **Imaging > Flash Player**.

Di chuyển đến một tập tin flash và bấm phím di chuyển.

Nếu có, chọn **Options** và chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Pause**—để tạm ngưng phát.
- **Stop**—để ngừng phát.
- **Volume**—để hiệu chỉnh âm lượng phát. Để tăng hoặc giảm âm lượng, di chuyển sang trái hoặc phải.
- **Quality**—để chọn chất lượng phát.  
Nếu chất lượng phát có vẻ không đều hoặc châm, thay đổi cài đặt **Quality** thành **Normal** hoặc **Low**.
- **Full screen**—để phát tập tin sử dụng cả màn hình. Để trở lại màn hình bình thường, chọn **Normal screen**.  
Mặc dù các phím chức năng không hiện trên cả màn hình nhưng vẫn khả dụng khi bạn bấm một trong các phím chọn.
- **Fit to screen**—để phát tập tin ở dạng kích thước gốc sau khi điều chỉnh tỷ lệ.
- **Pan mode on**—để có thể di chuyển qua lại trên màn hình bằng phím điều khiển khi bạn đã phóng to.



# Nhắn tin

Bấm , và chọn **Messag..** (dịch vụ mạng). Trong **Messag..**, bạn có thể tạo, gửi, nhận, xem, soạn thảo, và sắp xếp các tin nhắn văn bản, các tin nhắn đa phương tiện, e-mail, và các tin nhắn văn bản đặc biệt chứa dữ liệu. Bạn cũng có thể nhận các tin nhắn dịch vụ Web, các tin nhắn quảng bá, và gửi các lệnh dịch vụ. Các tin nhắn và dữ liệu nhận được qua kết nối Bluetooth hoặc cổng hồng ngoại được lưu trong thư mục **Inbox** trong **Messag..**.

Để tạo một tin nhắn mới, chọn **New message**.

**Lưu ý:** Chỉ những thiết bị có các tính năng tương thích mới có thể nhận và hiển thị tin nhắn đa phương tiện. Hình thức của tin nhắn có thể thay đổi tùy thuộc vào điện thoại nhận tin nhắn.

**Messag..** chứa các thư mục sau:

**Inbox**—Chứa các tin nhắn đã nhận, ngoại trừ e-mail và các tin nhắn quảng bá. Các tin e-mail được lưu trong **Mailbox**.

**My folders**—Để sắp xếp tin nhắn của bạn vào trong các thư mục.



**Mẹo!** Bạn có thể sử dụng các văn bản trong thư mục mẫu để tránh phải viết lại những tin nhắn thường gửi.



**Mailbox**—Kết nối vào hộp thư từ xa của bạn để tải về các tin e-mail mới hoặc xem các tin e-mail đã được tải về từ trước ở chế độ không trực tuyến. Xem phần “**E-mail**”, trên trang 56.



**Drafts**—Các tin nhắn nháp chưa gửi sẽ được lưu ở đây.



**Sent**—Chứa 20 tin nhắn mới nhất đã gửi, ngoại trừ các tin nhắn được gửi qua kết nối Bluetooth hoặc cổng hồng ngoại. Để thay đổi số lượng tin nhắn sẽ được lưu, xem phần “**Other**”, trên trang 59.



**Outbox**—Tạm thời lưu các tin nhắn đang chờ để gửi.



**Ví dụ:** Các tin nhắn sẽ được lưu trong hộp thư đi, ví dụ như trong trường hợp điện thoại bạn đang ở ngoài vùng phủ sóng. Bạn cũng có thể chỉ định thời điểm tin nhắn e-mail sẽ được gửi đi trong lần kết nối kế tiếp với hộp thư từ xa.

 **Reports**—Bạn có thể yêu cầu mạng gửi báo cáo về những tin nhắn văn bản hoặc tin nhắn đa phương tiện mà bạn đã gửi (dịch vụ mạng). Bạn sẽ không thể nhận được báo cáo đã gửi tin nhắn đa phương tiện đến một địa chỉ e-mail.

 **Mẹo!** Khi bạn đã mở bất kỳ thư mục mặc định nào, để chuyển đổi giữa các thư mục, bấm  hoặc .

Để nhập và gửi các yêu cầu dịch vụ (còn gọi là các lệnh USSD) đến nhà cung cấp dịch vụ, ví dụ như những lệnh kích hoạt các dịch vụ mạng, chọn **Options > Service command** trong màn hình chính của phần **Messag..**.

**Cell broadcast** (dịch vụ mạng) cho phép bạn nhận tin nhắn về nhiều chủ đề khác nhau, ví dụ như thông tin thời tiết hoặc tình trạng giao thông, do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Để biết về các chủ đề có sẵn và các chủ đề thích hợp, liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ. Trong cửa sổ chính của **Messaging**, chọn **Options > Cell broadcast**. Trong cửa sổ chính, bạn có thể thấy thông tin trạng thái của chủ đề, mã số của chủ đề, tên chủ đề và chủ đề có được đánh dấu () cho biết có nhận những tin nhắn tiếp theo hay không.

Bạn không thể nhận các tin nhắn quảng bá qua mạng UMTS. Kết nối dữ liệu gói có thể ngăn không cho nhận tin nhắn quảng bá.

## Viết văn bản

**ABC, abc, và Abc** cho biết kiểu nhập ký tự đã chọn.  
**123** cho biết kiểu nhập số.

## Kiểu nhập truyền thống

 sẽ hiển thị khi bạn viết văn bản sử dụng kiểu nhập văn bản truyền thống.

- Bấm một phím số (**1 — 9**) nhiều lần cho đến khi ký tự bạn cần dùng xuất hiện. Điện thoại sẽ cung cấp nhiều ký tự ứng với một phím số hơn số ký tự được in trên mặt của phím số đó.
- Nếu chữ kế tiếp nằm cùng phím với chữ hiện tại, hãy đợi đến khi con trỏ hiển thị (hoặc bấm ) để kết thúc khoảng thời gian nghỉ rồi nhập chữ đó vào.
- Để chèn khoảng trắng, bấm **0**. Để di chuyển con trỏ đến dòng kế tiếp, bấm **0** ba lần.

## Kiểu nhập tiên đoán

Bạn chỉ cần nhấn mỗi phím một lần để nhập bất kỳ ký tự nào. Kiểu nhập tiên đoán dựa trên một từ điển cài sẵn trong điện thoại mà bạn có thể thêm vào từ mới. Chỉ báo  sẽ hiển thị khi bạn viết văn bản sử dụng kiểu nhập tiên đoán.

- Để kích hoạt kiểu nhập văn bản tiên đoán, bấm , và chọn **Predictive text on**. Thao tác này sẽ kích hoạt kiểu nhập văn bản tiên đoán cho tất cả các trình soạn thảo trên điện thoại.
- Để viết từ bạn muốn, bấm các phím **2 — 9**. Chỉ bấm mỗi phím một lần để nhập một chữ cái. Ví dụ như để viết từ "Nokia" khi từ điển tiếng Anh được chọn, bấm **6** để nhập chữ N, **6** để nhập chữ o, **5** để nhập chữ k, **4** để nhập chữ i, và **2** để nhập chữ a.

- Tùy định viết sẽ thay đổi sau mỗi lần bấm phím.
- Khi bạn viết đúng một từ, bấm  để xác nhận lại, hoặc bấm **0** để chèn khoảng trắng. Nếu viết từ sai, bấm **\*** nhiều lần để tìm lần lượt các từ phù hợp có thể có trong từ điển, hoặc bấm , và chọn **Predictive text > Matches**.



Nếu dấu ? hiển thị sau từ đó, từ bạn định viết không có trong từ điển. Để thêm từ vào từ điển, chọn **Spell**, nhập từ mới vào bằng kiểu nhập văn bản truyền thống, và chọn **OK**. Từ này sẽ được thêm vào từ điển. Khi từ điển đầy, một từ mới sẽ thay cho từ được thêm vào cũ nhất.

- Bắt đầu viết từ kế tiếp.

### Viết từ ghép

Soạn phần đầu của từ ghép, bấm  để xác nhận phần này. Soạn phần sau của từ ghép. Để hoàn tất việc soạn từ ghép, bấm **0** để chèn khoảng trắng.

### Tắt kiểu nhập văn bản tiên đoán

Để tắt kiểu nhập tiên đoán cho tất cả các trình soạn thảo trên máy, bấm , và chọn **Predictive text > Off**.

 **Mẹo!** Để bật hoặc tắt kiểu nhập văn bản tiên đoán, bấm nhanh **#** hai lần.

### Mẹo khi nhập văn bản

Để chèn số khi ở chế độ nhập kiểu chữ, bấm và giữ phím số bạn cần.

Để chuyển giữa chế độ chữ và số, bấm và giữ **#**.

Để chuyển giữa các kiểu chữ khác nhau, bấm **#**.

Để xóa một ký tự, bấm **C**. Để xóa nhiều ký tự, bấm và giữ **C**.

Các dấu chấm câu phổ biến nhất hiện đang có trong **1**.

Để mở danh sách các ký tự đặc biệt, bấm và giữ **\***.

**Mèo!** Để chèn một vài ký tự đặc biệt cùng lúc, bấm **5** khi bạn chọn mỗi ký tự.

## Soạn và gửi tin nhắn

Trước khi bạn có thể soạn tin nhắn đa phương tiện hoặc viết e-mail, bạn phải có thông số cài đặt kết nối phù hợp. Xem phần “[Nhận các thông số cài đặt MMS và e-mail](#)” trên trang 50 và phần “[E-mail](#)” trên trang 56.

Mạng vô tuyến có thể giới hạn kích thước của tin nhắn MMS. Nếu hình được chèn vào vượt quá giới hạn này, thiết bị có thể giảm kích thước hình xuống nhỏ hơn để có thể gửi qua MMS.

1 Chọn **New message** và chọn một trong các tùy chọn sau:

**Text msg**—Để gửi tin nhắn văn bản

**Multimedia message**—Để gửi tin nhắn đa phương tiện (MMS)

**E-mail**—Để gửi e-mail

Nếu bạn chưa thiết lập tài khoản e-mail, bạn sẽ được yêu cầu thực hiện điều này. Để bắt đầu tạo cài đặt e-mail bằng hướng dẫn hộp thư, chọn **Start**.

- 2 Trong trường **To**, bấm  để chọn người hoặc nhóm người nhận trong danh bạ, hoặc nhập số điện thoại hoặc địa chỉ e-mail của người nhận vào. Để thêm dấu chấm phẩy (;) phân cách những người nhận, bấm **\***. Bạn cũng có thể sao chép và dán số điện thoại hoặc địa chỉ trong clipboard.
- 3 Trong trường **Subject**, nhập chủ đề cho một tin nhắn đa phương tiện hoặc e-mail. Để thay đổi các trường bạn nhìn thấy, chọn **Options > Address fields**.
- 4 Trong trường tin nhắn, viết tin nhắn. Để chèn một mẫu, chọn **Options > Insert** hoặc **Insert object > Template**.



- 5 Để thêm một đối tượng media vào tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options > Insert object > Image, Sound clip**, hoặc **Video clip**. Khi âm thanh được thêm vào, biểu tượng  sẽ hiển thị.  
Bạn không thể gửi các đoạn phim được lưu ở dạng .mp4 trong tin nhắn đa phương tiện. Để thay đổi định dạng của các phim đã lưu, xem phần "**Cài đặt phim**" trên trang 22.
- 6 Để chụp một hình hoặc ghi một đoạn ghi âm hoặc video mới cho một tin nhắn đa phương tiện, chọn **Insert new > Image, Sound clip**, hoặc **Video clip**. Để chèn một trang mới vào tin nhắn, chọn **Slide**.
- 7 Để xem trước tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options > Preview**.
- 8 Để chèn tập tin đính kèm vào e-mail, chọn **Options > Insert > Image, Sound clip, Video clip**, hoặc **Note**, hoặc **Other files**. Các phần đính kèm với e-mail được chỉ báo bởi biểu tượng .
-  **Mẹo!** Để đính kèm các loại tập tin khác, mở ứng dụng tương ứng nếu có, và chọn **Send > Via e-mail**, nếu có.
- 9 Để gửi tin nhắn, chọn **Options > Send**, hoặc bấm .



**Lưu ý:** Thiết bị của quý khách có thể cho biết là tin nhắn của quý khách đã được gửi đến số trung tâm nhắn tin đã được lập trình trong thiết bị của quý khách. Thiết bị của quý khách có thể không cho biết là tin nhắn đã nhận được tại đích định gửi đến hay chưa. Để biết thêm chi tiết về dịch vụ nhắn tin, liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của quý khách.

Điện thoại của quý khách hỗ trợ việc gửi tin nhắn bằng văn bản vượt quá giới hạn số ký tự cho một tin nhắn đơn. Các tin nhắn dài hơn được gửi dưới dạng một chuỗi gồm hai hoặc nhiều tin nhắn. Nhà cung cấp dịch vụ có thể căn cứ theo đó để tính phí. Các ký tự có sử dụng dấu trọng âm hoặc các ký hiệu khác, và các ký tự từ một số tùy chọn ngôn ngữ, sẽ chiếm nhiều không gian hơn làm hạn chế số ký tự mà có thể gửi trong một tin nhắn đơn. Trên thanh di chuyển, bạn có thể nhìn thấy chỉ báo độ dài tin nhắn điểm lùi. Ví dụ, 10 (2) nghĩa là bạn vẫn có thể thêm 10 ký tự cho văn bản để gửi đi thành hai tin nhắn.

Các tin nhắn e-mail sẽ được tự động lưu tạm trong **Outbox** trước khi gửi. Nếu không gửi được tin e-mail, tin này sẽ được giữ lại trong thư mục **Outbox** với trạng thái **Failed**.

 **Mẹo!** Bạn có thể kết hợp các hình ảnh, video, âm thanh, và văn bản vào một diễn thuyết và gửi diễn thuyết này trong một tin nhắn đa phương tiện. Bắt đầu tạo một tin nhắn đa phương tiện, và chọn **Options > Create presentation**. Tùy chọn này chỉ được hiển thị nếu **MMS creation mode** được cài là **Guided** hoặc **Free**. Xem phần “[Tin nhắn đa phương tiện](#)”, trên trang [55](#).

## Nhận các thông số cài đặt MMS và e-mail

Bạn có thể nhận thông số cài đặt dưới dạng tin nhắn từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Xem phần “[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)”, trên trang [51](#).

### Nhập các thông số cài đặt MMS bằng tay

- Chọn  , và chọn **Tools > Settings > Connection > Access points**, và xác định các thông số cài đặt dùng cho điểm truy cập tin nhắn đa phương tiện. Xem phần “[Connection](#)”, trên trang [110](#).
- Bấm  , và chọn **Messaging > Options > Settings > Multim. msg. > Access point in use** và điểm truy cập bạn đã tạo làm kết nối ưu

tiên. Xem thêm phần “[Tin nhắn đa phương tiện](#)”, trên trang [55](#).

Để có thể gửi, nhận, tải về, trả lời, và gửi chuyển tiếp e-mail, bạn cần phải thực hiện các thao tác sau:

- Cấu hình đúng điểm truy cập internet (IAP). Xem phần “[Connection](#)”, trên trang [110](#).
- Xác định đúng thông số cài đặt e-mail. Nếu bạn chọn **Mailbox** trong màn hình chính của **Messag**, và chưa cài đặt tài khoản e-mail, điện thoại sẽ nhắc bạn thực hiện điều đó. Để bắt đầu tạo cài đặt e-mail bằng hướng dẫn hộp thư, chọn **Start**. Xem thêm phần “[E-mail](#)”, trên trang [56](#).

Bạn cần phải có tài khoản e-mail riêng. Thực hiện theo các hướng dẫn nhận được từ hộp thư từ xa và từ nhà cung cấp dịch vụ internet (ISP).



## Hộp thư đến—nhận tin nhắn

Trong thư mục **Inbox**, biểu tượng  cho biết tin nhắn văn bản chưa đọc, biểu tượng  cho biết tin nhắn đa phương tiện chưa đọc, biểu tượng  cho biết đã nhận dữ liệu qua cổng hồng ngoại, và biểu tượng  cho biết đã nhận dữ liệu qua kết nối Bluetooth.

Khi nhận tin nhắn, biểu tượng và thông báo **1 new message** sẽ được hiển thị khi ở chế độ chờ. Để mở tin nhắn, chọn **Show**. Để mở tin nhắn trong **Inbox**, di chuyển đến tin nhắn này, và bấm .

Để trả lời một tin nhắn đã nhận, chọn **Options > Reply**.

Để in một tin nhắn văn bản hoặc tin nhắn đa phương tiện trên một máy in có tính năng Basic Print Profile (BPP) qua kết nối Bluetooth (chẳng hạn như Máy In Di Động Deskjet 450 hoặc HP Photosmart 8150), chọn **Options > Print**.

## Tin nhắn đa phương tiện

**Lưu ý quan trọng:** Thận trọng khi mở các tin nhắn. Các đối tượng tin nhắn đa phương tiện có thể chứa phần mềm có ác ý hoặc các thành phần khác gây hại cho thiết bị hoặc máy PC của quý khách.

Bạn có thể nhận được một thông báo rằng tin nhắn đa phương tiện đang chờ ở trung tâm nhắn tin đa phương tiện. Để kết nối dữ liệu gói để tải tin nhắn về điện thoại, chọn **Options > Retrieve**.

Khi mở một tin nhắn đa phương tiện (, bạn có thể thấy một hình ảnh và một tin nhắn. Chỉ báo sẽ hiển thị nếu có âm thanh, hoặc nếu có video.

Để phát âm thanh hoặc video, chọn biểu tượng được hiển thị.

Để xem các đối tượng media có trong tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options > Objects**.

Nếu tin nhắn có một diễn thuyết đa phương tiện, biểu tượng sẽ được hiển thị. Để phát diễn thuyết này, chọn biểu tượng được hiển thị.

## Dữ liệu và các thông số cài đặt

Điện thoại có thể nhận nhiều loại tin nhắn có chứa dữ liệu ():

**Configuration message**—Bạn có thể nhận cài đặt từ nhà điều hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ, hoặc phòng quản lý thông tin của công ty dưới dạng một tin nhắn cấu hình. Để lưu các thông số cài đặt này, chọn **Options > Save all**.

**Business card**—Để lưu thông tin này vào **Contacts**, chọn **Options > Save business card**. Các chứng chỉ hoặc tập tin âm thanh được đính kèm với danh thiếp sẽ không được lưu.

**Ringing tone**—Để lưu kiểu chuông, chọn **Options > Save**.

**Operat. logo**—Để hiển thị logo mạng ở chế độ chờ thay cho tên nhận dạng nhà điều hành, chọn **Options > Save**.

**Calen. entry**—Để lưu lời mời, chọn **Options > Save to Calendar**.

**Web message**—Để chỉ mục vào danh sách chỉ mục trong trang web, chọn **Options > Add to bookmarks**. Nếu tin nhắn có chứa cá thông số cài đặt điểm truy cập lẫn các chỉ mục, để lưu lại các dữ liệu này, chọn **Options > Save all**.

**E-mail notif.**—Thông báo cho bạn biết số e-mail mới trong hộp thư từ xa của bạn. Phần thông báo mở rộng có thể liệt kê nhiều thông tin chi tiết hơn.

## Tin nhắn dịch vụ Web

Những tin nhắn dịch vụ Web () là những thông báo ngắn tắt (ví dụ như tiêu đề tin tức) và có thể chứa tin nhắn văn bản hoặc liên kết. Để biết tính khả dụng và thuê bao, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.



## Hộp thư

Nếu bạn chọn **Mailbox** và chưa cài đặt tài khoản e-mail, điện thoại sẽ nhắc bạn thực hiện điều đó. Để bắt đầu tạo cài đặt e-mail bằng hướng dẫn hộp thư, chọn **Start**. Xem phần thêm “E-mail”, trên trang 56.

Khi bạn tạo một hộp thư mới, tên bạn đặt cho hộp thư sẽ thay thế cho tên **Mailbox** trong cửa sổ chính của phần **Messaging**. Bạn có thể tạo tối đa sáu hộp thư.

## Mở hộp thư

Khi bạn mở hộp thư, điện thoại sẽ hỏi bạn có muốn kết nối với hộp thư không (**Connect to mailbox?**).

Để kết nối với hộp thư của bạn và tải về các phần tiêu đề e-mail hoặc tin nhắn mới, chọn **Yes**. Khi bạn xem tin nhắn trực tuyến, bạn phải kết nối thường trực tới một hộp thư từ xa bằng cách sử dụng một kết nối truyền dữ liệu. Xem thêm phần “**Connection**”, trên trang 110.

Để xem các tin nhắn e-mail đã tải về trước đó ở trạng thái không trực tuyến, chọn **No**. Khi bạn xem tin nhắn e-mail ở trạng thái không trực tuyến, điện thoại sẽ không kết nối với hộp thư từ xa.

## Tải tin nhắn e-mail

Nếu bạn đang ở trạng thái không trực tuyến, chọn **Options > Connect** để bắt đầu kết nối với hộp thư từ xa.

 **Lưu ý quan trọng:** Thận trọng khi mở các tin nhắn. Các tin nhắn e-mail có thể chứa phần mềm có hại hoặc các yếu tố khác gây hại cho điện thoại hoặc máy PC của bạn.

- Khi bạn đang kết nối vào hộp thư từ xa, chọn **Options > Retrieve e-mail** và chọn một trong các tùy chọn sau:

**New**—Để tải tất cả các tin e-mail mới.

**Selected**—Để chỉ tải về các e-mail đã được đánh dấu.

**All**—Để tải về tất cả tin nhắn trong hộp thư.

Để ngừng việc tải tin nhắn về, chọn **Cancel**.

- Sau khi bạn tải các tin e-mail về, bạn vẫn có thể xem chúng trực tuyến, hoặc chọn **Options > Disconnect** để ngắt kết nối và xem các tin e-mail không trực tuyến.

Các chỉ báo tình trạng e-mail:

 E-mail mới (trạng thái không trực tuyến hoặc trực tuyến) chưa được tải về điện thoại.

 E-mail đã được tải về điện thoại.

 E-mail đã đọc, và chưa được tải về điện thoại.

 Tin nhắn e-mail đã đọc.

 E-mail có tiêu đề đã đọc và nội dung tin nhắn đã bị xóa khỏi điện thoại.

- Để mở một tin e-mail, bấm . Nếu tin nhắn e-mail chưa được tải về và bạn chưa kết nối vào mạng, bạn sẽ được hỏi xem bạn có muốn tải tin nhắn này về từ hộp thư không.

Để xem những tập tin đính kèm với e-mail, mở tin nhắn được đánh dấu có phần đính kèm , và chọn **Options > Attachments**. Nếu chỉ báo đính kèm bị mờ, có nghĩa là nội dung đó chưa được tải về điện thoại; chọn **Options > Retrieve**.

Để in một tin e-mail trên một máy in có tính năng Basic Print Profile (BPP) qua kết nối Bluetooth (chẳng hạn như Máy In Di Động Deskjet 450 hoặc HP Photosmart 8150), chọn **Options > Print**.

### Tự động tải tin nhắn e-mail

Để tự động tải các tin nhắn, chọn **Options > E-mail settings > Automatic retrieval > Header retrieval > Always enabled** hoặc **Only in home net.**, và chọn thời điểm và chu kỳ tải tin nhắn.

Việc tự động tải tin nhắn e-mail về có thể làm tăng cước phí do việc truyền nhận dữ liệu.

### Xóa các tin nhắn e-mail

Để xóa nội dung của e-mail khỏi điện thoại nhưng vẫn giữ lại nội dung đó trên hộp thư từ xa, chọn

**Options > Delete.** Trong menu **Delete msg. from:**, chọn **Phone only**.

Điện thoại sẽ sao lại tiêu đề e-mail trong hộp thư từ xa. Mặc dù bạn đã xóa nội dung tin nhắn, tiêu đề e-mail vẫn còn lưu trong điện thoại. Nếu bạn muốn xóa cả tiêu đề, bạn phải xóa tin nhắn e-mail từ hộp thư từ xa, sau đó kết nối điện thoại với hộp thư từ xa lại để cập nhật tình trạng.

Để xóa e-mail cá trên điện thoại lẫn trên hộp thư từ xa, chọn **Options > Delete.** Trong **Delete msg. from:**, chọn **Phone and server**.

Nếu bạn chưa kết nối vào mạng, e-mail trong điện thoại sẽ bị xóa trước. Trong lần kết nối kế tiếp vào hộp thư từ xa, e-mail sẽ được xóa tự động khỏi hộp thư từ xa. Nếu bạn đang sử dụng giao thức POP3, tin nhắn được đánh dấu xóa sẽ bị xóa chỉ sau khi bạn đã ngắt kết nối với hộp thư từ xa.

Để hủy thao tác xóa e-mail khỏi điện thoại lẫn trên server, di chuyển đến e-mail đã bị đánh dấu xóa khi đang ở phiên kết nối kế tiếp ( ), và chọn **Options > Restore**.

## Ngắt kết nối khỏi hộp thư

Khi bạn đang ở trạng thái trực tuyến, để ngắt kết nối dữ liệu với hộp thư từ xa, chọn **Options > Disconnect**.

## Xem tin nhắn trên thẻ SIM

Trước khi bạn có thể xem các tin nhắn trong thẻ SIM, bạn cần phải sao chép các tin nhắn này vào một thư mục trong điện thoại.

- 1 Trong cửa sổ chính của phần **Messag.**, chọn **Options > SIM messages**.
- 2 Chọn **Options > Mark/Unmark > Mark** hoặc **Mark all** để đánh dấu tin nhắn.
- 3 Chọn **Options > Copy**. Một danh sách các thư mục sẽ được mở ra.
- 4 Để bắt đầu sao chép, chọn một thư mục và chọn **OK**. Để xem các tin, mở thư mục này.

## Cài đặt nhắn tin

Điền tất cả các trường được đánh dấu bằng đoạn **Must be defined**, hoặc có dấu hoa thị màu đỏ. Thực hiện theo các hướng dẫn được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Bạn cũng có thể nhận cài đặt từ nhà cung cấp dịch vụ dưới dạng một tin nhắn cấu hình.

Một số hoặc tất cả các trung tâm nhắn tin hoặc các điểm truy cập có thể được cài sẵn cho điện thoại của bạn bởi nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng, và bạn không thể thay đổi, tạo mới, chỉnh sửa, hay xóa chúng.

## Tin nhắn văn bản

Bấm , và chọn **Messag.** > **Options** > **Settings** > **Text msg.** và chọn các tùy chọn sau:

**Message centres**—Xem danh sách tất cả các trung tâm nhắn tin văn bản mà bạn xác định.

**Character encoding**—Để sử dụng chuyển đổi ký tự sang một hệ thống mã hóa khác, nếu có, chọn **Reduced support**.

**Msg. centre in use**—Chọn trung tâm nhắn tin sẽ được sử dụng để gửi tin nhắn văn bản.

**Receive report**—Để yêu cầu mạng gửi báo cáo gửi cho tin nhắn của bạn (dịch vụ mạng).

**Message validity**—Chọn thời gian mà sau đó trung tâm nhắn tin sẽ gửi lại tin nhắn nếu lần gửi đầu tiên không thành (dịch vụ mạng). Nếu tin nhắn không đến được với người nhận trong thời hạn còn hiệu lực, tin nhắn này sẽ bị xóa khỏi trung tâm nhắn tin.

**Message sent as**—Chỉ nên thay đổi tùy chọn này trong trường hợp bạn chắc chắn rằng trung tâm nhắn tin của bạn có thể chuyển đổi tin nhắn văn bản sang các dạng tin khác. Liên hệ với nhà điều hành mạng.

**Preferred conn.**—Chọn kết nối sẽ được sử dụng để gửi tin nhắn văn bản: Mạng GSM hoặc dữ liệu gói,

nếu mạng hỗ trợ. Xem phần “**Connection**”, trên trang 110.

**Reply via same ctr.**—Chọn trả lời tin nhắn sử dụng cùng hoặc không cùng số trung tâm nhắn tin văn bản (dịch vụ mạng).

## Tin nhắn đa phương tiện

Bấm , và chọn **Messag.** > **Options** > **Settings** > **Multimedia message** và các tùy chọn sau:

**Image size**—Xác định kích thước hình ảnh trong tin nhắn đa phương tiện: **Original** (chỉ hiển thị khi **MMS creation mode** được cài là **Guided** hoặc **Free**), **Small**, hoặc **Large**.

**MMS creation mode**—Nếu bạn chọn **Guided**, điện thoại sẽ nhắc bạn nếu có tin nhắn được gửi đi nhưng có thể không được thiết bị nhận hỗ trợ. Chọn **Restricted**; điện thoại sẽ ngăn bạn gửi các tin nhắn không được hỗ trợ.

**Access point in use**—Chọn điểm truy cập sẽ được sử dụng làm kết nối ưu tiên cho trung tâm nhắn tin đa phương tiện.

**Multimedia retrieval**—Chọn cách bạn muốn nhận tin nhắn đa phương tiện. Để tự động nhận tin nhắn đa phương tiện về khi ở trong mạng chủ, chọn **Auto**.

**in home network.** Khi ở bên ngoài mạng chủ, bạn sẽ nhận được thông báo có tin nhắn đa phương tiện mới có thể tải về từ trung tâm tin nhắn đa phương tiện.

Khi bạn đang ở ngoài mạng chủ, cước phí cho việc gửi và nhận các tin nhắn đa phương tiện có thể cao hơn.

Nếu bạn chọn **Multimedia retrieval > Always automatic**, điện thoại sẽ tự động tạo kết nối dữ liệu gói để tải tin nhắn về cả khi ở trong và ngoài mạng chủ.

**Allow anon. msgs.**—Chọn từ chối hoặc chấp nhận các tin nhắn từ một người gửi nặc danh.

**Receive adverts**—Xác định việc bạn muốn nhận hoặc không nhận các tin nhắn quảng cáo đa phương tiện.

**Receive report**—Chọn hiển thị hoặc không hiển thị tình trạng các tin đã gửi trong nhật ký (dịch vụ mạng). Bạn sẽ không thể nhận được báo cáo đã gửi tin nhắn đa phương tiện đến một địa chỉ e-mail.

**Deny report sending**—Chọn từ chối hoặc cho phép điện thoại gửi báo cáo đã nhận tin nhắn đa phương tiện.

**Message validity**—Chọn thời gian mà sau đó trung tâm nhắn tin sẽ gửi lại tin nhắn nếu lần gửi

đầu tiên không thành (dịch vụ mạng). Nếu tin nhắn không đến được với người nhận trong thời hạn còn hiệu lực, tin nhắn này sẽ bị xóa khỏi trung tâm nhắn tin.

## E-mail

Bấm  , và chọn **Messag. > Options > Settings > E-mail** và các tùy chọn sau:

**Mailboxes**—Chọn một hộp thư để thay đổi các thông số cài đặt sau: **Connection settings**, **User settings**, **Retrieval settings**, và **Automatic retrieval**.

**Mailbox in use**—Chọn hộp thư bạn muốn sử dụng để gửi e-mail.

Để tạo một hộp thư mới, chọn **Options > New mailbox** trong cửa sổ chính của hộp thư.

## Connection settings

Để chỉnh sửa cài đặt cho e-mail bạn nhận được, chọn **Incoming e-mail** và chọn các tùy chọn sau:

**User name**—Nhập tên thuê bao của bạn do nhà cung cấp dịch vụ của bạn cấp.

**Password**—Nhập mật mã của bạn. Nếu bạn để trống trường này, bạn sẽ được nhắc nhập mật mã khi bạn tìm cách kết nối với hộp thư từ xa.

**Incoming mail serv.**—Nhập địa chỉ IP hoặc tên server nhận e-mail của bạn.

**Access point in use**—Chọn một điểm truy cập Internet (IAP). Xem phần “[Connection](#)”, trên trang [110](#).

**Mailbox name**—Đặt tên cho hộp thư.

**Mailbox type**—Xác định giao thức e-mail mà nhà cung cấp dịch vụ hộp thư từ xa khuyến nghị bạn sử dụng. Các tùy chọn là **POP3** và **IMAP4**. Cài đặt này chỉ có thể được chọn một lần và không thể thay đổi nếu bạn đã lưu hoặc đã thoát khỏi cài đặt hộp thư. Nếu sử dụng giao thức POP3, e-mail sẽ không được cập nhật tự động khi bạn đang trực tuyến. Để xem các tin nhắn e-mail mới nhất, bạn phải ngắt kết nối và kết nối lại vào hộp thư của bạn.

**Security (ports)**—Chọn tùy chọn bảo mật được sử dụng để giữ bảo mật cho kết nối đến hộp thư từ xa.

**Port**—Xác định cổng cho kết nối.

**APOP secure login** (chỉ cho POP3)—Sử dụng giao thức POP3 để mã hóa việc gửi mật mã tới server e-mail từ xa trong khi kết nối với hộp thư.

Để chỉnh sửa cài đặt cho e-mail bạn gửi, chọn **Outgoing e-mail** và chọn các tùy chọn sau:

**My e-mail address**—Nhập địa chỉ e-mail mà nhà cung cấp dịch vụ cấp cho bạn. Tin trả lời sẽ được gửi đến địa chỉ này.

**Outgoing mail serv.**—Nhập địa chỉ IP hoặc tên server gửi e-mail của bạn. Bạn có thể chỉ sử dụng được server gửi thư của nhà điều hành mạng của bạn. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của quý khách để biết thêm thông tin.

**Access point in use**—Chọn một điểm truy cập Internet (IAP). Xem phần “[Connection](#)”, trên trang [110](#).

Cài đặt cho **User name**, **Password**, **Security (ports)**, và **Port** tương tự như các cài đặt trong **Incoming e-mail**.

## User settings

**My name**—Nhập tên của bạn. Tên của bạn sẽ được hiển thị trên điện thoại của người nhận thay thế cho địa chỉ e-mail của bạn trong trường hợp điện thoại người nhận hỗ trợ chức năng này.

**Send message**—Xác định cách gửi e-mail từ điện thoại. Chọn **Immediately** để máy kết nối vào hộp thư khi bạn chọn **Send message**. Nếu bạn chọn

**During next conn.**, e-mail sẽ được gửi khi đang kết nối với hộp thư từ xa.

**Send copy to self**—Chọn lưu hoặc không bắn sao e-mail vào hộp thư từ xa của bạn và vào địa chỉ được xác định trong phần **My e-mail address**.

**Include signature**—Chọn đính kèm hoặc không đính kèm chữ ký vào các tin e-mail.

**New e-mail alerts**—Chọn nhận hoặc không nhận các chỉ báo e-mail, như âm báo hoặc ghi chú, khi tái e-mail mới về hộp thư.

### Retrieval settings

**E-mail to retrieve**—Xác định những phần e-mail sẽ nhận: **Headers only**, **Partially (kB)**, **Messages** (chỉ IMAP4), hoặc **Msgs. & attachs..**

**Retrieval amount**—Xác định số tin e-mail mới sẽ được nhận về hộp thư.

**IMAP4 folder path** (chỉ IMAP4)—Xác định đường dẫn thư mục sẽ được đăng ký.

**Folder subscriptions** (chỉ IMAP4)—Đăng ký các thư mục khác trong hộp thư từ xa và nhận nội dung từ các thư mục này.

### Automatic retrieval

**Header retrieval**—Chọn để điện thoại tự động nhận hoặc không nhận e-mail mới. Bạn có thể xác định thời điểm và chu kỳ tự động tải tin nhắn về từ hộp thư.

Việc tự động tải tin nhắn e-mail về có thể làm tăng cước phí do việc truyền nhận dữ liệu.

### Tin nhắn dịch vụ Web

Bấm  , và chọn **Messaging > Options > Settings > Service message**. Chọn nhận hoặc không nhận tin nhắn dịch vụ. Nếu bạn muốn điện thoại tự động kích hoạt trình duyệt và bắt đầu kết nối mạng để tải nội dung khi nhận tin nhắn dịch vụ, chọn **Download messages > Automatically**.

### Tin nhắn quảng bá

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết các chủ đề hiện có và mã số chủ đề liên quan. Bấm  , và chọn **Messaging > Options > Settings > Cell broadcast** và chọn các tùy chọn sau:

**Reception**—Chọn nhận hoặc không nhận tin nhắn quảng bá.

**Language**—Chọn ngôn ngữ để nhận các tin nhắn:  
**All**, **Selected**, hoặc **Other**.

**Topic detection**—Chọn để điện thoại tự động hoặc không tự động tìm kiếm các mã số chủ đề mới, và lưu những mã số mới không có tên vào danh sách chủ đề.

## Other

Bấm  , và chọn **Messaging** > **Options** > **Settings** > **Other** và chọn các tùy chọn sau:

**Save sent messages**—Chọn lưu hoặc không lưu bản sao của các tin nhắn văn bản, tin nhắn đa phương tiện, hoặc e-mail mà bạn đã gửi vào thư mục **Sent**.

**No. of saved msgs.**—Xác định số lượng tin nhắn đã gửi sẽ được lưu vào thư mục **Sent** tại từng thời điểm. Giới hạn mặc định là 20 tin nhắn. Khi đã đạt giới hạn đó, tin nhắn cũ nhất sẽ bị xóa.

**Memory in use**—Nếu đã lắp một thẻ nhớ tương thích vào điện thoại, chọn bộ nhớ để lưu các tin nhắn: **Phone memory** hoặc **Memory card**.



# Danh bạ (Danh bạ điện thoại)

Bấm và chọn **Contacts**. Trong **Contacts** bạn có thể thêm một kiểu chuông riêng hoặc một hình ảnh dưới dạng thu nhỏ vào một thẻ liên lạc. Bạn cũng có thể tạo các nhóm liên lạc, nhóm này cho phép bạn gửi tin nhắn văn bản hoặc e-mail tới nhiều người nhận cùng lúc. Bạn có thể thêm các thông tin liên lạc đã nhận được (danh thiếp) vào danh bạ. Xem phần “[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)”, trên trang 51. Bạn chỉ có thể gửi hoặc nhận thông tin về số liên lạc từ các thiết bị tương thích.

## Lưu tên và số điện thoại

- Chọn **Options > New contact**.
- Điền vào các trường theo ý bạn và chọn **Done**.

Để chỉnh sửa thẻ liên lạc trong **Contacts**, di chuyển đến thẻ liên lạc bạn muốn chỉnh sửa, và chọn **Options > Edit**. Bạn cũng có thể tìm số liên lạc bạn muốn bằng cách nhập các chữ cái đầu tiên của tên vào trường tìm kiếm. Một danh sách các số liên lạc bắt đầu với các chữ cái đầu sẽ hiển thị trên màn hình.

**Mẹo!** Để in các thẻ liên lạc trên một máy in tương thích có tính năng Basic Print Profile (BPP) qua kết nối Bluetooth (chẳng hạn như Máy In Di Động Deskjet 450 hoặc HP Photosmart 8150), chọn **Options > Print**.

Để xóa một thẻ liên lạc trong **Contacts**, chọn một thẻ, và bấm . Để xóa nhiều thẻ liên lạc cùng lúc, bấm và để chọn các số liên lạc và bấm để xóa.

**Mẹo!** Để tạo thêm và hiệu chỉnh các thẻ liên lạc, sử dụng ứng dụng Nokia Contacts Editor trong Nokia PC Suite.

Để đính kèm hình ảnh dưới dạng thu nhỏ vào thẻ liên lạc, mở thẻ liên lạc, và chọn **Options > Edit > Options > Add thumbnail**. Hình ảnh dạng thu nhỏ sẽ được hiển thị khi có người gọi cho bạn.

**Mẹo!** Quay số nhanh là một cách nhanh chóng để gọi đến các số điện thoại thường được sử dụng. Bạn có thể gán các phím quay số nhanh cho tám số điện thoại. Xem phần “[Quay nhanh một số điện thoại](#)”, trên trang 65.

 **Mẹo!** Để gửi thông tin về số liên lạc, chọn thẻ mà bạn muốn gửi. Chọn **Options > Send > Via text message, Via multimedia, Via e-mail, Via Bluetooth, hoặc Via infrared**. Xem phần “[Nhắn tin](#)” trên trang [45](#) và phần “[Gửi dữ liệu sử dụng kết nối Bluetooth](#)” trên trang [94](#).

Để thêm một số liên lạc vào một nhóm, chọn **Options > Add to group**: (chỉ hiển thị nếu bạn đã tạo một nhóm). Xem phần “[Tạo các nhóm liên lạc](#)”, trên trang [63](#).

Để xem lượng bộ nhớ đã sử dụng cho các số liên lạc, nhóm, và bộ nhớ còn trống trong **Contacts**, chọn **Options > Contacts info**.

## Các số điện thoại và địa chỉ mặc định

Bạn có thể gán các số điện thoại hoặc địa chỉ mặc định vào một thẻ liên lạc. Theo cách này nếu một số liên lạc có nhiều số điện thoại hoặc nhiều địa chỉ, bạn có thể dễ dàng gọi hoặc gửi tin nhắn tới số liên lạc này theo một số điện thoại hoặc một địa chỉ nhất định. Số mặc định cũng được sử dụng trong chức năng quay số bằng khẩu lệnh.

- Trong danh bạ, chọn một số liên lạc, và bấm .
- Chọn **Options > Defaults**.
- Chọn một mục mặc định mà bạn sẽ thêm số điện thoại hoặc địa chỉ vào, và chọn **Assign**.
- Chọn một số điện thoại hoặc địa chỉ để cài làm giá trị mặc định.

Số điện thoại hoặc địa chỉ mặc định được gạch chân trong thẻ liên lạc.

## Sao chép số liên lạc

Để sao chép tên và số điện thoại từ thẻ SIM vào điện thoại, bấm , và chọn **Contacts > Options > SIM contacts > SIM directory**. Chọn những tên bạn muốn sao chép và chọn **Options > Copy to Contacts**.

Để sao chép các số liên lạc vào thẻ SIM, bấm , và chọn **Contacts**. Chọn các tên bạn muốn sao chép và chọn **Options > Copy to SIM direct.**, hoặc **Options > Copy > To SIM directory**. Chỉ những trường thẻ liên lạc được thẻ SIM hỗ trợ mới được sao chép.

 **Mẹo!** Bạn có thể đồng bộ các số liên lạc với máy PC tương thích bằng Nokia PC Suite.

## SIM directory và các dịch vụ SIM khác

Liên hệ với người bán thẻ SIM cho quý khách để biết về sự có sẵn và thông tin về việc sử dụng các dịch vụ thẻ SIM. Đây có thể là nhà cung cấp dịch vụ, nhà điều hành mạng hoặc đại lý khác.

Bấm  , và chọn **Contacts > Options > SIM contacts > SIM directory** để xem các tên và các số điện thoại được lưu trong thẻ SIM. Trong thư mục thẻ SIM bạn có thể thêm, chỉnh sửa, hoặc sao chép các số điện thoại vào các số liên lạc, và có thể thực hiện các cuộc gọi.

Để xem danh sách các số gọi ẩn định, chọn **Options > SIM contacts > Fixed dialling contacts**. Cài đặt này chỉ hiển thị nếu được thẻ SIM hỗ trợ.

Để hạn chế các cuộc gọi từ điện thoại đến các số điện thoại đã chọn, chọn **Options > Activ. fixed dialling**. Để thêm các số mới vào danh sách các số gọi ẩn định, chọn **Options > New SIM contact**. Bạn phải nhập mã PIN2 cho các chức năng này.

Khi bạn sử dụng chức năng **Fixed dialling**, bạn có thể sẽ không thực hiện được các kết nối dữ liệu gói, ngoại trừ việc gửi tin nhắn văn bản qua kết nối dữ

liệu gói. Trong trường hợp này, số trung tâm nhắn tin và số điện thoại của người nhận phải có trong danh sách số gọi ẩn định.

Khi chức năng gọi số cố định được kích hoạt, vẫn có thể thực hiện các cuộc gọi đến số điện thoại khẩn cấp chính thức đã được lập trình trong thiết bị của quý khách.

## Gán nhạc chuông cho các số liên lạc

Khi số liên lạc hoặc thành viên của nhóm đó gọi cho bạn, điện thoại sẽ phát kiểu chuông được chọn (nếu số điện thoại của người gọi được gửi cùng với cuộc gọi và điện thoại của bạn nhận ra số này).

- 1 Bấm  để mở thẻ liên lạc hoặc vào danh sách nhóm và chọn một nhóm liên lạc.
- 2 Chọn **Options > Ringing tone**. Danh sách các kiểu chuông sẽ mở ra.
- 3 Chọn kiểu chuông bạn muốn sử dụng cho số liên lạc riêng hoặc nhóm được chọn.

Bạn cũng có thể sử dụng một video clip làm nhạc chuông.

Để xóa kiểu chuông, chọn **Default tone** trong danh sách các kiểu chuông.

# Tạo các nhóm liên lạc

- 1 Trong **Contacts**, bấm để mở danh sách nhóm.
- 2 Chọn **Options > New group**.
- 3 Nhập tên cho nhóm hoặc sử dụng tên mặc định **Group**, và chọn **OK**.
- 4 Mở nhóm, và chọn **Options > Add members**.
- 5 Di chuyển đến một số liên lạc và bấm để chọn số liên lạc đó. Để thêm cùng lúc nhiều thành viên, lặp lại thao tác này với tất cả các số liên lạc bạn muốn.
- 6 Chọn **OK** để thêm các số liên lạc vào nhóm.

Để đổi tên nhóm, chọn **Options > Rename**, nhập tên mới, và chọn **OK**.

## Xóa thành viên khỏi nhóm

- 1 Trong danh sách nhóm, mở nhóm bạn muốn sửa đổi.
  - 2 Di chuyển đến số liên lạc, và chọn **Options > Remove from group**.
  - 3 Chọn **Yes** để xóa số liên lạc ra khỏi nhóm.
- Mẹo!** Để kiểm tra xem một số liên lạc đang thuộc nhóm nào, di chuyển đến số liên lạc này, và chọn **Options > Belongs to groups**.

# Gọi điện

## Cuộc gọi thoại

 **Mẹo!** Để tăng hoặc giảm âm lượng trong khi gọi, bấm  hoặc  . Nếu bạn đã cài âm lượng là **Mute**, trước tiên chọn **Unmute**, rồi sau đó bấm  hoặc .

- 1 Khi ở chế độ chờ, nhập số điện thoại, bao gồm cả mã vùng. Để xóa một số, bấm  . Để gọi điện quốc tế, bấm \* hai lần cho ký tự + (thay cho mã truy cập quốc tế), và nhập mã quốc gia, mã vùng (bỏ số 0 đứng trước nếu cần), và nhập số điện thoại cần gọi vào.
- 2 Bấm  để gọi số điện thoại đó.
- 3 Bấm  để ngừng cuộc gọi (hoặc hủy cuộc gọi).

Bấm  sẽ luôn kết thúc cuộc gọi, cho dù có một ứng dụng khác đang được kích hoạt.

 **Mẹo!** Nếu bạn muốn đóng bàn phím trượt trong khi gọi nhưng không kết thúc cuộc gọi này, bấm  sau đó đóng bàn phím trượt trong khoảng vài giây. Bạn có thể đóng bàn phím trượt mà không kết thúc cuộc gọi trước khi trả lời cuộc gọi đó.

Để thực hiện một cuộc gọi từ **Contacts**, bấm  , và chọn **Contacts**. Di chuyển đến tên bạn muốn, hoặc nhập các ký tự đầu tiên của tên đó vào trường tìm. Các số liên lạc tương ứng sẽ được liệt kê. Để gọi, bấm  . Chọn kiểu cuộc gọi **Voice call**.

Trước khi có thể thực hiện cuộc gọi theo cách này, bạn phải sao chép các số liên lạc từ thẻ SIM vào **Contacts**. Xem phần “[Sao chép số liên lạc](#)”, trên trang 61.

Để gọi vào hộp thư thoại (dịch vụ mạng), bấm và giữ  1 khi ở chế độ chờ. Xem thêm phần “[Call divert](#)”, trên trang 117.

 **Mẹo!** Để thay đổi số hộp thư thoại, bấm  , và chọn **Tools > Voice mail > Options > Change number**. Nhập số vào (nhà cung cấp dịch vụ sẽ cung cấp cho bạn số này) và chọn **OK**.

Để gọi tới một số mới gọi gần đây ở chế độ chờ, bấm  . Di chuyển đến số này, và bấm  .

## Gọi điện hội nghị

- 1 Gọi điện cho thành viên thứ nhất.
- 2 Để gọi điện cho một thành viên khác, chọn **Options > New call**. Cuộc gọi đầu sẽ tự động ở trạng thái giữ.
- 3 Khi cuộc gọi mới được trả lời, để nối thành viên đầu tiên vào cuộc gọi hội nghị, chọn **Options > Conference**. Để thêm người mới vào cuộc gọi, lặp lại bước 2, và chọn **Options > Conference > Add to conference**. Điện thoại hỗ trợ các cuộc gọi hội nghị với tối đa sáu thành viên tham gia, kể cả bạn.
- Để trò chuyện riêng với một trong các thành viên, chọn **Options > Conference > Private**. Chọn một thành viên và chọn **Private**. Cuộc gọi hội nghị sẽ được chuyển sang trạng thái giữ.
- Những thành viên khác vẫn có thể tiếp tục cuộc gọi hội nghị. Sau khi kết thúc cuộc trò chuyện riêng, chọn **Options > Add to conference** để trở về cuộc gọi hội nghị.
- Để loại một thành viên, chọn **Options > Conference > Drop participant**, di chuyển đến thành viên đó, và chọn **Drop**.
- 4 Để kết thúc cuộc gọi hội nghị, bấm .

## Quay nhanh một số điện thoại

Để kích hoạt chức năng quay số nhanh, bấm  , và chọn **Tools > Settings > Call > Speed dialling > On**.

Để gán một số điện thoại cho một trong các phím quay số nhanh ( **2 — 9** ), bấm  , và chọn **Tools > Spd. dial**. Di chuyển đến phím bạn muốn gán số điện thoại và chọn **Options > Assign**. **1** được dành riêng cho hộp thư thoại.

Để gọi điện ở chế độ chờ, bấm phím quay số nhanh và  .

## Lệnh thoại

Điện thoại của bạn hỗ trợ các lệnh thoại được cài tiến. Lệnh thoại cài tiến không thuộc vào giọng người nói, vì vậy người sử dụng không cần phải ghi âm khẩu lệnh trước. Thay vào đó, điện thoại sẽ tạo một khẩu lệnh dành cho các mục trong danh bạ và so sánh khẩu lệnh được nói với khẩu lệnh này. Bộ phận nhận dạng giọng nói trong điện thoại sẽ phân tích tiếng nói của người dùng chính để nhận dạng lệnh thoại tốt hơn.

Khẩu lệnh cho một số liên lạc là tên hoặc biệt danh được lưu trên thẻ liên lạc. Để nghe khẩu lệnh tổng

hợp, mở một thẻ liên lạc, và chọn **Options > Play voice tag**.

## Gọi điện bằng khẩu lệnh



**Lưu ý:** Sử dụng khẩu lệnh có thể gặp khó khăn trong môi trường ồn ào hoặc trong trường hợp khẩn cấp, vì thế bạn không nên chỉ dựa vào chức năng quay số bằng khẩu lệnh trong mọi trường hợp.

Khi bạn sử dụng chức năng quay số bằng khẩu lệnh, loa sẽ được sử dụng. Gửi điện thoại ở khoảng cách gần khi phát âm khẩu lệnh.

- 1 Để bắt đầu quay số bằng giọng nói, ở chế độ chờ, bấm và giữ phím chọn phải. Nếu bạn đang sử dụng tai nghe tương thích có phím tai nghe, bấm và giữ phím tai nghe để bắt đầu quay số bằng khẩu lệnh.
- 2 Một âm ngắn sẽ phát ra, và thông báo **Speak now** sẽ hiển thị. Đọc rõ tên hoặc biệt hiệu đã được lưu cho thẻ liên lạc.
- 3 Điện thoại sẽ phát khẩu lệnh tổng hợp ứng với số liên lạc được nhận dạng bằng ngôn ngữ được chọn trong điện thoại, đồng thời hiển thị tên và số điện thoại của số liên lạc đó. Sau khoảng 2,5 giây chờ, điện thoại sẽ quay số điện thoại đó. Nếu số liên lạc được nhận dạng không đúng, chọn **Next** để xem danh sách các số liên lạc

tương ứng hoặc **Quit** để hủy chức năng quay số bằng khẩu lệnh.

Nếu một tên có nhiều số điện thoại, máy sẽ chọn số mặc định nếu số này đã được cài. Nếu không, điện thoại sẽ chọn số điện thoại đầu tiên theo thứ tự sau: **Mobile, Mobile (home), Mobile (business), Telephone, Tel. (home),** và **Tel. (business)**.

## Cuộc gọi video

Khi thực hiện cuộc gọi video (dịch vụ mang), bạn có thể nhìn thấy hình ảnh hai chiều trong thời gian đàm thoại giữa bạn và người nhận cuộc gọi. Hình ảnh video trực tuyến, hoặc hình ảnh video được quay bằng camera trên điện thoại sẽ hiển thị trên điện thoại của người nhận trong cuộc gọi video.

Để thực hiện cuộc gọi video, bạn phải có thẻ USIM và trong vùng phủ sóng của mạng UMTS. Để biết tính khả dụng và thuê bao dịch vụ cuộc gọi video, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Cuộc gọi video chỉ có thể được thực hiện được giữa hai thành viên. Cuộc gọi video có thể được áp dụng để gọi đến điện thoại di động tương thích hoặc một thuê bao ISDN. Cuộc gọi video không thể thực hiện

được trong khi đang có cuộc gọi thoại, cuộc gọi video hoặc quá trình trao đổi dữ liệu đang diễn ra.

**Biểu tượng:**

- ☒ Bạn không nhận được video (người nhận không gửi hoặc mạng không chuyển video).
- ☒ Bạn đã từ chối gửi tín hiệu hình ảnh từ điện thoại của bạn. Để gửi hình tĩnh thay vào đó, xem phần “[Call settings](#)”, trên trang [109](#).

Ngay cả khi bạn từ chối gửi tín hiệu video khi sử dụng chức năng cuộc gọi video, cuộc gọi này vẫn bị tính cước như là cuộc gọi video. Kiểm tra cách tính phí với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

- 1 Để khởi động cuộc gọi video, nhập số điện thoại khi ở chế độ chờ, hoặc chọn **Contacts** và chọn một số liên lạc.
- 2 Chọn **Options > Video call**.

Thời gian để khởi động một cuộc gọi video có thể kéo dài Thông báo

**Waiting for video image** sẽ hiển thị. Nếu cuộc gọi không thực hiện được (ví dụ như mạng không hỗ trợ



cuộc gọi video, hoặc thiết bị nhận không tương thích), điện thoại sẽ yêu cầu bạn thực hiện cuộc gọi thông thường hoặc gửi tin nhắn văn bản thay vì dùng cuộc gọi video.

Cuộc gọi video hoạt động khi bạn nhìn thấy ảnh video của hai bên, và nghe thấy âm thanh qua loa. Người nhận cuộc gọi có thể từ chối gửi hình ảnh (☒), và trong trường hợp này, bạn sẽ chỉ nghe thấy âm báo và nhìn thấy một hình tĩnh hoặc một hình nền màu xám.

Để thay đổi giữa chế độ hiển thị video hoặc chỉ nghe âm thanh, chọn **Enable/Disable > Sending video, Sending audio** hoặc **Sending audio & video**.

Để phóng to/thu nhỏ hình ảnh của bạn, chọn **Zoom in** hoặc **Zoom out**. Chỉ báo chính tỷ lệ sẽ được hiển thị ở phía trên màn hình.

Để chuyển đổi vị trí của các hình ảnh video đã gửi trên màn hình, chọn **Change image order**.

Để kết thúc cuộc gọi video, bấm .

## Chia sẻ video

Sử dụng chức năng **Video sharing** (dịch vụ mạng) để gửi video trực tuyến hoặc một video clip từ điện thoại di động của bạn đến một thiết bị di động tương thích trong cuộc gọi thoại. Đơn giản, bạn chỉ cần

mời người nhận cuộc gọi xem phim thực hoặc một video clip mà bạn muốn chia sẻ. Việc chia sẻ sẽ tự động bắt đầu khi người nhận chấp nhận lời mời.

Loa sẽ được kích hoạt khi bạn khởi động **Video sharing**. Bạn cũng có thể sử dụng tai nghe tương thích để tiếp tục cuộc gọi thoại trong khi truyền video. Khi cuộc gọi thoại được kích hoạt, chọn **Options > Share video > Live** hoặc **Clip**.

Để ngưng chia sẻ video, chọn **Stop**. Chức năng chia sẻ video cũng sẽ kết thúc khi bạn kết thúc cuộc gọi thoại.

## Yêu cầu chia sẻ hình ảnh

Vì **Video sharing** yêu cầu kết nối UMTS, khả năng sử dụng **Video sharing** tùy thuộc vào tính khả dụng của mạng UMTS. Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để có thêm thông tin về tính khả dụng của dịch vụ và mạng, và cước phí sử dụng dịch vụ này.

Để sử dụng **Video sharing** bạn phải:

- Báo đàm điện thoại đã được thiết lập các kết nối một chiều. Xem phần "**Cài đặt**", trên trang 68.
- Báo đàm bạn có một kết nối UMTS đang hoạt động và đang trong phạm vi phủ sóng của mạng UMTS. Xem phần "**Cài đặt**", trên trang 68.

Nếu bạn khởi động phiên dịch vụ chia sẻ trong

khi đang ở trong phạm vi phủ sóng của mạng UMTS và đang trong quá trình kết nối mạng GSM, phiên dịch vụ chia sẻ sẽ bị ngừng lại, cuộc gọi thoại của bạn vẫn tiếp tục. Bạn sẽ không thể khởi động chức năng **Video sharing** khi không ở trong vùng phủ sóng của mạng UMTS (ví dụ trong mạng GSM).

- Báo đàm cả người gửi và người nhận đã đăng ký mạng UTMS. Nếu bạn mời một người tham gia phiên dịch vụ chia sẻ nhưng người này tắt điện thoại, không nằm trong vùng phủ sóng của mạng UMTS, hoặc chưa cài đặt chức năng **Video sharing** hoặc chưa thiết lập kết nối một chiều, người đó sẽ không biết bạn gửi lời mời đến họ. Tuy nhiên, bạn sẽ nhận được một thông báo cho biết người nhận không thể nhận lời mời.

## Cài đặt

### Cài đặt kết nối một chiều

Kết nối một chiều còn được biết là kết nối SIP. Thông số cài đặt cấu hình SIP phải được cấu hình trong điện thoại trước khi bạn có thể sử dụng chức năng **Video sharing**. Việc thiết lập cấu hình SIP cho phép bạn thiết lập kết nối một chiều đến một điện thoại tương thích khác. Cấu hình SIP cũng phải được thiết lập để nhận phiên chia sẻ dữ liệu.

Liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ để có được thông số cài đặt cấu hình SIP và lưu các thông số này vào điện thoại của bạn.

Nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ có thể gửi các thông số cài đặt qua mạng hoặc gửi cho bạn một danh sách các thông số cần thiết.

Nếu bạn biết địa chỉ SIP của người nhận, bạn có thể nhập địa chỉ này vào thẻ liên lạc của người đó. Mở **Contacts** từ menu chính của điện thoại, và mở thẻ liên lạc (hoặc tạo một thẻ liên lạc mới cho người đó). Chọn **Options > Add detail > SIP** hoặc **Share view** (tùy chọn đúng tùy thuộc vào nhà điều hành mạng).

Nhập địa chỉ SIP theo định dạng  
username@domainname (bạn có thể sử dụng địa chỉ IP thay cho tên miền).

Nếu bạn không biết địa chỉ SIP của số liên lạc, bạn cũng có thể sử dụng số điện thoại đã lưu của người nhận, bao gồm cả mã nước, ví dụ +358, để chia sẻ video. Nếu số điện thoại được lưu trong **Contacts** không bao gồm mã nước, bạn có thể nhập số điện thoại bao gồm cả mã nước khi gửi lời mời.

### Cài đặt kết nối UMTS

Để thiết lập kết nối UMTS, theo các bước sau:

- Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để thỏa thuận sử dụng dịch vụ mạng UMTS.

- Báo đảm thông số cài đặt kết nối điểm truy cập UMTS được cấu hình đúng. Để được trợ giúp, xem phần “[Connection](#)”, trên trang [110](#).

## Chia sẻ video trực tuyến và video clip

Để nhận một phiên chia sẻ dữ liệu, người nhận phải cài đặt chức năng **Video sharing** và cấu hình các thông số cài đặt theo yêu cầu trên điện thoại di động tương thích của họ. Cá bạn và người nhận phải đăng ký dịch vụ trước khi có thể chia sẻ dữ liệu.

- 1 Khi cuộc gọi thoại được kích hoạt, chọn **Options > Share video > Live** hoặc **Clip**. Nếu bạn chọn **Clip**, danh sách các video clip sẽ mở ra. Chọn một video clip mà bạn muốn chia sẻ và chọn **Options > Send invitation**.
- 2 Nếu người nhận có nhiều địa chỉ SIP trong thẻ liên lạc, chọn địa chỉ SIP mà bạn muốn gửi lời mời. Nếu không có địa chỉ SIP của người nhận, nhập địa chỉ SIP vào. Nếu bạn không biết địa chỉ SIP của số liên lạc, nhập số điện thoại của người nhận, bao gồm cả mã nước, nếu số này chưa được lưu trong **Contacts**.

- 3 Việc chia sẻ sẽ tự động bắt đầu khi người nhận chấp nhận lời mời.
- 4 Chọn **Pause** để tạm ngưng phiên chia sẻ dữ liệu. Chọn **Continue** để tiếp tục việc chia sẻ. Nếu bạn chia sẻ một video clip, để tua lại và tua đi video clip này, di chuyển sang trái hoặc phải.
- 5 Để ngưng chia sẻ video, chọn **Stop**. Chức năng chia sẻ video cũng sẽ kết thúc khi bạn kết thúc cuộc gọi thoại.

## Nhận một lời mời

Khi có một người gửi cho bạn lời mời chia sẻ dữ liệu, một thông báo mời sẽ hiển thị cho biết tên hoặc địa chỉ SIP của người gửi. Nếu điện thoại không được cài **Silent**, điện thoại sẽ đổ chuông khi bạn nhận được lời mời.

Nếu một người nào đó gửi cho bạn lời mời chia sẻ và điện thoại của bạn tắt hoặc bạn không ở trong vùng phủ sóng của mạng UMTS, bạn sẽ không biết mình nhận được lời mời.

Khi nhận được lời mời, chọn một trong các tùy chọn sau:

**Accept**—để kích hoạt phiên chia sẻ.

**Reject**—để từ chối lời mời. Người nhận sẽ nhận được thông báo cho biết bạn từ chối lời mời. Bạn

cũng có thể bấm phím kết thúc để từ chối phiên chia sẻ và ngắt kết nối với cuộc gọi thoại.

Để ngưng chia sẻ video, chọn **Stop**. Chức năng chia sẻ video cũng sẽ kết thúc khi bạn kết thúc cuộc gọi thoại.

## Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi

Để trả lời một cuộc gọi, bấm hoặc mở bàn phím trượt.

Để tắt âm báo khi có cuộc gọi đến, chọn **Silence**.

Nếu bạn muốn trả lời cuộc gọi, bấm . Nếu bạn đã kích hoạt chức năng **Call divert > If busy** để chuyển hướng cuộc gọi, việc từ chối cuộc gọi đến cũng sẽ chuyển hướng cuộc gọi. Xem phần “**Call divert**”, trên trang 117.

Khi từ chối một cuộc gọi đến, bạn có thể gửi tin nhắn văn bản cho người gọi để báo lý do bạn không thể trả lời cuộc gọi. Chọn **Options > Send text message**. Bạn có thể chỉnh sửa văn bản trước khi gửi. Để cài đặt tùy chọn này và viết một tin nhắn văn bản chuẩn, xem phần “**Call settings**”, trên trang 109.

## Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi video

Khi có cuộc gọi video, biểu tượng sẽ hiển thị.

**Mẹo!** Bạn có thể gán kiểu chuông cho cuộc gọi video. Bấm và chọn **Profiles**.

Bấm để trả lời cuộc gọi video. Thông báo **Allow video image to be sent to caller?** sẽ xuất hiện trên màn hình. Để bắt đầu gửi hình ảnh video trực tiếp, chọn **Yes**.

Nếu bạn không kích hoạt cuộc gọi video, gửi video sẽ không được kích hoạt, và bạn sẽ chỉ nghe thấy tiếng của người gọi. Một màn hình màu xám sẽ hiển thị thay thế cho hình ảnh video. Để thay màn hình xám bằng một hình tĩnh, xem phần "[Call settings](#)", [Image in video call](#), trên trang 109.

Để kết thúc cuộc gọi video, bấm .

## Call waiting (dịch vụ mạng)

Bạn có thể trả lời một cuộc gọi trong khi có một cuộc gọi khác đang diễn ra nếu bạn đã kích hoạt **Call waiting** trong **Tools > Settings > Call > Call waiting**.

**Mẹo!** Để thay đổi nhạc chuông của điện thoại sử dụng trong các môi trường và sự kiện khác nhau, ví dụ, khi bạn muốn tắt tiếng của điện thoại, xem phần "[Profiles—cài âm](#)", trên trang 104.

Để trả lời cuộc gọi chờ, bấm . Cuộc gọi đầu sẽ ở trạng thái giữ.

Để chuyển giữa hai cuộc gọi, chọn **Swap**. Để kết nối cuộc gọi đến hoặc cuộc gọi đang chờ vào cuộc gọi hiện tại và thoát ra khỏi các cuộc gọi này, chọn **Options > Transfer**. Để kết thúc cuộc gọi hiện thời, bấm hoặc đóng bàn phím trượt; cuộc gọi đầu vẫn được bật. Để kết thúc cả hai cuộc gọi, chọn **Options > End all calls**.

## Các tùy chọn trong khi gọi

Nhiều tùy chọn mà bạn có thể sử dụng trong khi gọi là các dịch vụ mạng. Chọn **Options** trong khi gọi cho một số tùy chọn sau đây: **Mute** hoặc **Unmute**, **Answer**, **Reject**, **Swap**, **Hold** hoặc **Unhold**, **Activate handset**, **Activate loudsp..**, hoặc **Activate handsfree** (nếu có gắn một bộ tai nghe Bluetooth tương thích), **End active call** hoặc **End all calls**, **New call**, **Conference**, **Transfer**, và **Open active standby**. Chọn một trong số các tùy chọn sau:

**Replace**—để kết thúc cuộc gọi hiện tại và trả lời cuộc gọi đang chờ.

**Send MMS** (chỉ trong mạng UMTS)—để gửi một hình ảnh hoặc video trong tin nhắn đa phương tiện cho thành viên khác trong cuộc gọi. Bạn có thể chỉnh sửa tin nhắn và thay đổi người nhận trước khi gửi. Bấm  để gửi tập tin đến một thiết bị tương thích (dịch vụ mạng).

**Send DTMF**—để gửi các chuỗi âm DTMF, ví dụ, mật mã. Nhập chuỗi DTMF hoặc tìm trong **Contacts**. Để nhập ký tự chờ (**w**) hoặc ký tự tạm ngưng (**p**), bấm **\*** liên tục. Chọn **OK** để gửi âm.

 **Mẹo!** Bạn có thể thêm âm DTMF vào các trường **Phone number** hoặc **DTMF** trong thẻ liên lạc.

## Các tùy chọn trong khi gọi video

Chọn **Options** khi đang gọi video cho một số tùy chọn sau đây: **Enable** hoặc **Disable** (video, âm thanh, hoặc cả hai), **Activate handset** (nếu một tai nghe tương thích sử dụng kết nối Bluetooth được nối vào) hoặc **Activate handsfree** (khi có gắn một tai nghe tương thích với kết nối Bluetooth), **Activate loudsp.**, **End active call**, **Open active standby**,

**Use main camera/Use secondary camera**, **Change image order**, **Zoom in/Zoom out**, và **Help**.

Các tùy chọn khả dụng có thể khác nhau.



Để kiểm soát số điện thoại của các cuộc gọi bị nhỡ, cuộc gọi đã nhận và đã gọi, bấm , và chọn **My own > Log > Recent calls**. Điện thoại chỉ ghi lại các cuộc gọi bị nhỡ và các cuộc gọi vừa nhận khi mạng hỗ trợ các chức năng này, khi điện thoại được bật và đang trong vùng phủ sóng.

Để xóa tất cả các danh sách cuộc gọi gần đây, chọn **Options > Clear recent calls** trong giao diện chính của các cuộc gọi gần đây. Để xóa một trong các nhật ký cuộc gọi, mở nhật ký bạn muốn xóa, và chọn **Options > Clear list**. Để xóa một sự kiện, mở một nhật ký, di chuyển đến sự kiện đó và bấm .

## Call duration

Để kiểm soát thời lượng xấp xỉ của các cuộc gọi đến và cuộc gọi đi, bấm , và chọn **My own > Log > Call duration**.

Để cài hiển thị các bộ tính giờ trong khi gọi, chọn **My own > Log > Options > Settings > Show call duration > Yes** hoặc **No**.

 **Lưu ý:** Thời gian thực sự mà nhà cung cấp dịch vụ tính cước cho các cuộc gọi có thể khác nhau, tùy thuộc các tính năng mạng, hoàn tất việc thanh toán, v.v...

Để xóa bộ đếm thời lượng cuộc gọi, chọn **Options > Clear timers**. Để thực hiện được, bạn cần phải có mã khóa. Xem phần “**Phone and SIM**”, trên trang **114**.

## Dữ liệu gói

Để kiểm tra lượng dữ liệu đã gửi và nhận trong các phiên kết nối dữ liệu gói, bấm , và chọn **My own > Log > Packet data**. Ví dụ, bạn có thể phải trả phí cho những kết nối dữ liệu gói trên cơ sở lượng dữ liệu đã gửi và nhận.

## Kiểm soát tất cả các sự kiện liên lạc

Các biểu tượng trong **Log**:

-  Sự kiện đến
-  Sự kiện đi
-  Các sự kiện liên lạc bị nhỡ

Để kiểm soát tất cả các cuộc gọi thoại, tin nhắn văn bản, hoặc các kết nối dữ liệu và mạng LAN không dây được điện thoại ghi lại, bấm , chọn **My own > Log**,

và di chuyển sang phải để mở nhật ký chung. Đối với từng sự kiện liên lạc, bạn có thể xem tên của người gửi hoặc nhận, số điện thoại, tên nhà cung cấp dịch vụ, hoặc điểm truy cập. Bạn có thể lọc nhật ký chung để chỉ xem một loại sự kiện, và tạo các thẻ liên lạc mới dựa trên thông tin được lưu lại.

 **Mẹo!** Để xem danh sách các tin nhắn đã gửi, bấm , và chọn **Messaging > Sent**.

Các sự kiện phụ, ví dụ như tin nhắn văn bản đã được gửi thành nhiều phần và nhiều phiên kết nối dữ liệu, sẽ được ghi lại dưới dạng sự kiện liên lạc. Các kết nối vào hộp thư thoại, trung tâm nhắn tin đa phương



tiện hoặc trang Web sẽ được hiển thị dưới dạng các phiên kết nối dữ liệu gói.

Để thêm một số điện thoại chưa biết trong **Log** vào danh bạ, chọn **Options > Add to Contacts**.

Để lọc nhật ký, chọn **Options > Filter** và chọn một bộ lọc.

Để xóa nội dung nhật ký, nhật ký các cuộc gọi mới nhất và các báo cáo gửi tin nhắn cố định, chọn

**Options > Clear log**. Chọn **Yes** để xác nhận.

Để xóa một sự kiện đơn lẻ khỏi nhật ký, bấm  .

Để cài **Log duration**, chọn **Options > Settings >**

**Log duration**. Các sự kiện sẽ được lưu giữ trong bộ nhớ điện thoại trong một số ngày nhất định, sau đó chúng sẽ bị xóa để làm trống bộ nhớ. Nếu bạn chọn **No log**, tất cả nội dung, nhật ký cuộc gọi gần đây và báo cáo gửi tin nhắn sẽ bị xóa vĩnh viễn.

Để xem các chi tiết của một sự kiện liên lạc, trong giao diện nhật ký chung, di chuyển đến một sự kiện, và bấm .

 **Mẹo!** Trong giao diện chi tiết bạn có thể sao chép một số điện thoại vào clipboard, và ví dụ dán vào tin nhắn văn bản. Chọn **Options > Copy number**.

**Bộ đếm dữ liệu gói và thời gian kết nối:** Để xem dung lượng dữ liệu, được tính bằng kb, đã được truyền và thời lượng của phiên kết nối dữ liệu gói, di chuyển đến một sự kiện đến hoặc đi được chỉ báo bằng **Pack**, và chọn **Options > View details**.



# Trình duyệt Web

## Services

Bấm , và chọn **Services** (dịch vụ mạng).

Nhiều nhà cung cấp thường có các trang được thiết kế riêng cho các thiết bị di động mà bạn có thể xem bằng trình duyệt **Services**. Những trang Web này sử dụng ngôn ngữ đánh dấu không dây (WML), ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản mở rộng (XHTML), hoặc ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản (HTML).

Kiểm tra tính khả dụng của dịch vụ, giá cả và thuế của các dịch vụ với nhà cung cấp dịch vụ. Nhà cung cấp dịch vụ cũng sẽ hướng dẫn bạn cách sử dụng các dịch vụ này.

**Phím tắt:** Để bắt đầu kết nối, bấm và giữ 0 khi ở chế độ chờ.

## Điểm truy cập

Để truy cập các trang, bạn cần các cài đặt dịch vụ cho trang bạn muốn sử dụng. Bạn có thể nhận thông số cài đặt dưới dạng tin nhắn văn bản đặc biệt từ nhà cung cấp dịch vụ nơi cung cấp trang. Xem phần “[Dữ](#)

liệu và các thông số cài đặt”, trên trang [51](#). Để biết thêm thông tin, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của quý khách.

**Mẹo!** Các cài đặt có thể được đăng tải sẵn trên trang Web của nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

### Nhập cài đặt theo cách thủ công

- 1 Bấm , chọn **Tools > Settings > Connection > Access points**, và xác định cài đặt cho điểm truy cập. Thực hiện theo các hướng dẫn được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Xem phần “[Connection](#)”, trên trang [110](#).
- 2 Bấm , và chọn **Services > Options > Bookmark manager > Add bookmark**. Đặt một tên cho chỉ mục và địa chỉ của trang trình duyệt xác định điểm truy cập hiện tại.
- 3 Để cài điểm truy cập đã tạo làm điểm truy cập mặc định, chọn **Options > Settings > Access point**.

## Giao diện chỉ mục

Màn hình chỉ mục mở khi bạn mở **Services**.

Thiết bị của bạn có thể có các chỉ mục và liên kết được cài đặt sẵn cho các trang internet của bên thứ ba. Bạn cũng có thể truy cập vào các trang web của các bên thứ ba khác từ thiết bị của bạn. Các trang web của bên thứ ba không có mối liên kết với bên thứ ba, và Nokia không chấp thuận hay nhận lãnh bất cứ trách nhiệm nào đối với các trang web này. Nếu bạn chọn truy cập vào các trang web này, bạn cần cẩn thận lưu ý về tính bảo mật hoặc nội dung.

Biểu tượng cho biết trang bắt đầu được xác định cho điểm truy cập mặc định.

## Kết nối bảo mật

Nếu chỉ báo bảo vệ hiển thị trong quá trình kết nối, việc truyền dữ liệu giữa thiết bị và cổng Internet hoặc máy chủ được mã hóa.

Biểu tượng an toàn không chỉ báo rằng việc truyền dữ liệu giữa cổng và máy chủ chứa nội dung (hoặc nơi lưu nguồn nội dung yêu cầu) được bảo vệ. Nhà cung cấp dịch vụ bảo vệ việc truyền dữ liệu giữa cổng và máy chủ chứa nội dung.

Chọn **Options > Details > Security** để xem các thông tin chi tiết về tình trạng kết nối, trạng thái mã hóa, thông tin về máy chủ và việc xác nhận dành cho người sử dụng.

Các chứng chỉ bảo mật có thể được yêu cầu cho một số dịch vụ, ví dụ như các dịch vụ ngân hàng. Bạn sẽ được thông báo nếu nhận diện server không được xác thực hoặc nếu bạn không có chứng chỉ bảo vệ thích hợp trong điện thoại. Để biết thêm thông tin, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của quý khách. Xem thêm phần “[Quản lý chứng chỉ](#)”, trên trang [115](#).

## Trình duyệt

**Lưu ý quan trọng:** Chỉ nên sử dụng các dịch vụ mà bạn tin cậy và cung cấp các tính năng bảo mật và bảo mật đủ để ngăn chặn các phần mềm có hại.

Để tải xuống một trang, chọn một chỉ mục hoặc điền địa chỉ vào trường ().

Trên một trang trình duyệt, các liên kết mới sẽ xuất hiện với đường gạch dưới màu xanh và các trang đã liên kết có màu tía. Những hình chứa trang liên kết có đường viền màu xanh xung quanh.

Để mở các liên kết và đánh dấu các hộp chọn, bấm .

 **Phím tắt:** Sử dụng # để chuyển nhanh xuống cuối trang và \* để chuyển nhanh về đầu trang.

Để trở về trang trước trong khi trình duyệt, chọn **Back**. Nếu tùy chọn **Back** không có, chọn **Options > Navigation options > History** để xem danh sách các trang mà bạn đã vào trong phiên trình duyệt theo thứ tự thời gian.

Để tải về nội dung mới nhất từ server, chọn **Options > Navigation options > Reload**.

Để lưu một chỉ mục, chọn **Options > Save as bookmark**.

 **Mẹo!** Để truy cập vào giao diện chỉ mục trong khi đang trình duyệt, bấm và giữ . Để trở về cửa sổ trình duyệt, chọn **Options > Back to page**.

Để lưu lại một trang trong khi trình duyệt, chọn **Options > Advanced options > Save page**. Bạn có thể lưu các trang vào bộ nhớ của máy hoặc thẻ nhớ (nếu được lắp), và duyệt lại chúng khi không kết nối mạng. Để truy cập các trang này sau, bấm  trong giao diện chỉ mục để mở giao diện **Saved pages**.

Để nhập vào một địa chỉ URL mới, chọn **Options > Navigation options > Go to web address**.

Để mở danh sách phụ chứa các lệnh hoặc tác vụ trên trang trình duyệt đang mở, chọn **Options > Service options**.

Bạn có thể tải về các tập tin không được hiển thị trên trang trình duyệt, ví dụ như kiểu chuông, hình ảnh, logo mạng, chủ đề và đoạn phim. Để tải về mục nào đó, di chuyển đến liên kết đó, và bấm .

Khi bạn bắt đầu tải dữ liệu, một danh sách các tập tin ở trạng thái đang tải về, tạm ngưng, và đã tải về hoàn tất sẽ được hiển thị. Bạn cũng có thể xem danh sách này bằng cách chọn **Options > Downloads**. Trong danh sách, di chuyển tới một mục, và chọn **Options** để tạm dừng, tiếp tục lại, hoặc hủy các tài liệu đang diễn ra, hoặc lưu, hoặc xóa những tài liệu đã hoàn tất.

## Các chương trình tải xuống từ mạng và mua các mục

Bạn có thể tải xuống các mục như nhạc chuông, hình ảnh, logo mạng, chủ đề, và các đoạn phim. Các mục này có thể được cung cấp miễn phí, hoặc bạn có thể mua chúng. Các mục tải về sẽ được xử lý bởi các ứng dụng tương ứng trong điện thoại của bạn, ví dụ hình ảnh tải về sẽ được lưu vào **Gallery**.



**Lưu ý quan trọng:** Chỉ cài đặt và sử dụng các ứng dụng và phần mềm khác từ những nguồn tin cậy, chẳng hạn như các ứng dụng đã được Ký bởi Symbian hoặc đã qua được quá trình kiểm tra Java Verified™.

- 1 Để tải xuống, di chuyển đến liên kết tương ứng và bấm .
- 2 Chọn tùy chọn thích hợp để mua mục đó, ví dụ "Mua".
- 3 Đọc cẩn thận tất cả thông tin được cung cấp. Để tiếp tục việc tải xuống, chọn **Accept**. Để hủy việc tải xuống, chọn **Cancel**.

## Ngưng kết nối

Để ngắt kết nối và xem trang trình duyệt không trực tuyến, chọn **Options > Advanced options > Disconnect**, hoặc để ngắt kết nối và đóng trình duyệt lại, chọn **Options > Exit**.

## Dọn cache

Thông tin hoặc dịch vụ bạn vừa truy cập được lưu trong bộ nhớ cache của điện thoại.

Cache (bộ nhớ truy cập nhanh) là một vùng bộ nhớ được dùng để lưu dữ liệu tạm thời. Nếu quý khách đã thử truy cập hoặc đã truy cập các thông tin bảo

mật cần có mật khẩu, làm trống bộ nhớ cache sau mỗi lần sử dụng. Các thông tin hoặc dịch vụ mà quý khách đã truy cập sẽ được lưu trong bộ nhớ cache. Để xóa bộ nhớ cache, chọn **Options > Advanced options > Clear cache**.

## Cài đặt

Chọn **Options > Settings** và các tùy chọn sau:

**Access point**—Thay đổi điểm truy cập mặc định. Xem phần “[Connection](#)”, trên trang 110. Một số hoặc tất cả các điểm truy cập có thể được cài sẵn cho điện thoại của bạn bởi nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng, và bạn không thể thay đổi, tạo mới, chỉnh sửa, hay xóa chúng.

**Homepage**—Để xác định trang chủ.

**Load imgs. & sounds**—Chọn hoặc không chọn tải hình trong khi trình duyệt. Nếu bạn chọn **No**, để truy nhập vào các hình ảnh đó sau, chọn **Options > Show images**.

**Font size**—Chọn một cỡ chữ.

**Default encoding**—Nếu các ký tự văn bản không hiển thị đúng, bạn có thể chọn cách mã hóa khác tùy theo ngôn ngữ.

**Auto. bookmarks**—Bật hoặc tắt tính năng thu thập chỉ mục tự động. Nếu bạn muốn tiếp tục thu thập các chỉ mục tự động nhưng ẩn giấu thư mục khỏi giao diện chỉ mục, chọn **Hide folder**.

**Screen size**—Để chọn nội dung hiển thị khi bạn đang trình duyệt. **Select. keys only** hoặc **Full screen**.

**Search page**—Để xác nhận một trang web sẽ được tải về khi bạn chọn **Navigation options > Open search page** trong giao diện chỉ mục hoặc khi đang trình duyệt.

**Volume**—Nếu bạn muốn trình duyệt để phát các âm thanh được nhúng trong các trang web, hãy chọn một mức âm lượng.

**Rendering**—Nếu bạn muốn hiển thị trang thật chính xác khi ở chế độ **Small screen**, chọn **By quality**. Nếu bạn không muốn tải về các bảng chứa thuộc tính trình bày xếp tầng mở rộng, chọn **By speed**.

**Cookies**—Để cho phép hoặc không cho phép nhận và gửi các cookie.

**Java/ECMA script**—Cho phép hoặc không cho phép sử dụng các đoạn mã script.

**Security warnings**—Để ẩn hoặc hiện các chỉ báo bảo mật.

**Conf. DTMF sending**—Chọn xem bạn có muốn xác nhận trước khi điện thoại gửi âm DTMF trong khi cuộc gọi thoại đang diễn ra hay không. Xem phần thêm “[Các tùy chọn trong khi gọi](#)”, trên trang 71.

## Web

Bấm  , và chọn **Internet > Web** (dịch vụ mạng).

Với **Web**, bạn có thể xem các trang web sử dụng ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản (HTML) trên internet như ban đầu thiết kế. Bạn cũng có thể trình duyệt các trang web được thiết kế riêng cho các thiết bị di động, và sử dụng ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản mở rộng (XHTML).

Với **Web** bạn có thể phóng to và thu nhỏ trên một trang, sử dụng **Mini map** và **Page overview** để di chuyển trên các trang, đọc các cấp dữ liệu web và blog, các trang web chỉ mục, và tải xuống nội dung.

Để truy cập và các trang WAP của nhà điều hành, hãy sử dụng trình duyệt **Services**.

Kiểm tra tính khả dụng của dịch vụ, giá cả và thuế của các dịch vụ với nhà cung cấp dịch vụ. Nhà cung cấp dịch vụ cũng sẽ hướng dẫn bạn cách sử dụng các dịch vụ này.

Để sử dụng **Web**, bạn cần có một điểm truy cập để kết nối với internet. Xem phần “[Access points](#)”, trên trang [110](#).

## Giao diện chỉ mục

Giao diện chỉ mục cho phép bạn chọn các địa chỉ web từ một danh sách hoặc từ một tập hợp các chỉ mục trong thư mục **Auto. bookmarks**. Bạn cũng có thể nhập trực tiếp địa chỉ URL của trang web bạn muốn truy cập vào trường (  ). Biểu tượng cho biết trang bắt đầu được xác định cho điểm truy cập mặc định.

Bạn có thể lưu các địa chỉ URL làm các chỉ mục trong khi trình duyệt trên internet. Bạn cũng có thể lưu các địa chỉ nhận được trong các tin nhắn vào chỉ mục, và gửi các chỉ mục đã lưu đến các thiết bị tương thích.

Thiết bị của bạn có thể có các chỉ mục và liên kết được cài đặt sẵn cho các trang internet của bên thứ ba. Bạn cũng có thể truy cập vào các trang web của các bên thứ ba khác từ thiết bị của bạn. Các trang web của bên thứ ba không có mối liên kết với bên thứ ba, và Nokia không chấp thuận hay nhận lãnh bất cứ trách nhiệm nào đối với các trang web này.

Nếu bạn chọn truy cập vào các trang web này, bạn cần cẩn thận lưu ý về tính bảo mật hoặc nội dung.

Để mở giao diện chỉ mục, bấm **1**, hoặc chọn **Options > Bookmarks**.

**Web** còn theo dõi những trang web bạn truy cập trong khi trình duyệt. Trong thư mục **Auto. bookmarks**, bạn có thể xem danh sách các trang web đã truy cập.

Trong **Web Feeds**, bạn có thể xem các liên kết đã lưu đến các cấp dữ liệu web hoặc các blog mà bạn đã đăng ký. Các cấp dữ liệu web thường được tìm thấy trên các trang web của các tổ chức tin tức lớn, các weblog cá nhân, và các cộng đồng trực tuyến, các cấp dữ liệu này cung cấp các đầu mục và các tóm lược bài viết mới nhất. **Web** hỗ trợ cấp dữ liệu web sử dụng công nghệ RSS.

## Trình duyệt

 **Lưu ý quan trọng:** Chỉ nên sử dụng các dịch vụ mà bạn tin cậy và cung cấp các tính năng bảo mật và bảo mật đủ để ngăn chặn các phần mềm có hại.

Để tải xuống một trang, chọn chỉ mục và bấm phím di chuyển. Bạn cũng có thể nhập địa chỉ vào trường (  ).

 **Mẹo!** Để trở về chế độ chờ với trình duyệt mở ẩn, bấm  hai lần. Để trở về trình duyệt, bấm và giữ  , và chọn trình duyệt từ danh sách.

Để nhập một địa chỉ trang web mới bạn muốn truy cập, chọn **Options > Go to web address**.

 **Mẹo!** Để truy cập vào chỉ mục đã lưu trong khi đang trình duyệt, bấm **1**, và chọn chỉ mục.

Để tải về nội dung mới nhất của trang này từ server, chọn **Options > Navigation options > Reload**.

Để lưu địa chỉ web của trang hiện thời làm chỉ mục, chọn **Options > Save as bookmark**.

Để xem các trang web mà bạn đã xem trong phiên duyệt này, chọn **Options > Navigation options > History**. Để tự động hiển thị danh sách các trang trước đó khi bạn trở về trang trước, chọn **Options > Settings > History list > On**.

Để sử dụng lịch sử trực quan để xem hình chụp của các trang bạn đã truy cập trong phiên trình duyệt hiện thời, chọn **Back** (khả dụng nếu **History list** được bật trong cài đặt trình duyệt.)

Để cho phép hoặc không cho phép tự động mở nhiều cửa sổ, chọn **Options > Settings > Block pop-ups > Yes**.

### Phím tắt trên bàn phím

- Bấm **C** để đóng cửa sổ hiện thời nếu có nhiều cửa sổ được mở.
- Bấm **1** để mở các chỉ mục của bạn.
- Bấm **2** để tìm văn bản trong trang hiện thời.

- Bấm **3** để trở về trang trước đó.
- Bấm **5** để liệt kê tất cả các cửa sổ mở.
- Bấm **8** để mở trang tổng quan. Bấm lại **8** để thu nhỏ và xem thông tin bạn muốn.
- Bấm **9** để chuyển đến trang web khác.
- Bấm **0** để đến trang chủ (nếu đã xác định).
- Bấm **\*** hoặc **#** để phóng to hoặc thu nhỏ trang.

### Tìm kiếm văn bản

Để tìm kiếm các từ khóa trong trang web hiện thời, chọn **Options > Navigation options > Find**.

 **Mẹo!** Để tìm kiếm các từ khóa trong một trang, bấm **2**.

### Mini Map

**Mini map** giúp bạn di chuyển trên các trang web có lượng thông tin lớn. Khi **Mini map** is được bật trong cài đặt trình duyệt và bạn di chuyển qua một trang web lớn, **Mini map** sẽ mở ra và hiển thị tổng quan của trang web bạn trình duyệt. Để di chuyển trong **Mini map**, bấm **○**, **○**, **○**, hoặc **○**. Khi tìm thấy vị trí bạn muốn, ngừng di chuyển, và **Mini map** sẽ biến mất và để bạn lại tại vị trí đã chọn. Để bật **Mini map**, chọn **Options > Settings > Mini map > On**.

## Tổng quan của trang

Khi bạn đang trình duyệt một trang web có lượng thông tin lớn, bạn có thể sử dụng **Page overview** để xem những loại thông tin nào có trên trang web này.

Để hiển thị tổng quan của trang hiện thời, bấm **8**. Để tìm vị trí bạn muốn trên trang này, bấm , , , hoặc . Bấm lại **8** để phóng to và xem mục bạn muốn của trang.

## Các cấp dữ liệu Web và blog

**Lưu ý quan trọng:** Chỉ nên sử dụng các dịch vụ mà bạn tin cậy và cung cấp các tính năng bảo mật và bảo mật đủ để ngăn chặn các phần mềm có hại.

Các cấp dữ liệu web là các tập tin xml trong các trang web được sử dụng rộng rãi bởi cộng đồng weblog và các tổ chức tin tức để chia sẻ các đầu mục hoặc toàn bộ văn bản của các mục nhập mới nhất, ví dụ như tin tức mới dưới dạng các cấp dữ liệu tin tức. Các cấp dữ liệu web thường được tìm thấy trên các trang web, blog và wiki. Blog hay weblog là các nhật ký web. Để tải xuống cấp dữ liệu web hoặc blog trên web, di chuyển đến đó và bấm phím di chuyển.

Web sẽ tự động phát hiện xem một trang web có chứa các cấp dữ liệu RSS hay không. Để đăng ký với một cấp dữ liệu web trên các trang web, chọn **Options > Subscribe**, hoặc bấm vào liên kết. Để xem các cấp dữ liệu web bạn đã đăng ký, trong giao diện các chỉ mục, chọn **Web feeds**.

Để thêm một cấp dữ liệu hoặc blog, chọn **Web feeds > Options > Manage feed > New feed**, và nhập thông tin cần thiết vào. Để chỉnh sửa một cấp dữ liệu hoặc blog, chọn **Options > Manage feed > Edit**.

## Ngưng kết nối

Để ngưng kết nối với web, chọn **Options > Advanced options > Disconnect**.

Để xóa thông tin mà server mạng thu thập về các lần xem của bạn đến nhiều trang web, chọn **Options > Advanced options > Delete cookies**.

Để xóa bộ nhớ tạm lưu giữ thông tin về các lần duyệt web đến các trang khác, chọn **Options > Advanced options > Clear cache**.

## Cài đặt

Chọn **Options > Settings** và các tùy chọn sau:

**Access point**—Thay đổi điểm truy cập mặc định. Xem phần “[Connection](#)”, trên trang 110. Một số hoặc tất cả các điểm truy cập có thể được cài sẵn cho điện thoại của bạn bởi nhà cung cấp dịch vụ; bạn không thể thay đổi, tạo mới, chỉnh sửa, hay xóa chúng.

**Homepage**—Để xác định trang chủ.

**Load imgs. & sounds**—Chọn hoặc không chọn tải hình trong khi trình duyệt. Nếu bạn chọn **No**, để truy nhập vào các hình ảnh đó sau, chọn [Options > Show images](#).

**Default encoding**—Nếu các ký tự văn bản không hiển thị đúng, bạn có thể chọn cách mã hóa khác tùy theo ngôn ngữ.

**Auto. bookmarks**—Bật hoặc tắt tính năng thu thập chỉ mục tự động. Nếu bạn muốn tiếp tục thu thập các chỉ mục tự động nhưng ẩn giấu thư mục khỏi giao diện chỉ mục, chọn [Hide folder](#).

**Screen size**—Để chọn nội dung hiển thị khi bạn đang trình duyệt. [Select. keys only](#) hoặc [Full screen](#).

**Mini map**—Bật hoặc tắt [Mini map](#). Xem phần “[Mini Map](#)”, trên trang 81.

**History list**—Bật [History list](#), nếu bạn muốn truy cập và các màn hình trước đó bằng cách bấm [Back](#).

**Volume**—Nếu bạn muốn trình duyệt để phát các âm thanh được nhúng trong các trang web, hãy chọn một mức âm lượng.

**Cookies**—Để cho phép hoặc không cho phép nhận và gửi các cookie.

**Java/ECMA script**—Cho phép hoặc không cho phép sử dụng các đoạn mã script.

**Security warnings**—Để ẩn hoặc hiện các chỉ báo bảo mật.

**Block pop-ups**—Cho phép hoặc chặn việc tự động mở các pop-up khác nhau trong khi trình duyệt.



# Lịch

Sử dụng **Calendar** để nhắc bạn về những cuộc họp và ngày kỷ niệm, và theo dõi công việc và các ghi chú khác.

## Tạo các mục nhập lịch

- 💡 Phím tắt:** Trong giao diện ngày, tuần, hoặc tháng, bấm phím bất kỳ (**1 — 0**). Mục cuộc hẹn sẽ được mở và các ký tự mà bạn đã nhập vào sẽ được thêm vào trường **Subject**. Trong giao diện công việc, một mục nhập ghi chú công việc sẽ mở.

- 1 Bấm , và chọn **Calendar > Options > New entry** và một trong các tùy chọn sau:

**Meeting**—Để nhắc bạn ngày và giờ cụ thể của cuộc hẹn.

**Memo**—Để viết một mục chung trong ngày.



**Anniversary**—Để nhắc bạn về ngày sinh nhật và các ngày đặc biệt (các mục nhập được lặp lại hàng năm).

**To-do**—Để nhắc bạn về một công việc cần làm trước một ngày cụ thể.

- 2 Diền thông tin vào các trường cho sẵn. Để cài giờ báo thức, chọn **Alarm > On**, và nhập **Alarm time** và **Alarm date**.  
Để thêm mô tả cho một cuộc hẹn, chọn **Options > Add description**.

- 3 Để lưu các mục lịch, chọn **Done**.

Khi lịch phát âm báo cho một ghi chú, chọn **Silence** để tắt âm báo lịch. Vấn bản nhắc nhở vẫn còn ở trên màn hình. Để tắt âm báo lịch, chọn **Stop**. Để cài phát lại âm báo, chọn **Snooze**.

- 💡 Mẹo!** Bạn có thể đồng bộ hóa lịch với một máy PC tương thích sử dụng bộ Nokia PC Suite.  
Khi tạo một mục nhập lịch, cài tùy chọn **Synchronisation** bạn muốn.

## Xem lịch

 **Mẹo!** Chọn **Options > Settings** để thay đổi ngày đầu tuần hoặc giao diện để hiển thị khi bạn mở lịch.

Trong chế độ xem tháng, những ngày có ghi chú lịch sẽ được đánh dấu bằng một hình tam giác nhỏ ở góc phải bên dưới. Trong chế độ xem tuần, các memo và ngày kỷ niệm được đặt trước 8 giờ. Để chuyển xem giữa tháng, tuần, ngày và công việc, bấm \* .

Để đến một ngày cụ thể, chọn **Options > Go to date**. Để trở về ngày hôm nay, bấm # .

Để gửi ghi chú lịch tới một thiết bị tương thích, chọn **Options > Send**.

Để in các mục nhập lịch trên một máy in được trang bị Basic Print Profile (BPP) qua kết nối Bluetooth (chẳng hạn như Máy In Di Động Deskjet 450 hoặc HP Photosmart 8150), chọn **Options > Print**.

## Quản lý các mục nhập lịch

Việc xóa các mục cũ trong **Calendar** sẽ tiết kiệm bộ nhớ của điện thoại.

Để xóa nhiều sự kiện cùng lúc, mở giao diện tháng, và chọn, **Options > Delete entry > Before date** hoặc **All entries**.

Để đánh dấu một công việc đã hoàn tất, di chuyển đến công việc đó trong giao diện công việc, và chọn **Options > Mark as done**.

## Cài đặt lịch

Để chỉnh sửa **Calendar alarm tone**, **Default view**, **Week starts on**, và **Week view title**, chọn **Options > Settings**.

# My own



## Visual Radio

Bấm  , và chọn **My own > Radio**. Bạn có thể sử dụng ứng dụng như một đài FM bình thường với chức năng chỉnh đài tự động và các kênh đã lưu, hoặc với thông tin trực quan song hành liên quan đến chương trình radio trên màn hình, nếu bạn chỉnh đến các đài cung cấp dịch vụ Visual Radio. Các dịch vụ Visual Radio sử dụng dữ liệu gói (dịch vụ mạng). Bạn có thể nghe đài FM trong khi sử dụng các ứng dụng khác trên điện thoại.

Nếu bạn không có điểm truy cập vào dịch vụ Visual Radio, các nhà điều hành và trạm phát radio tại khu vực của bạn có thể không hỗ trợ dịch vụ này.

Bạn có thể gọi hoặc trả lời cuộc gọi đến bình thường khi đang nghe radio. Radio sẽ tắt tiếng khi có cuộc gọi.

Radio chọn bằng tần số dựa trên thông tin nhận được từ mạng. Nếu thông tin này không có, bạn sẽ được yêu cầu chọn vùng mà bạn đang ở hoặc bạn có thể chọn vùng trong cài đặt Visual Radio. Xem phần “[Cài đặt](#)”, trên trang [87](#).

## Nghe radio

Lưu ý chất lượng phát sóng radio phụ thuộc mức độ phủ sóng của đài phát thanh ở từng khu vực cụ thể.

Đài FM phụ thuộc vào ăng-ten khác với ăng-ten của các thiết bị vô tuyến. Cần phải gắn tai nghe hoặc phụ kiện tương thích với thiết bị để đài FM hoạt động tốt.

Bấm  , và chọn **My own > Radio**. Để dò tìm kênh, chọn  hoặc  . Để thay đổi tần số theo cách thủ công, chọn **Options > Manual tuning**.

Nếu bạn đã lưu kênh radio trước đó, chọn  hoặc  để chuyển sang kênh radio kế tiếp hoặc trước đó, hoặc bấm phím số tương ứng để chọn vị trí kênh.

Để điều chỉnh âm lượng, bấm  hoặc  . Để nghe radio qua loa, chọn **Options > Activate loudspeaker**.



**Cảnh báo:** Nghe nhạc với mức âm lượng vừa phải. Việc nghe liên tục ở mức âm lượng lớn có thể gây hại cho thính giác của quý khách. Không để điện thoại gần tai của quý khách khi đang sử dụng loa vì âm lượng có thể rất lớn.

Để xem các kênh hiện có dựa trên vị trí, chọn **Options > Station directory** (dịch vụ mạng).

Để lưu kênh đã dò vào danh sách, chọn **Options > Save station**. Để mở danh sách các kênh đã lưu, chọn **Options > Stations**.

Để trở về chế độ chờ và chức năng dài FM vẫn hoạt động ẩn, chọn **Options > Play in background**.

## Xem nội dung trực quan

Để kiểm tra tính khả dụng và mức cước phí cũng như cách thức đăng ký thuê bao dịch vụ, xin liên hệ nhà điều hành mạng và nhà cung cấp dịch vụ.

Để xem nội dung trực quan hiện có của kênh đã dò, chọn  hoặc **Options > Start visual service**.

Nếu ID dịch vụ trực quan cho kênh chưa được lưu, nhập số này vào, hoặc chọn **Retrieve** để tìm trong danh mục kênh (dịch vụ mạng).

Khi kết nối với dịch vụ trực quan được thiết lập, màn hình sẽ hiển thị nội dung trực quan.

Để hiệu chỉnh cài đặt hiển thị cho giao diện nội dung trực quan, chọn **Options > Display settings**.

## Các kênh đã lưu

Bạn có thể lưu tối đa 20 kênh radio. Để mở danh sách kênh, chọn **Options > Stations**.

Để nghe kênh đã lưu, chọn **Options > Station > Listen**. Để xem nội dung trực quan hiện có của kênh với dịch vụ Visual Radio, chọn **Options > Station > Start visual service**.

Để thay đổi chi tiết kênh, chọn **Options > Station > Edit**.

## Cài đặt

Chọn **Options > Settings** và các tùy chọn sau:

**Start-up tone**—Chọn phát hoặc không phát âm báo khi khởi động ứng dụng.

**Auto-start service**—Chọn **Yes** để dịch vụ Visual Radio tự khởi động khi bạn chọn kênh đã lưu có cung cấp dịch vụ Visual Radio.

**Access point**—Chọn điểm truy cập dùng để kết nối dữ liệu. Bạn không cần phải có điểm truy cập để sử dụng ứng dụng như một đài FM thông thường.

**Current region**—Chọn vùng mà bạn đang ở. Cài đặt này chỉ hiển thị khi khởi động ứng dụng, điện thoại không nằm trong phạm vi phủ sóng.



## Go to—thêm phím tắt

Bấm , và chọn **My own > Go to**.

Các phím tắt mặc định bao gồm: mở **Calendar**, mở **Inbox**, và mở **Notes**.



## IM—nhắn tin trò chuyện

Bấm , và chọn **My own > IM**.

Chức năng Tin nhắn trò chuyện (dịch vụ mạng) cho phép bạn trò chuyện với người sử dụng tin nhắn trò chuyện và tham gia vào diễn đàn (các nhóm IM) với các chủ đề khác nhau. Các nhà cung cấp dịch vụ khác nhau vận hành các máy chủ IM mà bạn có thể đăng nhập vào sau khi đăng ký dịch vụ IM.

Các chức năng được hỗ trợ bởi mỗi nhà cung cấp dịch vụ có thể khác nhau.

Chọn **Conversations** để khởi động hoặc tiếp tục cuộc trò chuyện với người sử dụng IM; **IM contacts** để tạo mới, chỉnh sửa hoặc xem trạng thái trực tuyến của các số liên lạc IM; **IM groups** để khởi động hoặc tiếp tục cuộc trò chuyện nhóm với những người sử dụng IM; hoặc **Record. chats** để xem phiên trò chuyện bạn đã lưu lại trước đó.

## Nhận thông số cài đặt IM

Bạn phải lưu các thông số cài đặt để truy cập dịch vụ mà bạn muốn sử dụng. Bạn có thể nhận các thông số về dịch vụ Web dưới dạng một tin nhắn văn bản đặc biệt từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ IM. Xem phần “[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)”, trên trang 51. Bạn cũng có thể nhập các thông số cài đặt theo cách thủ công. Xem phần “[Cài đặt server nhắn tin trò chuyện](#)”, trên trang 91.

## Kết nối với server IM

- Để kết nối với server IM hiện đang sử dụng, mở menu **IM**, và chọn **Options > Login**. Để thay đổi server IM đang sử dụng và lưu server IM mới, xem phần “[Cài đặt server nhắn tin trò chuyện](#)”, trên trang 91.
- Nhập tên thuê bao và mật mã của bạn và bấm  để đăng nhập. Tên thuê bao và mật mã truy cập máy chủ IM của bạn do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.
- Để thoát ra ngoài, chọn **Options > Logout**.

## Chỉnh sửa cài đặt IM

Chọn **Options > Settings > IM settings** và chọn một trong các tùy chọn sau:

**Use screen name** (chỉ hiển thị nếu server hỗ trợ các nhóm IM)—Để nhập một biệt hiệu, chọn **Yes**.

**Show my availability**—Để cho phép những người khác thấy bạn khi đang trực tuyến, chọn **To everyone**.

**Allow messages from**—Để cho phép các tin nhắn từ tất cả, chọn **All**.

**Allow invitations from**—Để chỉ cho phép nhận các lời mời từ các số liên lạc trong danh bạ IM, chọn **IM contacts only**. Các lời mời IM sẽ được gửi bởi các số liên lạc IM, những người muốn bạn tham gia vào các nhóm của họ, đến bạn.

**Msg. scrolling speed**—Chọn tốc độ hiển thị các tin nhắn mới.

**Sort IM contacts**—Chọn cách sắp xếp các số liên lạc IM: **Alphabetically** hoặc **By online status**.

**Availabil. reloading**—Để chọn cách cập nhật thông tin về các số liên lạc IM của bạn khi trực tuyến hoặc không trực tuyến, chọn **Automatic** hoặc **Manual**.

**Offline contacts**—Chọn hiển thị hoặc không hiển thị các số liên lạc IM có trạng thái không trực tuyến trong danh sách các số liên lạc IM.

**Own message colour**—Chọn màu cho tin nhắn trò chuyện bạn sẽ gửi.

**Received msg colour**—Chọn màu cho tin nhắn trò chuyện bạn sẽ nhận.

**IM alert tone**—Thay đổi âm được phát khi nhận được một tin nhắn trò chuyện mới.

## Tìm kiếm nhóm và người dùng IM

Để tìm các nhóm, trong giao diện **IM groups**, chọn **Options > Search**. Bạn có thể tìm theo **Group name**, **Topic**, và **Members** (tên thuê bao).

Để tìm người sử dụng, trong giao diện **IM contacts**, chọn **Options > New IM contact > Search from server**. Bạn có thể tìm theo **User's name**, **User ID**, **Phone number**, và **E-mail address**.

## Tham gia vào các nhóm IM

Giao diện **IM groups** sẽ hiển thị danh sách các nhóm IM mà bạn đã lưu hay đang tham gia vào.

Để tham gia vào một nhóm IM đã lưu, bấm .

Để rời khỏi nhóm IM, chọn **Options > Leave IM group**.

## Nhắn tin trò chuyện

Sau khi tham gia vào một nhóm IM, bạn có thể xem các tin nhắn được trao đổi trong nhóm và gửi các tin nhắn của riêng bạn.

Để gửi một tin nhắn, soạn tin nhắn đó trong trường soạn thảo tin nhắn và bấm .

Để gửi một tin nhắn riêng tới một thành viên, chọn **Options > Send private msg..**

Để trả lời tin nhắn riêng được gửi đến cho bạn, chọn tin nhắn và chọn **Options > Reply**.

Để mời các số liên lạc IM đang trực tuyến tham gia vào nhóm IM, chọn **Options > Send invitation**.

Để ngăn không nhận tin nhắn từ người sử dụng nào đó, chọn **Options > Blocking options**.

## Ghi cuộc trò chuyện

Để ghi lại những tin nhắn được trao đổi trong một cuộc trò chuyện hoặc trong khi bạn tham gia vào một nhóm IM, chọn **Options > Record chat**.

Để ngừng ghi, chọn **Options > Stop recording**.

Để xem những cuộc trò chuyện đã ghi lại, chọn **Record. chats**.

## Xem và bắt đầu cuộc trò chuyện

Giao diện **Conversations** sẽ hiển thị danh sách những cá nhân tham gia mà bạn đang trò chuyện với họ. Cuộc trò chuyện hiện thời sẽ tự đóng lại khi bạn thoát khỏi **IM**.

Để bắt đầu cuộc trò chuyện, di chuyển đến một nhóm, và bấm .

Để tiếp tục cuộc trò chuyện, viết tin nhắn của bạn và bấm .

Để trở về danh sách cuộc trò chuyện mà không đóng cuộc trò chuyện hiện tại, chọn **Back**. Để đóng cuộc trò chuyện, chọn **Options > End conversation**.

Để bắt đầu một cuộc trò chuyện mới, chọn **Options > New conversation**.

Để lưu một thành viên vào danh bạ IM, chọn **Options > Add to IM contacts**.

Để tự gửi tin trả lời cho tin nhắn gửi đến, chọn **Options > Set auto reply on**. Bạn vẫn có thể nhận các tin nhắn.

## Các số liên lạc IM

Trong giao diện **IM contacts**, bạn có thể nhận các danh sách liên lạc trò chuyện từ server, hoặc thêm một số liên lạc trò chuyện mới vào danh sách liên lạc. Khi bạn đăng nhập vào máy chủ, danh sách trò chuyện đã sử dụng trước đó đã được tự động tải về từ máy chủ.

## Cài đặt server nhắn tin trò chuyện

Chọn **Options > Settings > Server settings**. Bạn có thể nhận các thông số về dịch vụ Web dưới dạng một tin nhắn văn bản đặc biệt từ nhà điều hành mạng hoặc từ nhà cung cấp dịch vụ trò chuyện. Bạn sẽ nhận Mã thuê bao và mật mã từ nhà cung cấp dịch vụ khi bạn đăng ký dịch vụ này. Nếu bạn không biết Mã thuê bao hoặc mật mã, liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

**Servers**—Xem danh sách tất cả các server IM đã được xác định.

**Default server**—Đổi server IM sang server bạn muốn kết nối.

**IM login type**—Để tự động đăng nhập khi khởi động IM, chọn **On app. start-up**.

Để thêm một server mới vào danh sách server IM, chọn **Servers > Options > New server**. Nhập các cài đặt sau:

**Server name**—tên của server trò chuyện

**Access point in use**—diểm truy cập bạn muốn sử dụng cho server

**Web address**—địa chỉ URL của server IM

**User ID**—ID người dùng của bạn

**Password**—mật mã đăng nhập của bạn

## Trò chơi

Bấm  , và chọn **My own** và chọn trò chơi. Để biết hướng dẫn về cách chơi trò chơi, chọn **Options > Help**.

# Kết nối



## Kết nối Bluetooth

Bạn có thể kết nối vô tuyến đến các thiết bị tương thích khác qua công nghệ không dây Bluetooth. Các thiết bị tương thích có thể là điện thoại di động, máy vi tính và phụ kiện nâng cấp như tai nghe và bộ phụ kiện trên xe. Bạn có thể sử dụng kết nối Bluetooth để gửi hình ảnh, video clip, nhạc và đoạn âm thanh, và ghi chú; để kết nối không dây với máy PC tương thích (ví dụ để truyền dữ liệu); hoặc để kết nối với một máy in tương thích để in hình ảnh bằng chức năng **Image print**. Xem phần "[In ảnh](#)", trên trang [38](#).

Vì các thiết bị sử dụng công nghệ không dây Bluetooth liên lạc qua sóng radio, điện thoại và thiết bị khác không cần phải đặt cùng phương. Hai thiết bị chỉ cần cách nhau không quá 10 mét (33 bộ), tuy nhiên kết nối này có thể bị nhiễu sóng do các vật cản như tường hoặc các thiết bị điện tử khác.

Thiết bị này tuân theo Thông số Bluetooth 1.2 hỗ trợ các cấu hình sau: Cấu hình In Cơ bản, Cấu hình Truy cập Chung, Cấu hình Cổng Song song, Cấu hình Mạng Dial-up, Cấu hình Tai nghe, Cấu hình

Ránh tay, Cấu hình Trao đổi Đối tượng chung, Cấu hình Đẩy Đối tượng, Cấu hình Truyền Tập tin, Cấu hình Hình ảnh Cơ bản, Cấu hình Truy Cập SIM, và Cấu hình Thiết bị Giao diện Cá nhân. Để đảm bảo khả năng vận hành tương tác giữa các thiết bị khác nhau hỗ trợ công nghệ Bluetooth, sử dụng các phụ kiện nâng cấp đã được Nokia phê chuẩn cho kiểu thiết bị này. Kiểm tra với các nhà sản xuất của các thiết bị khác để xác định khả năng tương thích của chúng với thiết bị này.



**Chú giải:** Một cấu hình sẽ tương ứng với một dịch vụ hoặc một chức năng, và xác định cách thức các thiết bị khác có thể kết nối. Ví dụ, Cấu hình Loa nói trực tiếp được sử dụng để kết nối thiết bị loa nói trực tiếp và thiết bị di động. Để các thiết bị tương thích với nhau, chúng phải hỗ trợ cấu hình giống nhau.

Có thể có các hạn chế đối với việc sử dụng công nghệ Bluetooth ở một số nơi. Kiểm tra với các nhà chức trách địa phương hay nhà cung cấp dịch vụ của quý khách.

Các chức năng có sử dụng công nghệ Bluetooth hoặc cho phép các chức năng đó hoạt động ẩn trong

khi đang sử dụng các chức năng khác sẽ làm hao pin và giảm tuổi thọ của pin.

Khi điện thoại bị khóa, bạn không thể sử dụng kết nối Bluetooth. Xem phần “**Security**”, trên trang 114 để biết thêm thông tin về cách khóa thiết bị.

## Cài đặt

Bấm  , và chọn **Connect.** > **Bluetooth**. Khi bạn mở ứng dụng lần đầu tiên, bạn sẽ được yêu cầu xác định tên thiết bị. Sau khi đã kết nối Bluetooth và thay đổi **My phone's visibility** thành **Shown to all**, những người sử dụng có thiết bị sử dụng công nghệ không dây Bluetooth khác có thể nhìn thấy điện thoại và tên này của bạn.

Chọn một trong số các tùy chọn sau:

**Bluetooth**—Chọn **On** hoặc **Off**. Để kết nối không dây với một thiết bị tương thích khác, trước tiên cài Bluetooth **On**, sau đó thiết lập kết nối.

**My phone's visibility**—Để cho phép các thiết bị có công nghệ Bluetooth khác nhận thấy điện thoại của bạn, chọn **Shown to all**. Để giấu không cho các thiết bị khác nhìn thấy, chọn **Hidden**.

**My phone's name**—Chỉnh sửa tên của điện thoại.

**Remote SIM mode**—Để cho phép một thiết bị khác, chẳng hạn như bộ phụ kiện tương thích sử dụng trên

xe, sử dụng thẻ SIM trong điện thoại để kết nối vào mạng, chọn **On**.

## Chế độ sử dụng SIM từ xa

Để sử dụng chế độ sử dụng SIM từ xa với một bộ phụ kiện tương thích sử dụng trên xe, bật kết nối Bluetooth, và cho phép sử dụng chế độ sử dụng SIM từ xa cùng với điện thoại của bạn. Trước khi có thể kích hoạt chế độ này, hai thiết bị phải được ghép với nhau và việc ghép được khởi tạo từ phụ kiện. Khi ghép, sử dụng mật mã gồm 16 chữ số, và cài phụ kiện là được phép. Xem phần “**Ghép nối thiết bị**”, trên trang 95. Kích hoạt chế độ sử dụng SIM từ xa từ phụ kiện.

Khi bật chế độ sử dụng SIM từ xa trong Nokia N80, **Remote SIM** sẽ được hiển thị ở chế độ chờ. Kết nối với mạng không dây sẽ bị ngắt, như được chỉ báo bởi biểu tượng  trong vùng chỉ báo cường độ tín hiệu, và bạn không thể sử dụng các dịch vụ thẻ SIM hay các chức năng đòi hỏi điện thoại nằm trong vùng phủ sóng. Tuy nhiên, kết nối mạng LAN không dây vẫn hoạt động ở chế độ sử dụng SIM từ xa.

Khi thiết bị vô tuyến ở chế độ sử dụng SIM từ xa, quý khách chỉ có thể sử dụng phụ kiện kết nối tương thích, chẳng hạn như bộ phụ kiện sử dụng trên xe, để thực hiện hoặc nhận các cuộc gọi. Thiết bị vô tuyến của quý khách sẽ không thể thực hiện bất cứ

cuộc gọi nào khi ở chế độ này, trừ khi gọi cho những số khẩn cấp đã được lập trình trong thiết bị của quý khách. Để thực hiện các cuộc gọi đi từ thiết bị của quý khách, trước tiên quý khách phải thoát ra khỏi chế độ sử dụng SIM từ xa. Nếu thiết bị đã bị khóa, nhập mã khóa để mở khóa trước.

Để thoát khỏi chế độ sử dụng SIM từ xa, bấm phím nguồn, và chọn **Exit rem. SIM mode**.

## Các mẹo bảo mật

Khi bạn không sử dụng kết nối Bluetooth, chọn **Bluetooth > Off** hoặc **My phone's visibility > Hidden**.

Không ghép nối với thiết bị lạ.

## Gửi dữ liệu sử dụng kết nối Bluetooth

Bạn có thể kích hoạt nhiều kết nối Bluetooth cùng một thời điểm. Ví dụ, nếu bạn kết nối với một tai nghe tương thích, bạn cũng có thể truyền dữ liệu đến thiết bị tương thích khác cùng lúc.

### Chỉ báo kết nối Bluetooth

- Khi  hiển thị ở chế độ chờ, có nghĩa là kết nối Bluetooth được bật.

- Khi biểu tượng  nhấp nháy, điện thoại của bạn đang tìm cách kết nối với thiết bị khác.
- Khi biểu tượng  được hiển thị liên tục, dữ liệu đang được truyền qua kết nối Bluetooth.

 **Mẹo!** Để gửi văn bản sử dụng kết nối Bluetooth, mở **Notes**, viết văn bản, và chọn **Options > Send > Via Bluetooth**.

- Mở một ứng dụng có lưu mục mà bạn muốn gửi. Ví dụ, để gửi một hình ảnh đến một thiết bị tương thích khác, mở **Gallery**.
- Chọn mục và chọn **Options > Send > Via Bluetooth**. Các thiết bị sử dụng công nghệ không dây Bluetooth trong phạm vi kết nối bắt đầu xuất hiện trên màn hình.  
Các biểu tượng thiết bị:  máy tính,  điện thoại,  thiết bị âm thanh hoặc video, và  thiết bị khác.  
Để hủy bỏ việc dò tìm, chọn **Stop**.
- Chọn thiết bị bạn muốn kết nối đến.
- Nếu thiết bị khác yêu cầu ghép nối trước khi có thể truyền dữ liệu, một âm báo sẽ phát ra, và bạn được yêu cầu nhập mã khóa. Xem phần "[Ghép nối thiết bị](#)", trên trang 95.
- Khi kết nối đã được thiết lập, thông báo **Sending data** sẽ hiển thị.

Thư mục **Sent** trong **Messag**. sẽ không lưu các tin nhắn được gửi qua kết nối Bluetooth.

 **Mẹo!** Khi đang dò tìm thiết bị, một vài thiết bị chỉ có thể hiển thị địa chỉ duy nhất (địa chỉ thiết bị). Để tìm địa chỉ duy nhất của điện thoại, nhập mã **\*#2820#** vào khi ở chế độ chờ.

## Ghép nối thiết bị

Để mở giao diện các thiết bị đã ghép nối (, trong giao diện chính của ứng dụng **Bluetooth**, bấm .

Trước khi ghép nối, hãy tạo mã khóa riêng của bạn (1–16 chữ số), và thỏa thuận với người sở hữu thiết bị kia sử dụng cùng mã khóa này. Những thiết bị không có giao diện người dùng có một mã khóa được cài trước. Mật mã chỉ có thể sử dụng một lần.

Để ghép nối với một thiết bị, chọn **Options > New paired device**. Các thiết bị sử dụng công nghệ không dây Bluetooth trong phạm vi kết nối bắt đầu xuất hiện trên màn hình. Chọn thiết bị, và nhập mã khóa vào. Bạn cũng cần nhập mã khóa này vào thiết bị kia. Sau khi ghép nối, thiết bị sẽ được lưu vào giao diện các thiết bị ghép nối.

Các thiết bị đã ghép được hiển thị bởi  trong mục tìm kiếm thiết bị.

Để gán hoặc không gán quyền cho thiết bị, di chuyển đến một thiết bị, và chọn các tùy chọn sau:

**Set as authorised**—Các kết nối giữa điện thoại và thiết bị này có thể được thực hiện mà bạn không biết. Bạn không cần chấp nhận hoặc gán quyền. Sử dụng trạng thái này cho các thiết bị của bạn, ví dụ như tai nghe hoặc máy PC tương thích, hoặc các thiết bị của người mà bạn tin cậy.  cho biết các thiết bị được gán quyền trong giao diện thiết bị ghép nối.

**Set as unauthorised**—Yêu cầu kết nối từ thiết bị này phải được chấp nhận tuần tự.

Để hủy một ghép nối, di chuyển đến thiết bị và chọn **Options > Delete**. Nếu bạn muốn hủy tất cả các ghép nối, chọn **Options > Delete all**.

 **Mẹo!** Nếu bạn đang kết nối với một thiết bị và xóa ghép nối với thiết bị đó, ghép nối sẽ được xóa ngay và kết nối sẽ bị ngừng.

## Nhận dữ liệu sử dụng kết nối Bluetooth

Khi bạn nhận dữ liệu qua kết nối Bluetooth, một âm báo sẽ phát ra và máy sẽ hỏi bạn có muốn nhận tin nhắn không. Nếu bạn chấp nhận, biểu tượng  sẽ hiển thị và mục này sẽ được đặt vào thư mục **Inbox** trong **Messages**. Các tin nhắn nhận được qua Bluetooth được chỉ báo bằng . Xem phần “[Hộp thư đến—nhận tin nhắn](#)”, trên trang 50.

## Tắt kết nối Bluetooth

Để tắt kết nối Bluetooth, chọn **Bluetooth > Off.**

## 01)) Kết nối hồng ngoại

Qua hồng ngoại, bạn có thể truyền dữ liệu như danh thiếp, ghi chú lịch, và các tập tin media với một thiết bị tương thích.

Không hướng tia hồng ngoại (IR) vào mắt của bất cứ người nào hoặc để tia hồng ngoại gây nhiễu cho các thiết bị IR khác. Thiết bị này là sản phẩm lade Cấp 1.

### Gửi và nhận dữ liệu qua hồng ngoại

- 1 Bảo đảm rằng cổng hồng ngoại của các thiết bị gửi và nhận đang hướng vào nhau, và không có vật cản nào giữa các thiết bị. Khoảng cách tối ưu giữa hai thiết bị tối đa là 1 mét (3 bộ).
- 2 Người nhận sẽ kích hoạt cổng hồng ngoại. Để khởi động cổng hồng ngoại của điện thoại để nhận dữ liệu qua hồng ngoại, bấm  , và chọn **Connect. > Infrared.**
- 3 Người gửi sẽ chọn chức năng hồng ngoại theo ý muốn để bắt đầu truyền dữ liệu.

Để gửi dữ liệu qua hồng ngoại, tìm tập tin muốn gửi trong một ứng dụng hoặc trình quản lý tập tin, và chọn **Options > Send > Via infrared.**

Nếu việc truyền dữ liệu không bắt đầu trong vòng 1 phút sau khi khởi động cổng hồng ngoại, việc kết nối sẽ bị hủy và phải được bắt đầu lại.

Tất cả các mục nhận được qua hồng ngoại sẽ được chuyển vào thư mục **Inbox** trong **Messaging**.

Tin nhắn hồng ngoại mới được chỉ báo bằng.

Khi  nháy nháy, điện thoại sẽ tìm cách kết nối với thiết bị khác hoặc kết nối đã bị mất.

Khi biểu tượng  hiển thị liên tục, kết nối hồng ngoại đã được kích hoạt và điện thoại sẵn sàng gửi và nhận dữ liệu qua cổng hồng ngoại.



### Data cable

Bấm  , và chọn **Connect. > Data cable**. Trong menu **Data cable mode**, chọn mục đích sử dụng kết nối cáp dữ liệu USB: **PC Suite** hoặc **Data transfer**. Để cài điện thoại hỏi mục đích kết nối mỗi lần cáp được nối, chọn **Ask on connection**.

# Kết nối với máy PC

Bạn có thể sử dụng điện thoại với các chương trình ứng dụng đa dạng của các truyền thông dữ liệu và kết nối với máy PC tương thích. Với bộ Nokia PC Suite bạn có thể, ví dụ, truyền hình ảnh giữa điện thoại của bạn và một máy PC tương thích.

Luôn tạo kết nối từ máy PC để đồng bộ dữ liệu với điện thoại.



## Modem

Bạn có thể sử dụng điện thoại làm modem để kết nối vào internet bằng một máy PC tương thích.

Bấm và chọn **Connect. > Modem**.

Trước khi có thể sử dụng điện thoại làm modem, bạn phải:

- Cài đặt phần mềm giao tiếp dữ liệu thích hợp trong máy PC.
- Đăng ký với các dịch vụ mạng thích hợp từ nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà cung cấp dịch vụ internet.
- Cài đặt các trình điều khiển thích hợp (driver) trên máy PC. Bạn phải cài đặt các trình điều khiển (driver) cho kết nối cáp dữ liệu USB, và bạn cần

cài đặt hoặc cập nhật các trình điều khiển cho Bluetooth hoặc hồng ngoại.

Để kết nối điện thoại với một máy PC tương thích sử dụng cổng hồng ngoại, bấm phím di chuyển. Bảo đảm rằng cổng hồng ngoại của điện thoại và của máy PC đang hướng vào nhau, và không có vật cản nào giữa các thiết bị. Xem phần “[Kết nối hồng ngoại](#)”, trên trang 96.

Để kết nối điện thoại với một máy PC sử dụng kết nối Bluetooth, kích hoạt kết nối từ máy PC. Để kích hoạt kết nối Bluetooth trong điện thoại, bấm , và chọn **Connect. > Bluetooth** và **Bluetooth > On**. Xem phần “[Kết nối Bluetooth](#)”, trên trang 92.

Để kết nối điện thoại với một máy PC tương thích sử dụng cáp dữ liệu USB, kích hoạt kết nối từ máy PC.

Bạn có thể tìm thấy các hướng dẫn cài đặt chi tiết trong hướng dẫn sử dụng dành cho Nokia PC Suite.

**Mẹo!** Để kết nối điện thoại và máy PC tương thích và để sử dụng Nokia PC Suite trong lần kết nối đầu tiên, hãy sử dụng chức năng Nokia PC Suite wizard hiện có trong Nokia PC Suite.



## Quản lý kết nối

Bấm , và chọn **Connect.** > **Conn. mgr..** Để xem tình trạng của các kết nối dữ liệu hoặc ngừng kết nối trong mạng GSM và UMTS và mạng LAN không dây, chọn **Act. data conn..** Để tìm kiếm mạng LAN không dây trong phạm vi, chọn **Availab. WLAN.**

### Kết nối dữ liệu

Trong giao diện các kết nối hoạt động, bạn có thể xem các kết nối dữ liệu mở: các cuộc gọi dữ liệu (), các kết nối dữ liệu gói ( hoặc ), và các kết nối mạng LAN không dây ().



**Lưu ý:** Thời gian thực sự mà nhà cung cấp dịch vụ tính cước cho các cuộc gọi có thể khác nhau, tùy thuộc các tính năng mạng, hoàn tất việc thanh toán, v.v...

Để ngừng một kết nối, chọn **Options > Disconnect.** Để đóng tất cả các kết nối đang mở, chọn **Options > Disconnect all.**

Để xem chi tiết của một phiên kết nối, chọn **Options > Details.** Các chi tiết được hiển thị tùy thuộc vào loại kết nối.

### Mạng LAN không dây

Giao diện mạng LAN không dây khả dụng hiển thị một danh sách những mạng LAN không dây trong phạm vi, chế độ mạng của chúng (**Infrastructure** hoặc **Ad-hoc**), và chỉ báo cường độ tín hiệu. Biểu tượng được hiển thị cho các mạng có mã hóa, và biểu tượng hiển thị nếu điện thoại của bạn có một kết nối hoạt động trong mạng này.

Để xem chi tiết của một mạng, chọn **Options > Details.**

Để tạo một điểm truy cập internet trong một mạng, chọn **Options > Define access point.**



### Đồng bộ hóa

Bấm , và chọn **Connect. > Sync.** Ứng dụng **Sync** cho phép bạn đồng bộ ghi chú, lịch, hoặc danh bạ với các ứng dụng lịch và danh bạ tương thích khác nhau trên máy tính tương thích hoặc trên internet. Bạn cũng có thể tạo hoặc chỉnh sửa các cài đặt đồng bộ hóa.

Ứng dụng đồng bộ sử dụng công nghệ SyncML để đồng bộ. Để có thêm thông tin về tính tương thích SyncML, xin liên hệ với nhà cung cấp ứng dụng mà bạn muốn đồng bộ dữ liệu của điện thoại.

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt đồng bộ dưới dạng một tin nhắn văn bản đặc biệt. Xem phần “[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)”, trên trang [51](#).

## Đồng bộ dữ liệu

Trong giao diện chính của **Sync**, bạn có thể thấy các cấu hình đồng bộ khác nhau.

- Chọn một cấu hình đồng bộ và **Options > Synchronise**. Tình trạng đồng bộ sẽ hiển thị trên màn hình.  
Để hủy quá trình đồng bộ trước khi kết thúc, chọn **Cancel**.
- Bạn sẽ được thông báo khi quá trình đồng bộ hoàn tất. Chọn **Yes** để xem tập tin báo cáo cho biết tình trạng đồng bộ và số mục nhập đã được thêm vào, cập nhật, xóa, hoặc hủy (không đồng bộ) trong điện thoại của bạn hoặc trên server.



# Trình quản lý thiết bị

## Cấu hình server

Để kết nối với server và nhận thông số cài đặt cấu hình cho điện thoại, để tạo cấu hình server mới, hoặc để xem và quản lý các cấu hình server đã có, bấm , chọn **Connect. > Device mgr.** và di chuyển sang phải.

Bạn có thể nhận thông số cài đặt cho các cấu hình server và các thông số cài đặt cấu hình khác nhau từ nhà cung cấp dịch vụ và bộ phận quản lý thông tin của công ty. Các cài đặt cấu hình này có thể bao gồm kết nối và các cài đặt khác dùng bởi các ứng dụng khác trong điện thoại.

Di chuyển đến một cấu hình server, sau đó chọn **Options** và chọn một trong các tùy chọn sau:

**Start configuration**—Để kết nối với server này và nhận thông số cài đặt cấu hình cho điện thoại

**New server profile**—Để tạo một cấu hình server.

**Edit profile**—Để thay đổi các thông số cài đặt cấu hình.

**View log**—Để xem nhật ký định cấu hình của cấu hình.

Để xoá một cấu hình server, di chuyển đến cấu hình này, và bấm .

## Cài đặt cấu hình server

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để nhận được các cài đặt phù hợp.

**Server name**—Nhập tên server cấu hình.

**Server ID**—Nhập mã ID để xác nhận server cấu hình.

**Server password**—Nhập mật mã để nhận dạng điện thoại với server.

**Access point**—Chọn một điểm truy cập sẽ được sử dụng khi kết nối với server.

**Host address**—Nhập địa chỉ URL của server.

**Port**—Nhập số cổng của server.

**User name và Password**—Nhập tên thuê bao và mật mã của bạn.

**Allow configuration**—Để cho phép nhận cài đặt cấu hình từ server, chọn **Yes**.

**Auto-accept all requests**—Để cài điện thoại yêu cầu xác nhận của bạn trước khi nhận một cấu hình từ server, chọn **No**.

**Network authentication**—Chọn sử dụng hoặc không sử dụng xác thực mạng.

## Cập nhật phần mềm

Để xem hoặc cập nhật phiên bản phần mềm hiện thời của điện thoại, hoặc để kiểm tra ngày cập nhật trước đó (dịch vụ mạng), bấm  và chọn **Connect > Device mgr..**

Để kiểm tra xem có cập nhật phần mềm không, chọn **Options > Check for updates**. Chọn điểm truy cập internet khi được hỏi.

Nếu có một cập nhật khả dụng, thông tin về cập nhật này sẽ hiển thị. Chọn **Accept** để chấp nhận gói cập nhật tải xuống hoặc **Cancel** để hủy phần tải xuống. Việc tải xuống có thể mất vài phút. Bạn có thể sử dụng điện thoại trong khi tải dữ liệu xuống.

Việc tải các cập nhật phần mềm xuống từ mạng có thể đòi hỏi phải chuyển khối lượng lớn dữ liệu qua mạng của nhà cung cấp dịch vụ. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của quý khách để biết các thông tin về phí chuyển dữ liệu.

Bảo đảm rằng pin của thiết bị có đủ điện, hoặc được kết nối với bộ sạc trước khi bắt đầu cập nhật.

 **Cảnh báo:** Nếu quý khách cài đặt cập nhật phần mềm, quý khách sẽ không thể sử dụng thiết bị, kể cả việc thực hiện các cuộc gọi khẩn cấp, cho tới khi cài đặt xong và thiết bị được khởi động lại. Bảo đảm sao lưu dữ liệu trước khi chấp nhận cài đặt cập nhật.

Khi tải xuống hoàn tất, chọn **Yes** và sau đó chọn **Accept** để cài đặt cập nhật, hoặc **No** để cài đặt cập nhật sau bằng cách sử dụng **Options > Install update**. Việc cài đặt có thể mất vài phút. Điện thoại sẽ cập nhật phần mềm và khởi động lại. Để hoàn tất quá trình cập nhật, chọn **OK**. Chọn điểm truy cập internet khi được hỏi. Điện thoại sẽ gửi tình trạng cập nhật phần mềm đến server.

Để xem cài đặt cấu hình server được sử dụng để cập nhật phần mềm, chọn **Options > Settings**.

# Các ứng dụng văn phòng



## Máy tính

Để cộng, trừ, nhân, chia, tính căn bậc hai và tỷ lệ phần trăm, bấm , và chọn **Office > Calculator**.

- Lưu ý:** Máy tính có độ chính xác giới hạn và được thiết kế để thực hiện các phép tính đơn giản.



## Bộ chuyển đổi

Để chuyển đổi các số đo từ một đơn vị về một đơn vị khác, bấm , và chọn **Office > Converter**.

**Converter** có độ chính xác giới hạn, và có thể có các lỗi làm tròn.

- Trong trường **Type**, chọn số đo bạn muốn sử dụng.
- Trong trường **Unit** đầu tiên, chọn đơn vị bạn muốn chuyển đổi. Trong trường **Unit** kế tiếp, chọn đơn vị bạn muốn đổi ra.

- Trong trường **Amount** đầu tiên, nhập giá trị bạn muốn chuyển đổi. Các trường **Amount** khác sẽ tự động thay đổi để hiển thị giá trị chuyển đổi.

## Xác định loại tiền tệ gốc và tỉ giá chuyển đổi

Chọn **Type > Currency > Options > Currency rates**. Trước khi thực hiện chuyển đổi tiền tệ, bạn cần chọn một loại tiền tệ cơ sở và thêm các tỉ giá chuyển đổi. Tỉ giá của tiền tệ gốc luôn luôn là 1.

- Lưu ý:** Khi thay đổi tiền tệ gốc, bạn phải nhập tỉ giá mới vào vì tất cả các tỉ giá được cài trước đó sẽ bị xóa.



## Ghi chú

Để viết ghi chú, bấm , và chọn **Office > Notes**. Bạn có thể gửi nội dung ghi chú đến các thiết bị tương thích và lưu các tập văn bản đơn giản (dạng .txt) mà bạn nhận được vào **Notes**.

Để in một ghi chú lịch trên một máy in tương thích có tính năng Basic Print Profile (BPP) qua kết nối Bluetooth (chẳng hạn như Máy In Di Động HP Deskjet 450 hoặc HP Photosmart 8150), chọn **Options > Print**.



## Máy ghi âm

Để ghi một memo thoại, bấm , và chọn **Office > Recorder**. Để ghi một cuộc trò chuyện điện thoại, mở **Recorder** trong khi nói chuyện điện thoại. Cả người gọi và người nhận sẽ nghe một âm báo mỗi 5 giây khi ghi âm.

# Cài đặt riêng điện thoại

- Để sử dụng màn hình chờ để truy cập nhanh đến các ứng dụng được sử dụng thường xuyên, xem phần “[Chế độ Active standby](#)”, trên trang [106](#).
- Để thay đổi hình nền ở chế độ chờ hoặc nội dung hiển thị trong màn hình riêng, xem phần “[Thay đổi giao diện điện thoại](#)”, trên trang [106](#).
- Để cài đặt riêng kiểu chuông, xem phần “[Profiles—cài âm](#)”, trên trang [104](#) và phần “[Gán nhạc chuông cho các số liên lạc](#)”, trên trang [62](#).
- Để thay đổi các phím tắt được gán cho các hướng di chuyển khác nhau của phím di chuyển và các phím chọn trái và phải khi ở chế độ chờ, xem phần “[Standby mode](#)”, trên trang [108](#).
- Để thay đổi đồng hồ hiển thị ở chế độ chờ, bấm  , và chọn [Clock > Options > Settings > Clock type > Analogue](#) hoặc [Digital](#).



- Để thay lời chào bằng một hình tĩnh hoặc một hình động, bấm  , và chọn [Tools > Settings > Phone > General > Welcome note / logo](#).
- Để thay đổi kiểu xem menu chính, trong menu chính, chọn [Options > Change view > Grid](#) hoặc [List](#).
- Để sắp xếp lại menu chính, trong menu chính, chọn [Options > Move, Move to folder](#), hoặc [New folder](#). Bạn có thể di chuyển các ứng dụng ít sử dụng vào trong các thư mục, và sắp xếp các ứng dụng thường dùng vào menu chính.



## Profiles—cài âm

Để cài và tùy chỉnh nhạc chuông, âm báo tin nhắn, và các âm báo khác cho các sự kiện, môi trường, hoặc nhóm người gọi đến khác nhau, bấm  , và chọn [Tools > Profiles](#).

Để thay đổi cấu hình, bấm  khi ở chế độ chờ. Di chuyển đến cấu hình bạn muốn kích hoạt và chọn [OK](#).

Để chỉnh sửa một cấu hình, bấm  , và chọn **Tools > Profiles**. Di chuyển đến cấu hình, và chọn **Options > Personalise**. Di chuyển đến cài đặt bạn muốn thay đổi và bấm  để mở các tùy chọn. Các nhạc chuông lưu trữ trong thẻ nhớ được chỉ báo bằng  . Bạn có thể xem qua danh sách nhạc chuông và nghe từng giai điệu trước khi quyết định chọn. Bấm phím bất kỳ để ngừng âm báo.

Khi bạn chọn một kiểu chuông, **Tone downloads** (dịch vụ mạng) sẽ mở một danh sách các chủ mục. Bạn có thể chọn một chủ mục và bắt đầu kết nối với trang web để tải các kiểu chuông đó về.

Nếu bạn muốn điện thoại đọc tên người gọi khi đổ chuông, chọn **Options > Personalise**, và cài **Say caller's name** là **On**. Tên người gọi phải được lưu trong **Contacts**.

Để tạo một cấu hình mới, chọn **Options > Create new**.

## Cấu hình không trực tuyến

Cấu hình **Offline** cho phép bạn sử dụng điện thoại mà không cần kết nối với mạng không dây. Khi bạn kích hoạt cấu hình **Offline** kết nối với mạng vô tuyến sẽ tắt và được chỉ báo bằng thanh chỉ báo cường độ tín hiệu  . Tất cả tín hiệu RF vô tuyến đi và đến

điện thoại đều bị cấm. Nếu bạn cố gửi tin nhắn, chúng sẽ được đưa vào hộp thư đi để gửi sau.

 **Cảnh báo:** Trong cấu hình không trực tuyến, quý khách không thể gọi hoặc nhận bất kỳ cuộc gọi nào hoặc sử dụng các chức năng khác yêu cầu phải nằm trong vùng phủ sóng của mạng di động. Vẫn có thể thực hiện các cuộc gọi đến số điện thoại khẩn cấp chính thức đã được lập trình trong thiết bị của quý khách. Để thực hiện các cuộc gọi, quý khách phải kích hoạt chức năng của điện thoại trước bằng cách thay đổi các cấu hình. Nếu thiết bị đã bị khóa, hãy nhập mã khóa vào.

Khi kích hoạt cấu hình **Offline**, bạn vẫn có thể sử dụng mạng LAN không dây (nếu có), ví dụ, để đọc e-mail hoặc trình duyệt trên Internet. Hãy nhớ tuân theo các yêu cầu an toàn có thể áp dụng khi thiết lập và sử dụng kết nối mạng LAN không dây. Xem phần “**Mạng LAN không dây**”, trên trang 6.

Để thoát khỏi cấu hình **Offline**, bấm phím nguồn, và chọn một cấu hình khác. Điện thoại sẽ kích hoạt lại các phiên truyền vô tuyến (với điều kiện cường độ tín hiệu đủ mạnh). Nếu một kết nối Bluetooth được kích hoạt trước khi vào cấu hình **Offline**, kết nối này sẽ bị ngắt. Kết nối Bluetooth sẽ tự động được kích hoạt trở lại sau khi thoát khỏi cấu hình **Offline**. Xem phần “**Cài đặt**”, trên trang 93.



## Thay đổi giao diện điện thoại

Để thay đổi giao diện màn hình, ví dụ như hình nền và các biểu tượng, bấm , và chọn **Tools > Themes**.

Chú đề hiện hành được chỉ báo bằng . Trong **Themes**, bạn có thể nhóm các phần tử từ các chủ đề khác hoặc chọn các hình ảnh trong **Gallery** để cá nhân hóa chủ đề hơn nữa. Các chủ đề trên thẻ nhớ (nếu có) được chỉ báo bởi biểu tượng . Các chủ đề trên thẻ nhớ sẽ không khả dụng khi thẻ nhớ không được lắp vào điện thoại. Nếu bạn muốn sử dụng các chủ đề được lưu trong thẻ nhớ mà không cần đến thẻ nhớ, lưu các chủ đề này vào bộ nhớ điện thoại trước.

Để mở một kết nối trình duyệt và tải về thêm nhiều chủ đề, chọn **Theme downloads**.

Để kích hoạt một chủ đề, di chuyển đến chủ đề đó, và chọn **Options > Apply**. Để xem một chủ đề trước khi kích hoạt, chọn **Options > Preview**.

Để chỉnh sửa các chủ đề, di chuyển đến một chủ đề, và chọn **Options > Edit** để thay đổi **Wallpaper** và cài đặt **Power saver**.

Để khôi phục chủ đề được chọn trở về cài đặt gốc, chọn **Options > Restore orig. theme** khi bạn chỉnh sửa một chủ đề.

## Chế độ Active standby

Sử dụng màn hình chờ để truy cập nhanh vào các ứng dụng bạn thường sử dụng. Theo mặc định, chế độ chờ sẽ được bật.

Bấm , chọn **Tools > Settings > Phone > Standby mode > Active standby**, và bấm để bật hoặc tắt chế độ chờ.

Màn hình chờ sẽ được hiển thị với các ứng dụng mặc định ở phía trên màn hình, và lịch, công-việc, và các sự kiện của trình phát được liệt kê bên dưới.

Di chuyển đến một ứng dụng hoặc sự kiện và bấm .

Bạn không thể sử dụng các phím tắt của phím di chuyển chuẩn ở chế độ chờ khi chế độ chờ đang được kích hoạt.

Để thay đổi phím tắt của các ứng dụng mặc định, , chọn **Tools > Settings > Phone > Standby mode > Active standby apps.**, và bấm .

Một số phím tắt đã được cài cố định và bạn không thể thay đổi các phím tắt này.



# Tools

## Phím đa phương tiện

Để mở phím tắt được gán cho phím đa phương tiện, bấm và giữ ◊. Để mở danh sách các ứng dụng đa phương tiện, bấm ◊. Để mở ứng dụng bạn muốn, sử dụng phím di chuyển. Để thoát khỏi danh sách mà không chọn một ứng dụng, bấm ◊.

Để đổi các phím tắt, bấm ◊, và di chuyển xuống.

Để đổi phím tắt mặc định, chọn **Multimedia key**.

Để thay đổi các ứng dụng được hiển thị khi bấm ◊, chọn **Top**, **Left**, **Middle**, và **Right** và chọn ứng dụng.

Một số phím tắt đã được cài cố định và bạn không thể thay đổi các phím tắt này.



## Settings

Để thay đổi cài đặt, bấm ◊ và chọn **Tools > Settings**. Để mở một nhóm cài đặt, bấm ◉. Di chuyển đến một cài đặt bạn muốn thay đổi và bấm ◉.

Nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ có thể cài sẵn một số cài đặt cho điện thoại, và có khả năng bạn không thể thay đổi các cài đặt này.

### Phone



#### General

**Phone language**—Việc thay đổi ngôn ngữ của văn bản hiển thị trên điện thoại cũng sẽ ảnh hưởng đến dạng hiển thị ngày giờ và các dấu phân cách được sử dụng, ví dụ như trong các phép tính. **Automatic** chọn ngôn ngữ theo thông tin trên thẻ SIM. Sau khi thay đổi ngôn ngữ văn bản hiển thị, điện thoại sẽ khởi động lại.

Việc thay đổi các cài đặt của **Phone language** hoặc **Writing language** sẽ ảnh hưởng lên mọi ứng dụng trong máy và những thay đổi vẫn có hiệu lực cho đến khi bạn lại thay đổi các cài đặt này lần nữa.

**Writing language**—Việc thay đổi ngôn ngữ cũng tác động đến các ký tự và ký tự đặc biệt được sử dụng khi soạn thảo văn bản cũng như khi sử dụng từ điển hỗ trợ kiểu nhập văn bản tiên đoán.

**Predictive text**—Cài kiểu nhập văn bản tiên đoán là **On** hoặc **Off** cho tất cả các chương trình chỉnh sửa trên điện thoại. Từ điển hỗ trợ kiểu nhập văn bản tiên đoán sẽ không có sẵn cho tất cả ngôn ngữ.

**Welcome note / logo**—Lời chào hoặc biểu tượng sẽ được hiển thị nhanh mỗi khi bạn bật điện thoại. Chọn **Default** để sử dụng hình ảnh mặc định, **Text** để nhập lời chào, hoặc **Image** để chọn một hình ảnh trong **Gallery**.

**Orig. phone settings**—Bạn có thể cài lại một số cài đặt trở về giá trị ban đầu. Để thực hiện, bạn cần phải có mã khóa. Xem phần “[Security](#)”, “[Phone and SIM](#)”, trên trang [114](#). Sau khi cài đặt lại, điện thoại có thể khởi động lâu hơn. Các tài liệu và tập tin sẽ không bị ảnh hưởng.

## Standby mode

**Active standby**—Sử dụng các phím tắt tới các ứng dụng ở chế độ chờ. Xem phần “[Chế độ Active standby](#)”, trên trang [106](#).

**Left selection key**—Gán một phím tắt cho phím chọn trái ( ↙ ) ở chế độ chờ.

**Right selection key**—Gán một phím tắt cho phím chọn phải ( ↘ ) ở chế độ chờ.

**Active standby apps**—Chọn các phím tắt của ứng dụng bạn muốn hiển thị ở chế độ chờ. Cài đặt này chỉ có khi chế độ **Active standby** được bật.

Bạn cũng có thể gán các phím tắt trên bàn phím cho những thao tác khác nhau trên phím di chuyển. Phím tắt trên phím di chuyển sẽ không có hiệu lực khi điện thoại bật chế độ chờ.

**Operator logo**—Cài đặt này chỉ khả dụng nếu bạn đã nhận và lưu một logo mạng. Chọn **Off** nếu bạn không muốn hiển thị logo này.

## Display

**Light sensor**—Điều chỉnh độ sáng màn hình sang mức sáng hơn hoặc tối hơn. Tuy nhiên, trong điều kiện vô cùng sáng, độ sáng của màn hình sẽ được điều chỉnh tự động.

**Power saver time-out**—Chọn thời gian chờ mà sau đó trình tiết kiệm điện sẽ được kích hoạt.

**Sleep mode**—Chọn tắt hoặc không tắt màn hình để tiết kiệm nguồn pin 20 phút sau khi trình tiết kiệm điện được kích hoạt. Khi màn hình tắt, đèn LED nhấp nháy để cho biết điện thoại vẫn đang bật.

**Light time-out**—Chọn thời gian mà sau đó đèn nền trên màn hình sẽ tắt.



## Call settings

**Send my caller ID**—Bạn có thể cài hiển thị (**Yes**) hoặc ẩn (**No**) số điện thoại của bạn trên máy của người mà bạn đang gọi, hoặc giá trị này có thể được nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ cài đặt trước khi bạn đăng ký thuê bao (**Set by network**) (dịch vụ mạng).

**Call waiting**—Nếu bạn đã kích hoạt chức năng cuộc gọi chờ (dịch vụ mạng), mạng sẽ thông báo cho bạn biết có cuộc gọi mới trong khi đang gọi. Bật (**Activate**) hoặc tắt (**Cancel**) chức năng cuộc gọi chờ, hoặc kiểm tra xem chức năng này có được kích hoạt hay không (**Check status**).

**Reject call with SMS**—Chọn **Yes** để gửi tin nhắn văn bản đến người gọi nhằm thông báo lý do bạn không thể trả lời cuộc gọi. Xem phần “**Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi**”, trên trang 70.

**Message text**—Viết đoạn văn bản sẽ được gửi dưới dạng tin nhắn văn bản khi bạn từ chối một cuộc gọi.

**Image in video call**—Nếu video không được gửi trong một cuộc gọi video, bạn có thể chọn một hình tĩnh để hiển thị thay cho video.

**Automatic redial**—Chọn **On**, và điện thoại sẽ cố gọi lại tối đa 10 lần sau lần gọi không thành công. Để ngừng chức năng gọi lại tự động, bấm **Esc**.

**Summary after call**—Kích hoạt cài đặt này để điện thoại hiển thị vẫn tắt thời lượng xấp xỉ của cuộc gọi sau cùng.

**Speed dialling**—Chọn **On**, bấm và giữ phím này để quay các số điện thoại đã được gán cho các phím quay nhanh ( **2** — **9** ). Xem thêm phần “**Quay nhanh một số điện thoại**”, trên trang 65.

**Anykey answer**—Chọn **On**, và bạn có thể trả lời cuộc gọi đến bằng cách bấm nhanh phím bất kỳ, ngoại trừ phím **End**, **Esc**, **0**, và **Esc**.

**Line in use**—Cài đặt này (dịch vụ mạng) chỉ được hiển thị khi thẻ SIM hỗ trợ hai số thuê bao, nghĩa là có hai số điện thoại thuê bao. Chọn số điện thoại bạn muốn sử dụng để thực hiện cuộc gọi và gửi tin nhắn văn bản. Bạn có thể trả lời cuộc gọi trên cả hai số máy bất kể đã chọn số máy nào. Nếu bạn chọn **Line 2** nhưng chưa thuê bao dịch vụ mạng này, bạn sẽ không thực hiện được cuộc gọi. Khi số máy 2 được chọn, **2** sẽ hiển thị khi ở chế độ chờ.



**Mẹo!** Để chuyển đổi giữa các số máy, bấm và giữ **#** khi ở chế độ chờ.

**Line change**—Để ngăn việc lựa chọn số thuê bao (dịch vụ mạng), chọn **Disable** nếu được thẻ SIM hỗ trợ. Để thay đổi cài đặt này, bạn cần mã PIN2.



## Connection

### Kết nối dữ liệu và điểm truy cập

Điện thoại của bạn hỗ trợ các kết nối truyền dữ liệu gói (dịch vụ mạng), chẳng hạn như GPRS trong mạng GSM. Khi bạn sử dụng điện thoại trong các mạng GSM và UMTS, các kết nối đa dữ liệu có thể được kích hoạt cùng lúc và các điểm truy cập có thể dùng chung một kết nối dữ liệu. Trong mạng UMTS, kết nối dữ liệu vẫn được duy trì trong khi diễn ra các cuộc gọi thoại.

Bạn cũng có thể sử dụng một kết nối dữ liệu mạng LAN không dây. Xem phần “[Mạng LAN không dây](#)”, trên trang 6. Chỉ có thể có một kết nối hoạt động trong một mạng LAN không dây cùng một lúc.

Để thiết lập một kết nối dữ liệu, bạn cần phải có một điểm truy cập. Bạn có thể xác định nhiều điểm truy cập khác nhau, ví dụ như:

- Điểm truy cập MMS dùng để gửi và nhận tin nhắn đa phương tiện.

- Điểm truy cập dành cho ứng dụng Web để xem các trang WML hoặc XHTML.
- Điểm truy cập (IAP) dùng để gửi và nhận e-mail và kết nối vào Internet.

Đối với các dịch vụ bạn muốn truy cập, bạn cần phải tham khảo ý kiến nhà cung cấp dịch vụ về loại điểm truy cập. Để biết tính khả dụng và thuê bao dịch vụ kết nối dữ liệu gói, hãy liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

### Access points

Bạn có thể nhận cài đặt điểm truy cập dưới dạng tin nhắn từ nhà cung cấp dịch vụ. Xem phần “[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)”, trên trang 51. Một số hoặc tất cả các điểm truy cập có thể được cài sẵn cho điện thoại của bạn bởi nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng, và bạn không thể thay đổi, tạo mới, chỉnh sửa, hay xóa chúng. cho biết điểm truy cập được bảo vệ.

Biểu tượng cho biết điểm truy cập dữ liệu gói, và cho biết điểm truy cập mạng LAN không dây.

**Mẹo!** Để tạo điểm truy cập Internet trong một mạng LAN không dây, bấm , và chọn **Connect. > Conn. mgr.. > Availab. WLAN > Options > Define access point.**

Để tạo một điểm truy cập mới, chọn **Options > New access point**. Để chỉnh sửa cài đặt cho một điểm truy cập, chọn **Options > Edit**. Thực hiện theo các hướng dẫn của nhà cung cấp dịch vụ.

**Connection name**—Đặt tên mô tả cho kết nối.

**Data bearer**—Chọn kiểu kết nối dữ liệu:

Tùy thuộc vào kiểu kết nối dữ liệu bạn chọn, chỉ có một số trường cài đặt có thể sử dụng. Điện tất cả các trường được đánh dấu bằng đoạn **Must be defined**, hoặc có dấu hoa thị màu đỏ. Các trường khác có thể để trống, trừ phi bạn được nhà cung cấp dịch vụ hướng dẫn làm cách khác.

Để có thể sử dụng kết nối dữ liệu, nhà cung cấp dịch vụ mạng phải hỗ trợ chức năng này, và nếu cần, kích hoạt chức năng này bằng thẻ SIM của bạn.

### Dữ liệu gói

Thực hiện theo các hướng dẫn của nhà cung cấp dịch vụ.

**Access point name**—Bạn có thể nhận tên điểm truy cập do nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

**User name**—Máy sẽ yêu cầu tên thuê bao để thiết lập kết nối dữ liệu, và tên thuê bao này thường do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

**Prompt password**—Nếu bạn muốn nhập mật mã mỗi khi đăng nhập vào server, hoặc nếu bạn muốn lưu mật mã vào máy, chọn **Yes**.

**Password**—Máy sẽ yêu cầu mật mã để thiết lập kết nối dữ liệu, và mật mã này thường được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

**Authentication**—Chọn **Normal** hoặc **Secure**.

**Homepage**—Tùy thuộc vào điểm truy cập bạn đang thiết lập, nhập địa chỉ trang Web hoặc địa chỉ của trung tâm nhắn tin đa phương tiện.

Chọn **Options > Advanced settings** để thay đổi các thông số cài đặt cấu hình sau:

**Network type**—Chọn loại giao thức Internet để sử dụng: **IPv4 settings** hoặc **IPv6 settings**. Các thông số cài đặt khác tùy thuộc vào loại mạng được chọn.

**Phone IP address** (chỉ IPv4)—Nhập địa chỉ IP của điện thoại.

**DNS address**—Trong **Primary name serv.:**, nhập địa chỉ IP của server DNS chính. Trong **Second.**

**name server:**, nhập địa chỉ IP của server DNS thứ hai. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ Internet để có các địa chỉ này.

**Proxy serv. address**—Xác định địa chỉ của server proxy.

**Proxy port number**—Nhập số cổng proxy.

### Mạng LAN không dây

Thực hiện theo các hướng dẫn của nhà cung cấp dịch vụ.

**WLAN netw. name**—Chọn **Enter manually** hoặc **Search for netw.**. Nếu bạn chọn một mạng hiện có, **WLAN netw. mode** và **WLAN security mode** được xác định bởi các thông số cài đặt của thiết bị điểm truy cập của mạng.

**Network status**—Chọn hiển thị hoặc không hiển thị tên mạng.

**WLAN netw. mode**—Chọn **Ad-hoc** để tạo một mạng ad hoc và cho phép các thiết bị trực tiếp gửi và nhận dữ liệu; không cần thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây.

**WLAN security mode**—Chọn chế độ mã hóa được sử dụng: **WEP**, **802.1x** (không áp dụng với mạng for ad hoc), hoặc **WPA/WPA2** (không áp dụng với mạng for ad hoc). Nếu bạn chọn **Open network**, sẽ không có mã hóa được sử dụng. Các chức năng WEP, 802.1x, và WPA chỉ có thể được sử dụng nếu được mạng hỗ trợ.

**WLAN security sett.**—Nhập thông số cài đặt cho chế độ bảo mật đã chọn.

Cài đặt bảo mật cho **WEP**:

**WEP key in use**—Chọn số mã khóa WEP. Bạn có thể tạo tối đa bốn khóa WEP. Thông số cài đặt cho thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây phải giống với các thông số này.

**Authentication type**—Chọn **Open** hoặc **Shared** cho kiểu xác nhận giữa điện thoại của bạn và thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây.

**WEP key settings**—Nhập **WEP encryption** (độ dài của khóa), **WEP key format** (**ASCII** hoặc **Hexadecimal**), và **WEP key** (dữ liệu khóa WEP theo định dạng đã chọn).

Cài đặt bảo mật cho **802.1x** và **WPA/WPA2**:

**WPA mode**—Chọn phương tiện xác nhận. **EAP** để sử dụng một plug-in giao thức xác nhận có thể mở rộng (EAP), hoặc **Pre-shared key** để sử dụng mật mã. Hoàn tất cài đặt thích hợp.

**EAP plug-in settings** (chỉ với EAP)—Nhập thông số cài đặt như hướng dẫn của nhà cung cấp dịch vụ.

**Pre-shared key** (chỉ với Pre-shared key)—Nhập một mật mã. Mật mã nhập trên thiết bị điểm truy cập mạng LAN không dây cũng phải giống mật mã này.

**TKIP encryption** (chỉ đối với WPA/WPA2)—Chọn sử dụng hoặc không sử dụng Giao Thức Toàn Vẹn Khóa Thời Gian (TKIP).

**Homepage**—Xác định một trang chủ.

Chọn **Options > Advanced settings** và chọn một trong các tùy chọn sau:

**IPv4 settings: Phone IP address** (địa chỉ IP của điện thoại), **Subnet mask** (địa chỉ IP của mạng cấp dưới), **Default gateway** (cổng), và **DNS address**—Nhập địa chỉ IP của server DNS chính và phụ. Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ Internet để có các địa chỉ này.

**IPv6 settings > DNS address**—Chọn **Automatic**, **Well-known**, hoặc **User defined**.

**Ad-hoc channel** (chỉ với **Ad-hoc**)—Để nhập mã số kênh (1-11) bằng tay, chọn **User defined**.

**Proxy serv. address**—Xác định địa chỉ của server proxy.

**Proxy port number**—Nhập số cổng proxy.

## Packet data

Các cài đặt dữ liệu gói ánh hưởng đến tất cả các điểm truy cập dùng kết nối truyền dữ liệu.

**Packet data conn.**—Nếu bạn chọn **When available** và bạn đang ở trong mạng có hỗ trợ dữ liệu gói, điện thoại sẽ đăng ký vào mạng để truyền dữ liệu. Việc bắt đầu một kết nối dữ liệu gói hiện hành (ví dụ để gửi và nhận e-mail) sẽ được thực hiện

nhanh hơn. Nếu không nằm trong vùng phủ sóng của dịch vụ dữ liệu, điện thoại sẽ tìm cách khởi tạo một kết nối dữ liệu gói theo định kỳ. Nếu bạn chọn **When needed**, điện thoại sẽ chỉ sử dụng kết nối truyền dữ liệu khi nào bạn kích hoạt một ứng dụng hay tác vụ cần đến kết nối này.

**Access point**—Cần có tên điểm truy cập để sử dụng điện thoại như một modem truyền dữ liệu cho máy tính.

## Wireless LAN

**Show availability**—Chọn hiển thị hoặc không hiển thị biểu tượng khi có một mạng LAN không dây.

**Scan for networks**—Nếu bạn cài **Show availability** là **Yes**, chọn chu kỳ mà điện thoại sẽ dò tìm mạng LAN không dây và cập nhật chỉ báo này. Để xem các cài đặt nâng cao, chọn **Options > Advanced settings**. Bạn không nên thay đổi cài đặt nâng cao của mạng LAN không dây.

## Configs.

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt server tin cậy từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ dưới dạng một tin nhắn cấu hình, hoặc các thông số này có thể đã được lưu trong thẻ SIM hoặc thẻ USIM. Bạn có thể lưu các thông số cài đặt này vào điện thoại, xem, hoặc xóa các thông số này trong **Configs..**

## SIP settings

Cài đặt SIP (Giao Thức Khởi Tạo Phiên Hợp) cần cho một số dịch vụ mạng nhất định sử dụng SIP, chẳng hạn như chia sẻ video. Bạn có thể nhận thông số cài đặt dưới dạng tin nhắn văn bản đặc biệt từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Bạn có thể xem, xóa, hoặc tạo các cấu hình cài đặt này trong **SIP settings**.



## Date and time

Xem phần “[Cài đặt đồng hồ](#)”, trên trang 5, và mục cài đặt ngôn ngữ trong phần “[General](#)”, trên trang 107.



## Security

### Phone and SIM

**PIN code request**—Khi kích hoạt tính năng này, bạn sẽ phải nhập mã PIN mỗi lần bật điện thoại. Một số thẻ SIM có thể không cho phép tắt tính năng yêu cầu mã số nhận dạng cá nhân (PIN). Xem phần “[Thuật ngữ mã PIN và mã khóa](#)”, trên trang 115.

**PIN code, PIN2 code, và Lock code**—Bạn có thể thay đổi mã khóa, mã PIN và mã PIN2. Các mã này có thể chỉ gồm các số từ 0 đến 9. Nếu bạn quên bất kỳ mã nào trong các mã này, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn hoặc Trung Tâm Chăm Sóc Khách Hàng của Nokia. Xem phần “[Thuật ngữ mã PIN và mã khóa](#)”, trên trang 115.

Tránh sử dụng mã truy cập tương tự với các số khẩn cấp để tránh việc tinh cờ quay số khẩn cấp.

**Autolock period**—Bạn có thể cài khoảng thời gian tự động khóa, thời gian chờ mà sau đó điện thoại sẽ tự động khóa lại. Để tắt thời gian tự động khóa, chọn **None**.

Để mở khóa điện thoại, nhập mã khóa vào.

Khi điện thoại ở chế độ khóa, vẫn có thể thực hiện các cuộc gọi đến số điện thoại khẩn cấp chính thức đã được lập trình trong thiết bị của quý khách.

**Mẹo!** Để khóa điện thoại theo cách thủ công, bấm (1). Danh sách các lệnh sẽ mở ra. Chọn **Lock phone**.

**Lock if SIM changed**—Bạn có thể cài điện thoại yêu cầu nhập mã khóa khi có thẻ SIM không rõ nguồn gốc được lắp vào điện thoại. Điện thoại quản lý một danh sách các thẻ SIM được xem là thẻ của chủ điện thoại.

**Closed user group**—Bạn có thể xác định nhóm người mà bạn có thể gọi điện cho họ hoặc ngược lại (dịch vụ mạng).

Khi các cuộc gọi được giới hạn trong phạm vi các nhóm người sử dụng thiết bị, vẫn có thể thực hiện các cuộc gọi đến số điện thoại khẩn cấp chính thức đã được lập trình trong thiết bị của quý khách.

**Confirm SIM services**—Bạn có thể cài điện thoại hiển thị các thông báo xác nhận khi bạn đang sử dụng dịch vụ trên thẻ SIM (dịch vụ mạng).

### Thuật ngữ mã PIN và mã khóa

Nếu bạn quên bất kỳ mã nào trong các mã này, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn hoặc Trung Tâm Chăm Sóc Khách Hàng của Nokia.

**Mã số nhận diện cá nhân (PIN)**—Mã này dùng để bảo vệ thẻ SIM không bị sử dụng trái phép. Mã PIN (4 đến 8 chữ số) thường được cấp cùng với thẻ SIM. Sau khi nhập sai mã PIN ba lần liên tiếp, mã PIN sẽ bị khóa lại, và bạn cần có mã PUK để mở khóa.

**Mã UPIN**—Mã này có thể được cung cấp cùng với thẻ USIM. Thẻ USIM là phiên bản nâng cao của thẻ SIM và được cung cấp cùng với điện thoại di động UMTS.

**Mã PIN2**—Mã này (4 đến 8 chữ số) được cung cấp cùng với thẻ SIM, và cần để truy cập vào một số chức năng trong điện thoại.

**Mã khóa** (còn được gọi là mã bảo vệ)—Mã này (5 chữ số) có thể được sử dụng để khóa điện thoại, ngăn không cho sử dụng điện thoại trái phép. Giá trị cài đặt gốc của mã khóa là **12345**. Để tránh việc điện thoại của bạn bị sử dụng trái phép, hãy thay đổi mã khóa này. Giữ kỹ mã mới ở nơi an toàn tách biệt với điện thoại. Nếu bạn quên mã này, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn hoặc Trung Tâm Chăm Sóc Khách Hàng của Nokia.

**Mã số Mở khóa Cá nhân (PUK) và mã PUK2**—Các mã này (8 chữ số) sẽ cần để thay đổi mã PIN hoặc mã PIN2 bị khóa tương ứng. Nếu các mã này không được cấp cùng với thẻ SIM, liên hệ với nhà điều hành mạng của thẻ SIM bạn đang dùng.

**Mã UPUK**—Mã này (8 chữ số) cần để thay đổi mã UPIN bị khóa. Nếu mã này không được cấp cùng với thẻ USIM, liên hệ với nhà điều hành mạng của thẻ USIM bạn đang dùng.

### Quản lý chứng chỉ

Các chứng chỉ kỹ thuật số không phải là sự bảo đảm an toàn, chúng chỉ được sử dụng để xác nhận nguồn gốc của phần mềm.

Trong giao diện quản lý chứng chỉ, bạn sẽ thấy một danh sách các chứng chỉ hợp lệ được lưu trong điện thoại của bạn. Bấm  để xem danh sách các chứng chỉ cá nhân nếu có.

Bạn nên sử dụng các chứng chỉ kỹ thuật số nếu bạn muốn kết nối với một ngân hàng trực tuyến hoặc địa chỉ trang web hoặc server từ xa khác để thực hiện các giao dịch liên quan đến việc chuyển giao các thông tin mật. Bạn nên sử dụng các chứng chỉ này nếu bạn muốn giảm bớt rủi ro do virút hoặc phần mềm phá hoại khác, đồng thời để chắc chắn về tính xác thực của phần mềm khi cài tải về và khi cài đặt phần mềm.



**Lưu ý quan trọng:** Ngay cả khi việc sử dụng các chứng chỉ làm cho các rủi ro trong các kết nối từ xa và cài đặt phần mềm trở nên rất nhỏ, nhưng chúng phải được dùng đúng cách để có thể tận dụng lợi ích có được khi sự an toàn được nâng cao lên. Sự hiện hữu của một chứng chỉ nào đó tự bản thân chúng không cung cấp bất cứ sự bảo vệ nào; mục quản lý chứng chỉ phải chứa các chứng chỉ đúng, xác thực hoặc được tin cậy để có được sự an toàn nâng cao. Các chứng chỉ đều có thời hạn sử dụng. Nếu thông báo **Expired certificate** hoặc **Certificate not valid yet** hiển thị, ngay cả khi chứng nhận của bạn vẫn còn hợp lệ,

bạn cần kiểm tra lại xem ngày giờ trên máy bạn có được cài đúng không.

### Xem chi tiết chứng chỉ—kiểm tra tính xác thực

Bạn chỉ có thể chắc chắn về danh tính hợp lệ của server khi chữ ký và thời hạn hiệu lực chứng chỉ của máy chủ được kiểm tra.

Bạn sẽ được thông báo nếu nhận diện server không được xác thực hoặc nếu bạn không có chứng chỉ bảo vệ thích hợp trong điện thoại.

Để kiểm tra chi tiết chứng chỉ, di chuyển đến một chứng chỉ, và chọn **Options > Certificate details**. Khi bạn mở xem chi tiết của chứng chỉ, tính hợp lệ của chứng chỉ sẽ được kiểm tra, và một trong số các thông báo sau đây có thể xuất hiện:

- **Certificate not trusted**—Bạn chưa cài đặt bất kỳ ứng dụng nào để sử dụng chứng chỉ này. Xem phần “[Thay đổi cài đặt về độ tin cậy](#)”, trên trang 117.
- **Expired certificate**—Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ được chọn đã kết thúc.
- **Certificate not valid yet**—Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ được chọn chưa bắt đầu.
- **Certificate corrupted**—Không thể sử dụng chứng chỉ. Liên hệ với nơi phát hành chứng chỉ.

## Thay đổi cài đặt về độ tin cậy

Trước khi thay đổi bất kỳ cài đặt chứng chỉ nào, quý khách cần phải đảm bảo rằng quý khách thật sự người sở hữu chứng chỉ và chứng chỉ này thật sự thuộc về người sở hữu được liệt kê trong danh sách.

Di chuyển đến một chứng chỉ hợp lệ, và chọn **Options > Trust settings**. Tùy theo loại chứng chỉ được chọn, một danh sách các ứng dụng có thể dùng đến chứng chỉ này sẽ được hiển thị. Ví dụ:

- **Symbian installation: Yes**—Chứng chỉ có thể xác nhận nguồn gốc của một ứng dụng hệ điều hành Symbian mới.
- **Internet: Yes**—Chứng chỉ có thể chứng nhận các server.
- **App. installation: Yes**—Chứng chỉ có thể chứng nhận nguồn gốc của ứng dụng Java™ mới.

Chọn **Options > Edit trust setting** để thay đổi giá trị.

## Mô-đun bảo mật

Để xem hoặc chỉnh sửa một mô-đun bảo mật (nếu có) trong **Secur. mod.**, di chuyển đến mô-đun đó, và bấm phím di chuyển. Để xem thông tin chi tiết về một mô-đun bảo mật, di chuyển đến mô-đun đó và chọn **Options > Security details**.



## Call divert

**Call divert** cho phép bạn chuyển hướng các cuộc gọi đến hộp thư thoại hoặc một số điện thoại khác. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

Chọn cuộc gọi bạn muốn chuyển hướng và tùy chọn chuyển hướng. Để chuyển hướng các cuộc gọi thoại khi máy bận hoặc khi bạn từ chối cuộc gọi đến, chọn **If busy**. Bật (**Activate**) hoặc tắt (**Cancel**) tùy chọn này, hoặc kiểm tra xem tùy chọn này có đang được kích hoạt không (**Check status**).

Bạn có thể khởi động nhiều tùy chọn chuyển hướng cùng một lúc. Khi tắt cả cuộc gọi được chuyển hướng, sẽ hiển thị ở chế độ chờ.

Không thể cùng một lúc sử dụng cả chức năng chặn cuộc gọi lẫn chuyển hướng cuộc gọi.



## Call barring

Chức năng **Call barring** (dịch vụ mạng) cho phép bạn hạn chế cuộc gọi đi hoặc nhận cuộc gọi đến.

Để thay đổi các cài đặt này, bạn cần mật mã chặn cuộc gọi do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

Chọn tùy chọn chặn cuộc gọi bạn muốn và bật (**Activate**) hoặc tắt (**Cancel**) chức năng này hoặc kiểm tra xem chức năng này đã được kích hoạt chưa (**Check status**). **Call barring** sẽ ảnh hưởng đến tất cả các cuộc gọi, bao gồm các cuộc gọi dữ liệu.

Không thể cùng một lúc sử dụng cả chức năng chặn cuộc gọi lẫn chuyển hướng cuộc gọi.

Khi các cuộc gọi bị chặn, vẫn có thể thực hiện các cuộc gọi đến các số điện thoại khẩn cấp chính thức nhất định.



## Network

Điện thoại của bạn có thể tự động chuyển đổi giữa các mạng GSM và UMTS. Mạng GSM được chỉ báo bằng khi ở chế độ chờ. Mạng UMTS được chỉ báo bằng .

**Network mode** (chỉ hiển thị nếu được nhà điều hành mạng hỗ trợ)—Chọn mạng để sử dụng. Nếu bạn chọn **Dual mode**, điện thoại sẽ tự động chọn mạng GSM hoặc UMTS tùy thuộc vào các thông số mạng và thỏa thuận hòa mạng giữa các nhà điều

hành mạng. Liên hệ với nhà điều hành mạng để biết thêm chi tiết.

**Operator selection**—Chọn **Automatic** để cài điện thoại tìm và chọn một trong các mạng hiện có, hoặc **Manual** để chọn mạng trong danh sách mạng theo cách thủ công. Nếu việc kết nối vào mạng bạn tự chọn không thành công, điện thoại sẽ báo lỗi và yêu cầu bạn chọn lại mạng. Mạng được chọn để kết nối phải được thỏa thuận chuyển vùng với mạng bạn đăng ký, nghĩa là, nhà điều hành mạng dùng cho thẻ SIM của bạn.

**Chú ý:** Thỏa thuận hòa mạng là một thỏa thuận giữa hai hoặc nhiều nhà cung cấp dịch vụ mạng cho phép người sử dụng dịch vụ của một nhà cung cấp dịch vụ sử dụng dịch vụ của những nhà cung cấp dịch vụ khác.

**Cell info display**—Chọn **On** để cài điện thoại chỉ báo khi điện thoại được sử dụng trong mạng di động dựa trên công nghệ mạng MCN và để nhận thông tin về mạng này.



## Enhancement

Ở chế độ chờ, biểu tượng cho biết có một tai nghe tương thích được kết nối, và cho biết không có tai nghe, hoặc kết nối Bluetooth với tai nghe bị

mắt.  cho biết có một thiết bị trợ thính được kết nối và  cho biết có một **Text phone** tương thích được kết nối.

Chọn **Headset, Loopset, Text phone, Bluetooth handsfree**, hoặc **Music stand** và chọn một trong các tùy chọn sau:

**Default profile**—Cài cấu hình bạn muốn kích hoạt mỗi khi kết nối một phụ kiện tương thích nào đó với điện thoại. Xem phần “[Profiles—cài âm](#)”, trên trang 104.

**Automatic answer**—Cài điện thoại tự động trả lời cuộc gọi đến sau 5 giây. Nếu kiểu chuông báo được cài sang **Beep once** hoặc **Silent** sẽ tắt chức năng trả lời tự động. Chức năng trả lời tự động không khả dụng với **Text phone**.

**Lights**—Cài duy trì đèn bật, hoặc tắt đèn sau một khoảng thời gian chờ. Cài đặt này không có cho tắt cả các phụ kiện.

Nếu bạn muốn sử dụng **Text phone**, bạn phải kích hoạt chức năng này trên điện thoại. Bấm , và chọn **Tools > Settings > Enhancement > Text phone > Use text phone > Yes**.



## Lệnh thoại

Bạn có thể sử dụng lệnh thoại để điều khiển điện thoại của bạn. Để biết thêm thông tin về các lệnh thoại được điện thoại hỗ trợ, xem phần “[Lệnh thoại](#)”, trên trang 65.

Để kích hoạt lệnh thoại khởi động ứng dụng hoặc cấu hình, bạn phải mở ứng dụng **Voice cm**, và thư mục **Profiles** của ứng dụng này. Bấm , và chọn **Tools > Voice cm > Profiles**; điện thoại sẽ tạo khẩu lệnh cho ứng dụng và cấu hình. Để sử dụng lệnh thoại cái tên, bấm và giữ  ở chế độ chờ, và đọc lệnh thoại. Lệnh thoại là tên của ứng dụng hoặc cấu hình được hiển thị trong danh sách.

Để thêm ứng dụng vào danh sách, chọn **Options > New application**. Để thêm lệnh thoại thứ hai được sử dụng để khởi động ứng dụng, chọn **Options > Change command**, và nhập lệnh thoại mới vào dưới dạng văn bản. Tránh sử dụng các tên quá ngắn, từ rút ngắn và từ viết tắt.

Để nghe khẩu lệnh tổng hợp, chọn **Options > Playback**.

Để thay đổi cài đặt lệnh thoại, chọn **Options > Settings**. Để tắt bộ tổng hợp phát lại các khẩu lệnh và lệnh thoại bằng ngôn ngữ điện thoại được chọn,

chọn **Synthesiser > Off**. Để cài lại chức năng học nhận biết giọng nói, ví dụ như khi người sử dụng chính của điện thoại đã thay đổi, chọn **Reset voice adapt..**



## Quản lý ứng dụng

Bấm , và chọn **Tools > App. mgr..** Bạn có thể cài đặt hai loại ứng dụng và phần mềm vào điện thoại:

- Ứng dụng J2ME™ dựa trên công nghệ Java có phần mở rộng là .jad hoặc .jar ( ).
- Các ứng dụng và phần mềm khác tương thích với hệ điều hành Symbian ( ). Các tập tin cài đặt có phần mở rộng .sis . Chỉ cài đặt phần mềm được thiết kế dành riêng cho Nokia N80.

Nhà cung cấp phần mềm sẽ luôn đề cập đến số hiệu chính thức của sản phẩm: Nokia N80-1.

Bạn có thể nhận các tập tin cài đặt từ máy tính tương thích về điện thoại, được tải về trong khi trình duyệt, hoặc được gửi cho bạn dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, dưới dạng tập tin đính kèm e-mail, hoặc qua kết nối Bluetooth hoặc cổng hồng ngoại. Bạn có thể sử dụng Nokia Application Installer trong bộ Nokia PC Suite để cài đặt một ứng dụng cho điện thoại. Nếu bạn sử dụng Microsoft

Windows Explorer để truyền một tập tin, lưu tập tin này vào một thẻ nhớ tương thích (ổ đĩa nội bộ).

## Cài đặt phần mềm và ứng dụng

Biểu tượng cho biết một ứng dụng .sis, ứng dụng Java, ứng dụng chưa được cài đầy đủ, và cho biết ứng dụng được cài trên thẻ nhớ.

**Lưu ý quan trọng:** Chỉ cài đặt và sử dụng các ứng dụng và phần mềm khác từ những nguồn tin cậy, chẳng hạn như các ứng dụng đã được ký bởi Symbian hoặc đã qua được quá trình kiểm tra Java Verified™.

Trước khi cài đặt, lưu ý các điểm sau:

- Để xem loại ứng dụng, số phiên bản, và nhà cung cấp hoặc nhà sản xuất ứng dụng, chọn **Options > View details.**
- Để hiển thị chi tiết chứng chỉ bảo mật của ứng dụng, chọn **Options > View certificate.** Xem phần “**Quản lý chứng chỉ**”, trên trang 115.
- Nếu bạn cài đặt tập tin có chứa phiên bản cập nhật hoặc bản sửa lỗi cho ứng dụng hiện tại, bạn chỉ có thể khôi phục lại ứng dụng gốc nếu bạn có tập tin cài đặt gốc hoặc bản dự phòng đầy đủ của bộ phần mềm ứng dụng đã gỡ bỏ. Để khôi phục ứng dụng gốc, gỡ bỏ ứng dụng và cài đặt lại ứng dụng từ tập tin cài đặt gốc hoặc bản dự-phòng.

- Bạn sẽ cần đến tập tin .jar để cài đặt ứng dụng Java. Nếu không có, điện thoại sẽ yêu cầu bạn tải tập tin này về. Nếu không có điểm truy cập nào được xác nhận cho ứng dụng, bạn sẽ được yêu cầu chọn một điểm truy cập. Trong quá trình tải tập tin .jar về, bạn cần phải nhập tên thuê bao và mật mã để truy cập vào server. Nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp ứng dụng sẽ cung cấp cho bạn tên thuê bao và mật mã.

- Để định vị một tập tin, bấm  , và chọn **Tools > App. mgr.**. Cách khác, tìm kiếm trên bộ nhớ điện thoại hoặc trên thẻ nhớ tương thích (nếu có) trong **File mgr.**, hoặc mở tin nhắn trong **Messag. > Inbox** có chứa một tập tin cài đặt.
- Trong **App. mgr.**, chọn **Options > Install**. Trong các ứng dụng khác, di chuyển đến tập tin cài đặt, và bấm  để bắt đầu cài đặt.

Trong khi cài đặt, điện thoại sẽ hiển thị thông tin liên quan đến tiến trình cài đặt. Nếu bạn cài đặt ứng dụng không có chữ ký kỹ thuật số hoặc chứng chỉ, điện thoại sẽ hiển thị một cảnh báo. Bạn chỉ tiếp tục cài đặt nếu bạn đã chắc chắn nguồn gốc và nội dung ứng dụng.

Để khởi động một ứng dụng đã cài đặt, định vị ứng dụng này trong menu, và bấm .

Để kết nối mạng và xem thông tin bổ sung về ứng dụng, chọn **Options > Go to web address**, nếu có.

Để xem gói phần mềm ứng dụng nào đã được cài đặt hoặc gỡ bỏ và được thực hiện khi nào, chọn **Options > View log**.

Để gửi nhật ký cài đặt của bạn đến trung tâm trợ giúp để họ có thể biết ứng dụng nào đã được cài đặt hoặc gỡ bỏ, chọn **Options > Send log > Via text message** hoặc **Via e-mail** (chỉ có nếu địa chỉ e-mail được cài đặt đúng).



**Lưu ý quan trọng:** Điện thoại của quý khách chỉ hỗ trợ một ứng dụng chống virút. Việc sử dụng nhiều ứng dụng có chức năng chống virút có thể làm ảnh hưởng đến hiệu năng hoạt động và sự vận hành, hoặc làm cho thiết bị ngừng hoạt động.

Sau khi cài đặt các ứng dụng vào thẻ nhớ tương thích, các tập tin cài đặt (.sis) vẫn còn lại trong bộ nhớ của thiết bị. Các tập tin đó có thể sử dụng một khối lượng lớn bộ nhớ và ngăn không cho quý khách lưu trữ các tập tin khác. Để có đủ bộ nhớ, hãy sử dụng Nokia PC Suite để sao lưu các tập tin cài đặt vào một máy PC tương thích, sau đó sử dụng trình quản lý tập tin để xóa các tập tin cài đặt ra khỏi bộ

nhớ của thiết bị. Xem phần “Trình quản lý tập tin”, trên trang 10. Nếu tập tin .sis là tập tin đính kèm của một tin nhắn, hãy xóa tin nhắn khỏi hộp thư đến.

## Gỡ bỏ ứng dụng và phần mềm

Di chuyển đến một gói phần mềm, và chọn Options > Remove. Chọn Yes để xác nhận.

Nếu bạn gỡ bỏ phần mềm, bạn chỉ có thể cài đặt lại phần mềm này nếu bạn có bộ phần mềm gốc hoặc một bản dự phòng đầy đủ của bộ phần mềm bị gỡ bỏ. Nếu bạn gỡ bỏ bộ phần mềm, bạn sẽ không mở được tài liệu được tạo bằng phần mềm đó.

Nếu có bộ phần mềm khác phụ thuộc vào phần mềm bị gỡ bỏ, bộ phần mềm đó có thể không hoạt động được nữa. Tham khảo tài liệu về bộ phần mềm để biết chi tiết.

## Cài đặt

Chọn Options > Settings và các tùy chọn sau:

**Online certif. check**—Chọn để kiểm tra các chứng chỉ trực tuyến trước khi cài đặt ứng dụng.

**Default web address**—Cài địa chỉ mặc định được sử dụng khi kiểm tra các chứng chỉ trực tuyến.

Một số ứng dụng Java có thể yêu cầu thực hiện cuộc gọi, gửi tin nhắn, hoặc kết nối mạng đến điểm truy cập được chỉ định để tải về các dữ liệu hoặc thành phần bổ sung. Trong cửa sổ chính của App. mgr., di chuyển đến một ứng dụng, và chọn Options > Suite settings để thay đổi các cài đặt liên quan đến ứng dụng cụ thể đó.



## Mã khóa kích hoạt cho các tập tin được bảo hộ bởi bản quyền tác giả

Để xem các mã khóa kích hoạt bản quyền kỹ thuật số được lưu trong máy, bấm , và chọn Tools > Actv. keys và chọn một trong các tùy chọn sau:

**Valid keys**—Xem các mã khóa được kết nối với một hoặc nhiều tập tin media và những mã khóa có thời hạn hiệu lực chưa bắt đầu.

**Invalid keys**—Xem những mã khóa không hợp lệ; đã vượt quá thời gian sử dụng tập tin media hoặc có tập tin media trên máy nhưng không có mã khóa kích hoạt được kết nối với tập tin này.

**Not in use**—Xem những mã khóa không được kết nối với tập tin media nào trên máy.

Để mua thêm thời gian sử dụng hoặc gia hạn thời gian sử dụng tập tin media, chọn một mã khóa kích hoạt hợp lệ và chọn **Options > Get activation key**. Các mã khóa kích hoạt không thể cập nhật được nếu chức năng nhận tin nhắn dịch vụ Web bị tắt. Xem phần “[Tin nhắn dịch vụ Web](#)”, trên trang [52](#).

Để xem thông tin chi tiết, chẳng hạn như tình trạng hiệu lực và khả năng gửi tập tin, di chuyển đến một mã khóa kích hoạt, và bấm .

# Giải quyết sự cố: Hỏi & Đáp

## Mã truy cập

**Hỏi:** Các mã khóa, mã PIN và mã PUK là gì?

**Đáp:** Mã khóa mặc định là **12345**. Nếu bạn quên hoặc làm mất mã khóa, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn hoặc Trung Tâm Chăm Sóc Khách Hàng của Nokia.

Nếu bạn quên hoặc làm mất mã PIN hoặc mã PUK, hoặc nếu bạn không nhận được các mã này, hãy liên hệ với nhà điều hành mạng.

Để biết thêm thông tin về mật mã, liên hệ với nhà cung cấp điểm truy cập, ví dụ nhà cung cấp dịch vụ internet (ISP), nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng.

## Ứng dụng bị treo

**Hỏi:** Làm thế nào để đóng một ứng dụng đang bị treo?

**Đáp:** Để mở ứng dụng chuyển cửa sổ, bấm và giữ  . Di chuyển đến ứng dụng, và bấm  để đóng ứng dụng.

## Khả năng kết nối Bluetooth

**Hỏi:** Tại sao tôi không tìm thấy máy của bạn tôi?

**Đáp:** Kiểm tra xem cả hai thiết bị đã kích hoạt kết nối Bluetooth chưa.

Hãy kiểm tra xem khoảng cách giữa hai thiết bị có vượt quá 10 mét (33 bộ) và giữa chúng có các

bức tường chắn hoặc chướng ngại vật nào không. Kiểm tra xem thiết bị cần kết nối có ở chế độ ẩn hay không.

Kiểm tra xem cả hai thiết bị có tương thích không.

**Hỏi:** Vì sao tôi không thể ngắt kết nối Bluetooth?

**Đáp:** Nếu có một thiết bị khác kết nối với điện thoại, bạn có thể ngắt kết nối từ thiết bị đó hoặc ngưng kích hoạt kết nối Bluetooth. Chọn **Connect > Bluetooth > Off**.

## Các dịch vụ trình duyệt

**Hỏi:** Tôi phải làm gì nếu gặp thông báo sau: **No valid access point defined. Define one in Services settings.**?

**Đáp:** Hãy thêm các thông số cài đặt trình duyệt phù hợp. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để được hướng dẫn thêm.

## Camera

**Hỏi:** Vì sao hình ảnh có vẻ lem nhem?

**Đáp:** Tháo miếng nhựa bảo vệ màn hình và camera. Kiểm tra xem cửa sổ bảo vệ ống kính camera có sạch không.

## Màn hình

**Hỏi:** Vì sao có hiện tượng thiêu, phai màu, hay có các chấm sáng xuất hiện trên màn hình mỗi khi tôi bật điện thoại của tôi?

**Đáp:** Đây là một đặc tính của loại màn hình này. Một số màn hình có thể chứa các điểm ánh hoặc dấu lấm chấm đang nhấp nháy. Đây là điều bình thường, không phải lỗi màn hình.

## Mạng gia đình (UPnP)

**Hỏi:** Vì sao thiết bị khác không nhìn thấy các tập tin lưu trên điện thoại của tôi?

**Đáp:** Đảm bảo rằng bạn đã cài đặt mạng chủ, **Content sharing** được bật trên điện thoại của bạn, và thiết bị khác tương thích với UPnP.

## Nhật ký

**Hỏi:** Vì sao trong nhật ký trống?

**Đáp:** Có thể bạn đã dùng chức năng lọc, và không có sự kiện liên lạc nào gửi đến máy bạn thỏa mãn điều kiện lọc mà bạn đã chọn. Để xem tất cả các sự kiện, chọn **My own > Log > Options > Filter > All communication**.

## Không đủ bộ nhớ

**Hỏi:** Tôi có thể làm gì nếu điện thoại của tôi thiếu bộ nhớ?

**Đáp:** Bạn có thể thường xuyên xóa một số mục dữ liệu để tránh tình trạng thiếu hụt bộ nhớ:

- Các tin trong các thư mục **Inbox**, **Drafts**, và **Sent** trong **Message**.
- Các tin nhắn e-mail đã tải về từ bộ nhớ điện thoại
- Các trang trình duyệt đã lưu
- Hình ảnh và hình chụp trong **Gallery**

Để xóa thông tin liên lạc, ghi chú lịch, thời gian gọi, cuộc cuộc gọi, điểm trò chơi hoặc bất kỳ dữ liệu nào khác, hãy vào ứng dụng tương ứng để xóa dữ liệu. Nếu bạn xóa nhiều mục dữ liệu cùng lúc và gặp phải một trong các thông báo sau: **Not enough memory to perform operation. Delete some data first**, hoặc **Memory low. Delete some data.**, hãy xóa lần lượt từng mục (bắt đầu từ mục nhỏ nhất).

**Hỏi:** Tôi phải làm cách nào để lưu dữ liệu trước khi xóa chúng?

**Đáp:** Bạn có thể lưu dữ liệu bằng một trong các cách sau:

- Sử dụng bộ Nokia PC Suite để tạo bản dự phòng cho tất cả các dữ liệu vào máy tính tương thích.
- Gửi hình ảnh đến địa chỉ e-mail của bạn, sau đó lưu hình ảnh vào máy tính của bạn.
- Sử dụng kết nối Bluetooth để chuyển dữ liệu đến một thiết bị tương thích.
- Lưu dữ liệu trên thẻ nhớ tương thích.

## Nhắn tin

**Hỏi:** Vì sao tôi không thể chọn một số liên lạc?

**Đáp:** Thẻ liên lạc có thể không có một số điện thoại hay một địa chỉ e-mail. Hãy thêm các thông tin còn thiếu này vào thẻ liên lạc trong **Contacts**.

## Nhắn tin đa phương tiện

**Hỏi:** Tôi nên làm gì nếu điện thoại không thể nhận tin nhắn đa phương tiện vì bộ nhớ đã đầy?

**Đáp:** Dung lượng bộ nhớ cần thiết sẽ được chỉ báo trong thông báo lỗi: **Not enough memory to retrieve message. Delete some data first.** Để xem loại dữ liệu bạn đang có và dung lượng bộ nhớ đã dùng cho từng nhóm dữ liệu, chọn **File manager** > **Options** > **Memory details**.

**Hỏi:** Ghi chú **Retrieving message** sẽ được hiển thị nhanh trên màn hình. Chuyện gì đang xảy ra?

**Đáp:** Điện thoại đang cố nhận tin nhắn đa phương tiện về từ trung tâm nhắn tin đa phương tiện. Kiểm tra xem cài đặt tin nhắn đa phương tiện được xác nhận đúng chưa và không có lỗi nào trong phần nhập số điện thoại và địa chỉ. Chọn **Messaging** > **Options** > **Settings** > **Multim. msg..**

**Hỏi:** Làm thế nào để ngắt kết nối dữ liệu khi điện thoại cứ lặp đi lặp lại phiên kết nối?

**Đáp:** Để ngăn máy thực hiện kết nối dữ liệu, chọn **Messaging** và chọn một trong các tùy chọn sau:

**On receiving msg. > Defer retrieval**—Để trung tâm nhắn tin đa phương tiện lưu lại tin nhắn để tải về sau, ví dụ sau khi bạn đã kiểm tra các cài đặt. Sau thay đổi này, điện thoại vẫn cần gửi các ghi chú thông tin về mạng. Để tải tin nhắn về ngay, chọn **Retr. immediately**.

**On receiving msg. > Reject message**—Để từ chối tất cả các tin nhắn đa phương tiện gửi đến. Sau thay đổi này, điện thoại vẫn cần gửi thông tin về mạng và trung tâm nhắn tin đa phương tiện sẽ xóa tất cả tin nhắn đa phương tiện đang chờ gửi cho bạn.

**Multimedia receipt. > Off**—Để bỏ qua tất cả các tin nhắn đa phương tiện được gửi đến. Sau thay đổi này, điện thoại sẽ không thực hiện bất kỳ kết nối mạng nào liên quan đến nhắn tin đa phương tiện.

## Kết nối với máy PC

**Hỏi:** Vì sao tôi không thể thiết lập kết nối điện thoại với máy PC?

**Đáp:** Bạn cần đảm bảo rằng bộ Nokia PC Suite đã được cài đặt và đang hoạt động trên máy PC. Xem hướng dẫn sử dụng Nokia PC Suite trên đĩa CD. Để biết thêm thông tin về cách sử dụng Nokia PC Suite, xem phần trợ giúp trên Nokia PC Suite hoặc vào trang hỗ trợ [www.nokia-asia.com](http://www.nokia-asia.com).

## Mạng LAN không dây

**Hỏi:** Tại sao tôi không thể nhìn thấy điểm truy cập mạng LAN không dây (WLAN) mặc dù tôi biết là tôi đang ở trong phạm vi của mạng này?

**Đáp:** Có thể điểm truy cập mạng WLAN sử dụng tên nhân dạng do dịch vụ đặt (SSID) ẩn. Bạn chỉ có thể truy cập vào các mạng sử dụng một SSID ẩn nếu bạn biết chính xác SSID và đã tạo một điểm truy cập internet WLAN cho mạng này trên điện thoại Nokia của bạn.

**Hỏi:** Làm thế nào để tắt mạng LAN không dây (WLAN) trên điện thoại Nokia của tôi?

**Đáp:** Mạng WLAN trên điện thoại Nokia của bạn sẽ tắt khi không có kết nối, hoặc không được kết nối với điểm truy cập khác, hoặc dò tìm các mạng hiện có. Để giảm mức tiêu thụ pin hơn nữa, bạn có thể chọn điện thoại Nokia không dò tìm, hoặc dò tìm không thường xuyên những mạng hiện có chạy ẩn. WLAN sẽ tắt ở giữa các chế độ dò ẩn.

Để thay đổi cài đặt chức năng dò ẩn:

- 1 Bấm  , và chọn **Tools > Settings > Connection > Wireless LAN**.
- 2 Đổi giá trị của **Show availability to Never** để ngừng quét ẩn, hoặc tăng khoảng thời gian quét ẩn trong **Scan for networks**.
- 3 Để lưu thay đổi, bấm **Done**.

Khi **Scan for networks** được cài là **Never**, biểu tượng tính khả dụng của mạng WLAN sẽ không hiển thị ở chế độ chờ. Tuy nhiên, bạn vẫn có thể quét theo cách thủ công để tìm những mạng WLAN khả dụng, và kết nối vào các mạng WLAN như bình thường.

# Thông tin về pin

## Sạc và xả pin

Thiết bị của quý khách được cấp điện bằng một loại pin có thể sạc lại được. Pin có thể được sạc và xả hàng trăm lần nhưng cuối cùng cũng sẽ hư. Khi nhận thấy thời gian thoại và thời gian chờ ngắn hơn bình thường, đó là lúc cần thay pin mới. Chỉ sử dụng pin được Nokia phê chuẩn và chỉ sạc pin bằng bộ sạc được Nokia phê chuẩn và được thiết kế riêng cho loại thiết bị này.

Nếu pin thay thế được sử dụng lần đầu tiên hoặc nếu pin không được sử dụng trong một thời gian dài, có thể cần phải nối bộ sạc sau đó ngắt và nối lại để bắt bộ sạc pin.

Rút bộ sạc ra khỏi ổ cắm điện và thiết bị khi không sử dụng. Không để pin đã sạc đầy kết nối với bộ sạc, do việc sạc quá mức có thể làm giảm tuổi thọ của pin.

Nếu pin đã xả hết hẳn, có thể mất vài phút trước khi chỉ báo sạc pin hiển thị trên màn hình hoặc trước khi có thể thực hiện bất kỳ cuộc gọi nào.

Nếu pin hết hẳn thì phải mất vài phút trước khi chỉ báo sạc pin hiển thị trên màn hình hoặc trước khi thực hiện bất kỳ cuộc gọi nào.

Chỉ sử dụng pin đúng mục đích. Không sử dụng bất cứ bộ sạc nào đã bị hư.

Không để pin bị chập mạch. Việc chập mạch có thể bắt ngờ xảy ra khi để một vật bằng kim loại ví dụ như đồng tiền, kẹp giấy hoặc bút bi tiếp xúc trực tiếp với cực dương (+) và cực âm (-) của pin. (Những vật này giống như dài kim loại đặt trên pin.) Điều này có thể xảy ra, ví dụ như khi quý khách mang pin dự phòng trong túi hoặc ví. Việc chập mạch các cực pin có thể làm hư pin hoặc vật nối hai cực.

Để pin trong môi trường nóng hoặc lạnh, chẳng hạn như trong xe đóng kín cửa vào mùa đông hoặc mùa hè sẽ làm giảm điện tích và tuổi thọ của pin. Nên giữ pin luôn ở nhiệt độ khoảng từ 15°C đến 25°C (59°F đến 77°F). Thiết bị có thể tạm ngừng hoạt động khi pin bị nóng hoặc lạnh, ngay cả khi pin đã được sạc đầy. Hiệu năng hoạt động của pin đặc biệt bị giới hạn ở nhiệt độ dưới đông.

Không bỏ pin vào trong lò vi sóng vì pin có thể nổ. Pin cũng có thể phát nổ nếu bị hỏng. Bỏ pin theo quy định trong nước. Tái chế lại pin nếu có thể. Không được bỏ pin như rác sinh hoạt.

Không tháo rời hay đập vụn pin. Nếu pin bị rò, không để chất lỏng bị rò tiếp xúc với da hoặc mắt. Trong trường hợp bị tiếp xúc với chất rò rỉ, xả nước vào da hoặc mắt ngay lập tức, hoặc yêu cầu trợ giúp y tế.

# Hướng dẫn xác thực pin Nokia

Luôn sử dụng các loại pin chính hãng Nokia để đảm bảo an toàn cho quý khách. Để chắc chắn là bạn đang sử dụng pin chính hãng Nokia, hãy mua pin tại đại lý phân phối Nokia được ủy quyền, xem xét logo Phụ kiện Chính hãng Nokia trên bao bì và kiểm tra nhãn ảnh ba chiều theo các bước sau:

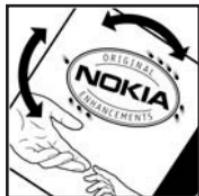
Việc thực hiện thành công đầy đủ bốn bước cũng không phải là sự bảo đảm hoàn toàn để xác thực pin chính hãng. Nếu bạn có bất cứ nghi ngờ rằng pin của bạn không phải là phụ kiện chính hãng Nokia, bạn nên ngưng sử dụng ngay lập tức và mang sản phẩm tới trung tâm dịch vụ Nokia hay đại lý phân phối sản phẩm được ủy quyền để được hỗ trợ. Trung tâm dịch vụ hoặc đại lý phân phối chính thức của Nokia sẽ kiểm tra pin xem có phải là pin chính hãng hay không. Nếu quý khách không thể xác minh pin có phải là của chính hãng hay không, hãy trả lại pin cho nơi bán.

## Xác thực ảnh ba chiều

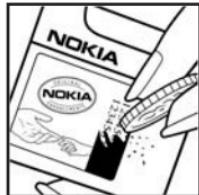
- Khi nhìn vào ảnh ba chiều trên nhãn, quý khách phải thấy được dấu hiệu hai bàn tay kết nối của Nokia từ một góc độ nhất định và biểu tượng Nokia Original Enhancements (Phụ kiện Chính hãng Nokia) khi nhìn từ góc độ khác.



- Khi quý khách nghiêng ảnh ba chiều sang trái, phải, trên và dưới, quý khách phải thấy được 1, 2, 3 và 4 chấm lẩn lướt trên mỗi cạnh.



- Cào cạnh của nhãn để làm hiện ra mã pin 20 số, ví dụ 12345678919876543210.



- Lật pin để các số hướng lên trên. Bạn có thể đọc mã pin 20 số bắt đầu từ các số từ trên xuống dưới.



- Xác nhận tính hợp lệ của mã pin 20 số bằng cách thực hiện theo các hướng dẫn trên trang web [www.nokia-asia.com/batterycheck](http://www.nokia-asia.com/batterycheck).

Để tạo một tin nhắn văn bản, nhập mã 20 số, ví dụ như 12345678919876543210, và gửi đến +44 7786 200276.

Để tạo một tin nhắn dạng văn bản,

- Đối với các quốc gia tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương, không bao gồm Ấn Độ: Nhập mã 20-số, ví dụ 12345678919876543210, và gửi đến +61 427151515.
- Chỉ dành cho Ấn Độ: Nhập vào chữ Battery và sau đó là mã pin 20 số, ví dụ Battery 12345678919876543210, và gửi đến 5555.

Cước phí gửi tin trong nước và quốc tế sẽ được áp dụng.

Quý khách sẽ nhận được một tin nhắn thông báo về việc có thể xác thực được mã pin hay không.

### **Phải làm gì nếu pin của quý khách không phải là chính hãng?**

Nếu quý khách không thể xác nhận pin Nokia của quý khách qua hình nổi ba chiều trên nhãn là pin chính hãng Nokia, đề nghị quý khách không sử dụng pin này. Hãy mang pin đến dịch vụ hoặc đại lý được ủy quyền gần nhất của Nokia để được giúp đỡ. Việc sử dụng pin không được nhà sản xuất phê chuẩn có thể gây nguy hiểm, và có thể dẫn đến hiệu năng hoạt động kém hoặc làm hỏng thiết bị và các phụ kiện nâng cấp của quý khách. Việc sử dụng này cũng có thể làm vô hiệu bất cứ sự chấp thuận hoặc bảo hành nào đối với thiết bị.

Để biết thêm thông tin về các loại pin chính hãng Nokia, hãy truy cập vào trang [www.nokia-asia.com/batterycheck](http://www.nokia-asia.com/batterycheck).



# Phụ kiện chính hãng Nokia

Một loạt phụ kiện hiện đang có sẵn cho điện thoại của bạn. Chọn các phụ kiện thích hợp với nhu cầu liên lạc của riêng mình. Danh sách các phụ kiện tương thích:

## Âm thanh

Bộ Tai Nghe Âm Thanh Nối	HS-3
Bộ Tai Nghe	HS-5
Bộ Tai Nghe Âm Thanh Nối	HDS-3
Bộ Tai Nghe	HDB-4
Bộ Tai Nghe Âm Thanh Nối	HS-20
Bộ Tai Nghe Hoạt Động	HS-8
Thiết bị nối Audio	AD-15
Bộ Tai Nghe Không Dây Clip-on	HS-21W
Bộ Tai Nghe Không Dây	HS-4W
Bộ Tai Nghe Không Dây	HDW-3
Bộ Tai Nghe Không Dây	HS-11W
Bộ Tai Nghe Hình Ảnh Không Dây	HS-13W
Bộ Tai Nghe Âm Thanh Nối Không Dây	HS-12W
Bộ Tai Nghe Âm Thanh Nối Không Dây	HS-34W

Bộ Tai Nghe Âm Thanh Nối Không Dây HS-36W

Bộ Tai Nghe Không Dây HS-26W

Đè Nhạc MD-1

Bộ Trợ Thính Cảm Ứng LPS-4

## Trên Xe

Bộ tai nghe có tassel dây BHF-3

Tai nghe trên xe Plug-in HF-3

Tai nghe trên xe Plug-in Không dây HF-6W

Bộ phụ kiện trên xe cao cấp CK-7W

Bộ Phụ Kiện Trên Xe CK-10

Giá đỡ đa năng CR-39

Điện Thoại Trên Xe N616

Bộ Sạc Di Động DC-4

## Dữ liệu

Thẻ Nhớ 128 MB miniSD MU-17

Thẻ Nhớ 256 MB miniSD MU-18

Thẻ Nhớ 512 MB miniSD MU-23

**Nhấn tin**

Bàn phím không dây SU-8W

Bút Kỹ thuật số SU-1B

**Điện nguồn**

Bộ Sạc Gọn Nhe AC-3

Một vài phụ kiện được mô tả chi tiết dưới đây.

Để biết thêm về các phụ kiện có sẵn, liên hệ với đại lý tại địa phương. Sau đây là một số hướng dẫn thực tế về cách sử dụng phụ kiện:

- Để phụ kiện ngoài tầm tay trẻ em.
- Khi bạn rút dây dẫn của bất kỳ phụ kiện nào ra, cầm vào phích cắm, không nên kéo dây.
- Thường xuyên kiểm tra mọi thiết bị điện thoại di động trong xe xem đã được lắp và vận hành đúng chưa.

Chỉ sử dụng pin, bộ sạc và phụ kiện do nhà sản xuất điện thoại kiểm duyệt. Việc sử dụng bất kỳ loại nào khác sẽ làm mất hiệu lực kiểm duyệt hoặc bảo hành và có thể gây nguy hiểm.

**Pin**

Loại	Công nghệ	Thời gian thoại#	Thời gian chờ#
BL-5B	Li-Ion	Tối đa 225 phút (GSM) Tối đa 160 phút (WCDMA)	Tối đa 220 tiếng (GSM) Tối đa 240 tiếng (WCDMA)

# Thời gian hoạt động có thể thay đổi tùy thuộc thẻ SIM, các cài đặt mạng và sử dụng, cách thức và môi trường sử dụng.

## Bộ Tai Nghe Không Dây Nokia HS-26W



Dễ sử dụng, đa năng, và thanh lịch: Bộ Tai Nghe Không Dây Nokia HS-26W là một giải pháp đàm thoại trực tiếp qua loa lý tưởng cho những người sẵn sàng bỏ tiền ra để có được một sản phẩm có giá trị.

Các tính năng chính:

- Phong cách cổ điển với công nghệ Bluetooth không dây
- Móc tai co giãn có thể vừa với cả hai tai
- Nút trả lời/kết thúc lớn, tiện lợi
- Dễ dàng điều chỉnh âm lượng - điều chỉnh các mức âm thanh một cách dễ dàng từ tai nghe
- Các chức năng điều chỉnh: trả lời/kết thúc cuộc gọi, quay số lại, kích hoạt quay số bằng giọng nói, tắt tiếng, điều chỉnh âm lượng, chuyển giữa chế độ điện thoại và đàm thoại trực tiếp qua loa

- Chọn giữa hai màu: trắng và đen
- Thời gian gọi tối đa 5 tiếng và thời gian chờ tối đa 150 tiếng

## Bộ Tai Nghe Không Dây Nokia HS-36W



Bạn không cần phải tìm điện thoại nữa. Bộ Tai Nghe Không Dây Nokia HS-36W có chức năng đàm thoại trực tiếp qua loa trong một gói thuận tiện và dễ dàng sử dụng.

Các tính năng chính:

- Điều khiển đàm thoại trực tiếp qua loa không dây thuận tiện dùng cho điện thoại di động
- Nhẹ (chỉ 20 g) và thuận tiện để sử dụng cùng với vành tai có thể điều chỉnh được
- Thời gian gọi tối đa 6 tiếng và thời gian chờ tối đa 110 tiếng

## Tai Nghe Nokia trên xe Plug-in Không dây HF-6W



Thoải mái khi lái xe trên đường với Tai nghe trên xe Plug-in không dây Nokia. Thiết bị nhỏ gọn này giao tiếp với điện thoại tương thích của bạn qua công nghệ Bluetooth không dây trong phạm vi 10 mét. "Định vị nguồn âm thanh" sử dụng bốn micro có khả năng chọn từ 19 hướng để định hướng phát nguồn âm thanh và loại bỏ nhiễu tạp âm từ những hướng khác. Hơn nữa, đây là thiết bị dễ cài đặt chỉ cần cắm vào ổ cắm bật lửa điện trên xe.

Các tính năng chính:

- Kết nối vô tuyến với điện thoại tương thích qua công nghệ Bluetooth
- Công nghệ định vị nguồn âm thanh giúp giảm nhiễu tạp âm nền
- Trả lời và kết thúc cuộc gọi và điều chỉnh âm lượng bằng các phím tích hợp
- Cài đặt chỉ với một động tác: cắm vào ổ cắm bật lửa điện trên xe
- Cáp có thể thu gọn để nạp pin cho điện thoại khi đang di chuyển

## Bàn Phím Không Dây Nokia SU-8W



Làm việc hiệu quả hơn với Bàn phím Không dây Nokia. Soạn e-mail, tin nhắn văn bản, hoặc ghi chú cuộc họp nhanh chóng và dễ dàng với bàn phím QWERTY đầy đủ chức năng. Với thiết kế gọn nhẹ, xếp lại được,

Bàn phím Không dây Nokia thuận tiện trong việc sử dụng và mang theo, đồng thời là một công cụ hoàn hảo cho văn phòng không dây di động của bạn.

Các tính năng chính:

- Bàn phím QWERTY gọn nhẹ, xếp lại được
- Phím bật/tắt nguồn công với chức năng tự động tắt nguồn khi được xếp lại
- Các phím tắt dành cho chức năng nhắn tin và menu ứng dụng chính của điện thoại tương thích
- Kết nối không dây với điện thoại tương thích (công nghệ Bluetooth không dây)
- Đèn LED chỉ thị 3 tình huống: Bật/tắt nguồn, trạng thái kết nối không dây, tình trạng pin
- Được cấp nguồn bằng 2 pin AAA

# Giữ gìn và Bảo trì

Thiết bị của quý khách là sản phẩm có thiết kế và kỹ thuật lắp ráp cao cấp, vì vậy nên được giữ gìn cẩn thận. Những đề nghị sau đây sẽ giúp quý khách không bị mất các bảo hành.

- Giữ điện thoại khô ráo. Chất kết tủa, độ ẩm, và tất cả các loại chất lỏng hoặc ẩm ướt có thể chứa các khoáng chất ăn mòn các mạch điện tử. Nếu thiết bị của quý khách bị ẩm ướt, tháo pin ra khỏi điện thoại, và để điện thoại thật khô trước khi lắp pin trở lại.
- Không sử dụng hoặc đặt thiết bị ở những nơi có bụi bẩn. Các bộ phận di động và các linh kiện điện tử của điện thoại có thể bị hư.
- Không nên cất thiết bị ở những nơi nóng. Nhiệt độ cao có thể làm giảm độ bền của thiết bị điện tử, làm hư pin, làm cong hoặc cháy một số bộ phận nhất định bằng nhựa.
- Không nên cất thiết bị ở những nơi lạnh. Khi thiết bị trở về nhiệt độ bình thường của nó, hơi ẩm có thể đọng lại trong thiết bị và gây hư hỏng các bản mạch điện tử.
- Không tìm cách mở thiết bị khác với cách thức đã được chỉ dẫn trong sách hướng dẫn này.
- Không làm rơi, đập, hoặc lắc thiết bị. Việc dùng mạnh tay có thể làm gãy các bản mạch điện tử và phần cơ khí tinh vi bên trong.

- Không sử dụng hóa chất mạnh, chất tẩy rửa, hoặc xà phòng đậm đặc để lau chùi thiết bị.
- Không sơn thiết bị. Nước sơn có thể làm nghẽn các bộ phận di động và khiến điện thoại hoạt động không đúng.
- Dùng miếng vải mềm, sạch và khô để lau chùi các ống kính, ví dụ như camera, bộ cảm biến khoảng cách, và bộ cảm biến ánh sáng.
- Chỉ sử dụng ăng-ten được cung cấp hoặc ăng-ten thay thế đã được phê chuẩn. Các sửa đổi, hoặc việc lắp ăng-ten hoặc các thiết bị đi kèm không được phê chuẩn có thể làm hư điện thoại và vi phạm các quy định về thiết bị vô tuyến.
- Sử dụng bộ sạc trong nhà.
- Luôn tạo bản dự phòng dữ liệu mà bạn muốn giữ lại ví dụ như các số liên lạc và ghi chú lịch trước khi gửi điện thoại của bạn đến dịch vụ sửa chữa.
- Thỉnh thoảng cài lại điện thoại, tắt điện thoại, và tháo pin ra để điện thoại hoạt động ở tình trạng tối ưu. Lưu dự phòng tất cả các dữ liệu quan trọng.

Tất cả các đề nghị này sẽ áp dụng chung cho thiết bị, pin, bộ sạc hoặc bất kỳ phụ kiện nâng cấp nào của quý khách. Nếu bất cứ thiết bị nào không hoạt động đúng, đem máy đến dịch vụ được ủy quyền gần nhất để sửa chữa.

# Thông tin bổ sung về sự an toàn

## Trẻ em

Thiết bị và các phụ kiện nâng cấp của quý khách có thể có các linh kiện nhỏ. Giữ chúng ngoài tầm tay với của trẻ em.

## Môi trường hoạt động

Sản phẩm này đáp ứng các tiêu chuẩn tiếp xúc RF khi cầm ở vị trí thông thường gần tai hoặc cách xa cơ thể ít nhất 2,2 cm (7/8 inches). Khi sử dụng túi đeo, đai đeo, hoặc ngăn chứa để mang thiết bị bên mình, quý khách cần đảm bảo chúng không chứa kim loại và đặt chúng ở vị trí cách xa cơ thể theo khoảng cách nêu trên.

Để truyền các tin nhắn hoặc tập tin dữ liệu, thiết bị này cần được kết nối tốt với mạng. Trong một số trường hợp, việc truyền các tin nhắn hoặc tập tin dữ liệu có thể bị chậm trễ cho đến khi có được kết nối tốt. Đảm bảo các hướng dẫn riêng về khoảng cách nêu trên được tuân thủ cho đến khi việc truyền dữ liệu hoàn tất.

Các bộ phận của thiết bị có từ tính. Những vật liệu bằng kim loại có thể bị hút vào thiết bị. Không đặt thẻ tín dụng

hoặc các phương tiện lưu trữ có từ tính gần thiết bị vì các thông tin lưu trữ trong đó có thể bị xóa.

## Thiết bị y tế

Việc sử dụng bất kỳ thiết bị truyền phát vô tuyến nào, kể cả điện thoại vô tuyến, đều có thể gây nhiễu sóng một số chức năng của các thiết bị y tế không được bảo vệ đúng mức. Tham vấn với bác sĩ hoặc nhà sản xuất thiết bị y tế để biết các thiết bị này có được bảo vệ đầy đủ không bị ảnh hưởng bởi năng lượng bức xạ sóng vô tuyến từ bên ngoài hay không hoặc khi quý khách có bất kỳ thắc mắc nào khác. Tắt thiết bị khi ở trong các cơ sở y tế khi tại những nơi đó có dán qui định yêu cầu quý khách tắt thiết bị. Bệnh viện hoặc các cơ sở chăm sóc y tế có thể đang sử dụng các thiết bị nhạy với bức xạ sóng vô tuyến từ bên ngoài.

## Thiết bị y tế cấy ghép

Các nhà sản xuất thiết bị y tế khuyên nên giữ khoảng cách tối thiểu 15,3 cm (6 inch) giữa một thiết bị không dây và thiết bị y tế cấy ghép, chẳng hạn như máy điều hòa nhịp tim hoặc máy khử rung tim được cấy ghép, để

tránh gây nhiễu cho thiết bị y tế. Những người có những thiết bị như vậy cần:

- Luôn giữ thiết bị không dây cách thiết bị y tế trên 15,3 cm (6 inch) khi thiết bị không dây được bật.
- Không để thiết bị không dây trong túi áo ngực.
- Nghe thiết bị không dây bằng tai đối diện với máy thiết bị y tế để giảm thiểu nguy cơ gây nhiễu.
- Đọc và thực hiện theo các hướng dẫn của nhà sản xuất thiết bị y tế cáy ghép.

Nếu bạn có bất cứ câu hỏi gì về việc sử dụng thiết bị không dây cùng với thiết bị y tế cáy ghép, hãy tham khảo với nhà cung cấp chăm sóc sức khỏe.

## Thiết bị trợ thính

Một số thiết bị vô tuyến kỹ thuật số có thể gây nhiễu sóng cho thiết bị trợ thính. Nếu xảy ra nhiễu sóng, tham vấn với nhà cung cấp dịch vụ của quý khách.

## Xe cộ

Tín hiệu RF có thể làm ảnh hưởng đến các hệ thống điện tử chưa được bảo vệ đúng mức hoặc lắp đặt không đúng trong các loại xe, ví dụ như hệ thống bơm xăng điện tử, hệ thống thắng chống trượt (chống khóa) điện tử, hệ thống kiểm soát tốc độ điện tử, hệ thống túi đệm khí. Để biết thêm thông tin, kiểm tra với nhà sản xuất hoặc đại diện của họ về xe của quý khách hoặc bất kỳ thiết bị nào được gắn thêm trên xe.

Chỉ những nhân viên hội đủ tiêu chuẩn chuyên môn mới được sửa chữa thiết bị hoặc lắp đặt điện thoại trong xe. Lắp đặt sai hoặc sửa chữa không đúng có thể gây nguy hiểm và làm vô hiệu bất cứ bảo hành nào có thể được áp dụng cho thiết bị. Thường xuyên kiểm tra mọi thiết bị điện thoại trên xe của quý khách để xem đã được lắp và vận hành đúng chưa. Không lưu trữ hoặc chuyên chở các chất lỏng dễ cháy, khí đốt hoặc chất nổ chung với thiết bị, các phụ kiện nâng cấp, hoặc phụ tùng của thiết bị trong cùng một ngăn chứa. Đối với xe hơi có trang bị túi đệm khí, xin lưu ý túi đệm khí sẽ bung ra với một lực lớn. Không được đặt đồ vật, kể cả thiết bị vô tuyến lắp sẵn hoặc di động ở khu vực phía trên túi đệm khí hoặc trong khu vực sử dụng túi đệm khí. Nếu thiết bị vô tuyến trong xe không được lắp đặt đúng cách thì khi túi đệm khí bung ra có thể gây thương tật nghiêm trọng.

Cấm sử dụng thiết bị này khi ở trên máy bay. Tắt thiết bị của quý khách trước khi lên máy bay. Sử dụng thiết bị viễn thông vô tuyến trên máy bay có thể gây nguy hiểm cho việc vận hành máy bay, làm gián đoạn mạng điện thoại vô tuyến và có thể là bất hợp pháp.

## Môi trường phát nổ tiềm ẩn

Tắt thiết bị của quý khách khi ở trong khu vực có môi trường phát nổ tiềm ẩn và phải tuân theo tắt cả các biển báo và bảng hướng dẫn. Môi trường gây nổ tiềm ẩn bao gồm cả các khu vực nơi quý khách thông thường được yêu cầu tắt máy xe. Các tia lửa trong những khu vực như thế có thể gây ra cháy, nổ dẫn đến bị thương tật hoặc thậm chí tử vong. Tắt điện thoại tại các trạm tiếp

nhiên liệu, ví dụ như khi ở gần trụ đỡ xăng tại các trạm dịch vụ. Tuân theo các hạn chế được áp dụng đối với việc sử dụng các thiết bị vô tuyến tại các kho chứa, kho lưu trữ và khu vực phân phối nhiên liệu, nhà máy hóa chất hoặc khu vực đang tiến hành cho phát nổ. Những khu vực tiềm ẩn khả năng gây nổ thông thường nhưng không phải lúc nào cũng có ghi cảnh báo rõ ràng. Những khu vực này bao gồm dưới boong tàu, các phương tiện chuyên chở hoặc kho hóa chất, các phương tiện sử dụng khí đốt lỏng (như propan hay butan); ở môi trường không khí có hóa chất hay những hạt nhỏ thóc gạo, bụi hoặc bột kim loại.

## Cuộc gọi khẩn cấp



**Lưu ý quan trọng:** Điện thoại vô tuyến này, cũng như các thiết bị vô tuyến khác, sử dụng tín hiệu vô tuyến, mạng vô tuyến, mạng hữu tuyến, và các chức năng do người sử dụng lập trình. Do đó, các kết nối không được đảm bảo trong mọi điều kiện. Quý khách không nên chỉ duy nhất dựa vào bất cứ thiết bị vô tuyến nào cho các cuộc liên lạc khẩn cấp như cấp cứu y tế chẳng hạn.

## Đề gợi khẩn cấp:

- 1 Bật thiết bị nếu chưa bật. Kiểm tra cường độ tín hiệu.  
Một số mạng có thể yêu cầu phải lắp đúng cách thẻ SIM hợp lệ vào thiết bị.
- 2 Bấm phím kết thúc một số lần theo yêu cầu để xóa màn hình hiển thị và sẵn sàng cho các cuộc gọi.
- 3 Nhập số điện thoại khẩn cấp chính thức tại địa điểm hiện thời của quý khách. Số khẩn cấp thay đổi tùy theo địa phương.
- 4 Bấm phím gọi.

Nếu đang sử dụng một số các chức năng nhất định, trước tiên quý khách có thể phải cần tắt các chức năng đó mới có thể gọi số khẩn cấp được. Nếu thiết bị đang ở cấu hình không trực tuyến hoặc cấu hình trên máy bay, quý khách cần thay đổi cấu hình để kích hoạt chức năng điện thoại trước khi quý khách có thể thực hiện cuộc gọi khẩn cấp. Để biết thêm thông tin, tham khảo tài liệu hướng dẫn này hoặc tham vấn ý kiến của nhà cung cấp dịch vụ của quý khách.

Khi gọi số khẩn cấp, cung cấp tất cả thông tin cần thiết càng chính xác càng tốt. Thiết bị vô tuyến của quý khách có thể là phương tiện liên lạc duy nhất tại hiện trường xảy ra tai nạn. Không cúp cuộc gọi cho đến khi được phép cúp.

## Thông tin về chứng nhận (SAR)

### THIẾT BỊ DI ĐỘNG NÀY ĐÁP ỨNG CÁC HƯỚNG DẪN VỀ TIẾP XÚC VỚI SÓNG VÔ TUYẾN.

Thiết bị di động của quý khách là một thiết bị truyền và nhận sóng vô tuyến. Thiết bị được thiết kế sao cho không vượt quá các giới hạn tiếp xúc với sóng vô tuyến được khuyến nghị theo các hướng dẫn quốc tế. Các hướng dẫn này được phát triển bởi tổ chức khoa học độc lập ICNIRP và bao gồm các nguyên tắc an toàn được thiết kế để bảo đảm an toàn cho tất cả mọi người, bất kể tuổi tác cũng như sức khỏe.

Các hướng dẫn về tiếp xúc dành cho thiết bị di động áp dụng một đơn vị đo lường được gọi là Tỉ lệ Hấp thụ Riêng, hay còn gọi là SAR. Giới hạn SAR được nêu trong các hướng dẫn của ICNIRP là 2,0 W/kg bình quân trên 10 gram mô cơ thể. Các thử nghiệm về SAR được tiến hành có sử dụng các vị trí vận hành chuẩn khi thiết bị truyền phát ở mức năng lượng được chứng nhận là cao nhất trong mọi băng tần thử nghiệm. Mức SAR thực sự của điện thoại trong khi vận hành có thể ở dưới giá trị cực đại vì điện thoại được thiết kế để chỉ sử dụng mức năng lượng cần có để nối mạng. Mức năng lượng thay đổi tùy thuộc vào một số các yếu tố như khoảng cách giữa quý khách và một trạm phát của mạng. Giá trị SAR cao nhất theo hướng dẫn của ICNIRP để sử dụng điện thoại gần tai là 0,68 W/kg.

Việc sử dụng các phụ tùng và phụ kiện nâng cấp cho thiết bị có thể tạo ra các giá trị SAR khác nhau. Giá trị SAR có thể thay đổi tùy thuộc vào các yêu cầu thử nghiệm và báo cáo trong nước và băng tần của mạng. Thông tin thêm về SAR có thể được cung cấp dưới thông tin sản phẩm tại trang web [www.nokia-asia.com](http://www.nokia-asia.com).

# Từ mục

## A

### Âm thanh

ghi âm 103  
tắt âm báo 70

## B

### Bảo vệ bản quyền

Xem *mã khóa khởi động*

### Báo lại

### Báo thức

báo thức 4

### Biên tập phim

hiệu chỉnh đoạn phim 23  
thêm đoạn âm thanh 23  
thêm đoạn chuyển cảnh 23  
thêm hiệu ứng 23

### Bluetooth

bảo mật 94  
địa chỉ thiết bị 95  
ghép nối 95  
gửi dữ liệu 94  
tai nghe 118  
tắt 96

### Bộ nhớ

xem mức sử dụng bộ nhớ 11

xóa bộ nhớ 11, 72, 73

### Bộ sưu tập

các tập tin dự phòng 29  
diễn thuyết 28  
sắp xếp các tập tin trong album 28, 32

## C

### Cache, xóa

### Camera

biên tập phim 23  
cài đặt camera hình tĩnh 19  
cài đặt hình ảnh 17  
cài đặt video 17  
các chế độ chụp ảnh 17  
các phím tắt camera hình tĩnh 15  
các phím tắt video 22  
chế độ chụp liên tiếp 16  
chụp tự động 16  
đèn flash 17  
lưu đoạn phim 21  
gửi hình 16  
hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc 15, 17, 21

thông số cài đặt máy quay video 22

### Cài đặt

cài đặt gốc 108  
cài đặt riêng điện thoại 104  
 chặn cuộc gọi 117  
 chuyển hướng cuộc gọi 117  
 chứng chỉ 115  
 điểm truy cập 110  
 IM 88, 89, 91  
 kết nối dữ liệu 110  
 Khả năng kết nối Bluetooth 93  
 lịch 85  
 màn hình 108  
 màn hình riêng 108  
 mã khóa 115  
 Mã PIN 115  
 mã truy cập 114  
 Mã UPIN 115  
 Mã UPUK 115  
 ngày và giờ 114  
 ngôn ngữ 107

### Cài đặt kết nối

### Cài đặt tai nghe

### Cài đặt riêng

Cài đặt thiết bị trợ thính 118  
**Các chế độ chụp ảnh**  
    các chế độ chụp hình ảnh 18  
    các chế độ quay video 18  
**Các chí báo** 3  
**Các dạng tập tin**  
    .sis 120  
    .jad 120  
    .jar 120, 121  
    RealPlayer 39  
**Các tập tin media**  
    định dạng tập tin 39  
    lui về 39  
    tắt âm 39  
    tiến nhanh về trước 39  
**Các tập tin svg** 28  
**Các ứng dụng**  
    cài đặt 120  
    Java 120  
**Cấu hình** 104  
    cập nhật phần mềm 1  
**Ch**  
    Chế độ chờ 104, 106  
    Chế độ sử dụng SIM từ xa 93  
    Chuyển nội dung từ một thiết bị khác 2  
**Chủ đề** 106  
    Chương trình quản lý thiết bị 99

**Chứng chỉ** 115  
**Chỉ mục** 76  
**Cuộc gọi**  
    cài đặt 109  
    cài đặt chuyển hướng cuộc gọi 117  
    chia sẻ video 67  
    chuyển 71  
    quốc tế 64  
    thời lượng 72  
    cuộc gọi khẩn cấp 139  
    Cuộc gọi hội nghị 65  
    Cuộc gọi video 66  
        trả lời 71  
        tù chối 71  
**D**  
    **Danh bạ**  
        Xem phần thẻ liên lạc  
    **Dự phòng** 10  
    **Dịch vụ**  
        Xem phần Web  
**D**  
    **Dài FM** 86  
    **Điều chỉnh âm lượng** 4  
        loa 4  
        trong khi gọi 64  
    **Điểm truy cập** 110  
    **cài đặt** 110  
**Điểm truy cập Internet (IAP)**  
    Xem *điểm truy cập*  
**Đồng bộ** 98  
**Đồng hồ** 4  
    âm báo 4  
    cài đặt 5  
**E**  
**E-mail** 48  
    cài đặt 56  
    mở 53  
    nhận từ hộp thư 52  
    hộp thư từ xa 52  
    tải tự động 53  
    xem tập tin đính kèm 53  
**F**  
    **File âm thanh** 26  
    **Flash player** 43  
**Gi**  
    **Giờ** 4  
    **Gọi số ấn định** 62  
    **Gửi**  
        các đoạn phim 25  
        hình 16  
        thẻ liên lạc, danh thiếp 61

## H

**Hộp thư** 52

tải tự động 53

**Hộp thư thoại** 64

chuyển hướng cuộc gọi đến

hộp thư thoại 117

thay đổi số điện thoại 64

**Hộp thư từ xa** 52

## I

**Internet**

Xem phần *Web*

## K

**Kết nối dữ liệu**

các chí báo 3

chi tiết 98

kết thúc 98

**Kết nối dữ liệu gói**

cài đặt 113

**Kết nối với máy PC** 97

**Kết nối với máy tính** 97

**Kiểu chuông**

kiểu chuông riêng 62

nhận dưới dạng tin nhắn văn

bản 51

## Kh

**Khẩu lệnh** 119

gọi điện 66

## L

**Lệnh dịch vụ** 46

**Lệnh thoại** 119

**Lệnh USSD** 46

**Loa** 4

**Lịch**

đồng bộ PC Suite 84

tạo các mục nhập 84

## M

**Mã** 114

mã bảo vệ 115

mã khóa 115

Mã PIN 115

Mã PIN2 115

**Mã bảo vệ**

Xem phần *mã khóa*

**Mã khóa** 115

**Mã khóa kích hoạt** 122

**Mã PIN** 115

**Mã UPIN** 115

**Mã UPUK** 115

**Máy nghe nhạc** 36

**Mạng LAN không dây** 6

bảo mật 8

cài đặt điểm truy cập 112

tạo IAP 6

Xem thêm phần *mạng gia đình*

**Mạng gia đình** 7, 29

bảo mật 8

**Menu, sắp xếp lại** 104

**modem** 97

**Movie, muvee**

quick muvee 41

tùy chỉnh muvee 41

## Ng

**Ngày** 4

## Nh

**Nhắn tin**

e-mail 48

tin nhắn đa phương tiện 48

**Nhắn tin trò chuyện** 88

kết nối server 88

khóa 90

ghi tin nhắn 90

gửi tin nhắn trò chuyện 90

**Nhật ký**

lọc 74

xóa nội dung 74

**Nhật ký cuộc gọi**

Xem phần *Nhật ký*

## P

**PC Suite**

dữ liệu lịch 84

đồng bộ hóa 97

<p>truyền tải tập tin âm nhạc vào thẻ nhớ 36</p> <p>xem dữ liệu trong bộ nhớ điện thoại 11</p> <p><b>P</b></p> <p><b>Phần mềm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>truyền tập tin về điện thoại 120</li> </ul> <p><b>Phụ kiện chính hãng Nokia</b> 131</p> <p><b>Phím tắt</b> 12</p> <p><b>Q</b></p> <p>Quay số bằng khẩu lệnh 65</p> <p>Quay số nhanh 65</p> <p>Quản lý bản quyền kỹ thuật số, DRM</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Xem <i>mã khóa khởi động</i></li> </ul> <p><b>S</b></p> <p><b>Sao chép</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>các số liên lạc giữa thẻ SIM và bộ nhớ điện thoại 61</li> </ul> <p><b>SAR (tỉ lệ hấp thụ riêng)</b> 140</p> <p><b>T</b></p> <p><b>Tai nghe</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Xem <i>loa</i></li> </ul> <p><b>Tắt âm</b> 39</p> <p><b>Tập tin sis</b> 120</p> <p><b>Tin nhắn đa phương tiện</b> 48</p> <p><b>Tin nhắn thoại</b> 64</p>	<p><b>Th</b></p> <p><b>Thẻ liên lạc</b> 60</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>chèn hình 60</li> <li>lưu âm DTMF 72</li> <li>gửi 61</li> </ul> <p><b>Thẻ miniSD</b> 9</p> <p><b>Thẻ nhớ</b> 10</p> <p><b>Thẻ SIM</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>sao chép các tên và số liên lạc vào điện thoại 61</li> <li>tên và số điện thoại 62</li> <li>tin nhắn 54</li> </ul> <p><b>Thời lượng nhật ký</b> 74</p> <p><b>Tr</b></p> <p><b>Trò chuyện</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Xem phần <i>tin nhắn trò chuyện</i></li> </ul> <p><b>Trình quản lý tập tin</b> 10</p> <p><b>U</b></p> <p><b>UPnP</b> 7</p> <p><b>Ú</b></p> <p><b>Ứng dụng trợ giúp</b> 13</p> <p><b>V</b></p> <p><b>Video clip</b> 26</p> <p><b>Video player</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Xem phần <i>RealPlayer</i></li> </ul> <p><b>Visual Radio</b> 86</p> <p>ID dịch vụ trực quan 87</p>	<p>xem nội dung 87</p> <p><b>W</b></p> <p><b>Web</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>blog 82</li> <li>các điểm truy cập, xem phần <i>điểm truy cập</i></li> <li>cấp dữ liệu 82</li> <li>trình duyệt 75, 79</li> </ul> <p><b>X</b></p> <p><b>Xóa màn hình</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Xem <i>chế độ chờ</i></li> </ul> <p><b>Y</b></p> <p><b>Java</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Xem phần <i>các ứng dụng</i></li> </ul>
---	---	---

# Dịch Vụ Chăm Sóc Khách Hàng Trực Tuyến của Nokia

THUYẾT TRÌNH  
TUONG TÁC



PHẦN MỀM



## THUYẾT TRÌNH TUONG TÁC

Tìm hiểu cách thiết lập điện thoại lần đầu tiên, và tìm hiểu thêm về các chức năng của điện thoại. Thuyết Trình Tương Tác cung cấp các hướng dẫn từng bước về cách sử dụng điện thoại.

## TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng trực tuyến bao gồm thông tin chi tiết về điện thoại của bạn. Hãy nhớ kiểm tra thường xuyên để có các cập nhật.

## PHẦN MỀM

Tận dụng hết mọi chức năng của điện thoại với phần mềm dành cho điện thoại và máy PC. Nokia PC Suite kết nối điện thoại và máy PC để bạn có thể quản lý lịch, số liên lạc, nhạc và hình ảnh, trong khi các ứng dụng khác bổ sung cho việc sử dụng điện thoại.

## CÀI ĐẶT

Một số chức năng nhất định của điện thoại, như là nhắn tin đa phương tiện, trình duyệt di động và email\*, có thể cần cài đặt trước khi có thể sử dụng chúng. Nhận các thông số cài đặt trên điện thoại miễn phí.

\*Không khả dụng với mọi điện thoại.

CÀI ĐẶT



## LÀM THẾ NÀO ĐỂ SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI CỦA TÔI?

Mục Thiết Lập, tại [www.nokia-asia.com/setup](http://www.nokia-asia.com/setup), giúp bạn chuẩn bị điện thoại để sử dụng. Tự làm quen với các chức năng và tính năng của điện thoại bằng cách tham khảo mục Hướng Dẫn Sử Dụng và Demo tại [www.nokia-asia.com/guides](http://www.nokia-asia.com/guides).

## LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐỒNG BỘ ĐIỆN THOẠI VÀ MÁY PC?

Kết nối điện thoại với một máy PC tương thích bằng phiên bản Nokia PC Suite thiết yếu từ [www.nokia-asia.com/pcsuite](http://www.nokia-asia.com/pcsuite) cho phép bạn đồng bộ lịch và các số liên lạc.

## TÔI CÓ THỂ LẤY PHẦN MỀM CHO ĐIỆN THOẠI CỦA TÔI Ở ĐÂU?

Sử dụng điện thoại hiệu quả hơn bằng những chương trình tải xuống từ mục Phần Mềm tại [www.nokia-asia.com/software](http://www.nokia-asia.com/software).

## TÔI CÓ THỂ TÌM CÁC CÂU TRẢ LỜI CHO NHỮNG CÂU HỎI PHỔ BIẾN Ở ĐÂU?

Tim trong mục FAQ (Câu Hỏi Thường Gặp) tại [www.nokia-asia.com/faq](http://www.nokia-asia.com/faq) để có những câu trả lời cho các câu hỏi của bạn về điện thoại, các sản phẩm và dịch vụ khác của Nokia.

## LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐƯỢC CẬP NHẬT VỀ NHỮNG TIN TỨC CỦA NOKIA?

Đăng ký trực tuyến trên trang web [www.nokia-asia.com/signup](http://www.nokia-asia.com/signup) và trở thành người đầu tiên biết về những sản phẩm và khuyến mại mới nhất. Đăng ký với "Kết Nối Nokia" để nhận các cập nhật hàng tháng về những điện thoại và công nghệ mới nhất. Đăng ký với "Làm Người Đầu Tiên Biết" để nhận được những xem trước về các thông báo điện thoại mới hoặc đăng ký với "Thư Quảng Cáo" để biết về những sự kiện sắp tới.

Nếu bạn vẫn cần trợ giúp thêm, vui lòng truy cập vào trang web [www.nokia-asia.com/contactus](http://www.nokia-asia.com/contactus).

Để biết thêm thông tin về các dịch vụ sửa chữa, vui lòng truy cập vào trang web [www.nokia-asia.com/repair](http://www.nokia-asia.com/repair).

Vui lòng truy cập vào trang web tại quốc gia bạn để biết thêm chi tiết:

Australia và New Zealand

[www.nokia.com.au/support](http://www.nokia.com.au/support)

Malaysia

[www.nokia.com.my/support](http://www.nokia.com.my/support)

Ấn Độ

[www.nokia.co.in/support](http://www.nokia.co.in/support)

Philippines

[www.nokia.com.ph/support](http://www.nokia.com.ph/support)

Indonesia

[www.nokia.co.id/support](http://www.nokia.co.id/support)

Singapore

[www.nokia.com.sg/support](http://www.nokia.com.sg/support)

Nhật Bản

[www.nokia.co.jp/support](http://www.nokia.co.jp/support)

Thái Lan

[www.nokia.co.th/support](http://www.nokia.co.th/support)

Nếu quốc gia của bạn không có ở trên, vui lòng truy cập vào trang web [www.nokia-asia.com/support](http://www.nokia-asia.com/support).

